

**ĐỊA TẶNG
MẬT
NGHĨA**

ĐỊA TẠNG MẬT NGHĨA

* Từ Phạn ra Hán: Tam Tạng Pháp sư Pháp Đăng
dịch.

* Từ Hán ra Việt: Chánh Trí dịch.

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

KÍNH DÂNG HƯƠNG LINH TỬ MẪU

Mà lòng chí thành chí tín
đã cảm hóa sâu dày “đứa con hoang”
Chánh Trí

- | | |
|-------------------------|--------|
| 1. Cư sĩ Lâm Hoàng Lộc | 500 bộ |
| 2. Chùa Phật học Xá Lợi | 300 bộ |
| 3. Cư sĩ Trần Đức Hạ | 100 bộ |
| 4. Quỹ ấn tống Hoa Sen | 500 bộ |
| 5. Cư sĩ Trần Phi Hùng | 100 bộ |



CHÁNH TRÍ MAI THỌ TRUYỀN
1905-1973



THAY LỜI TỰA

TÔI ĐI NGHE GIẢNG KINH ĐỊA TẠNG

Thể theo sự đòi hỏi của một số đồng giáo hữu, Hội Phật Học Nam Việt tổ chức vào mỗi buổi chiều thứ bảy, từ 8g30 tối, một khóa giảng Kinh.

Thứ bảy ngày 9-11-1957, Đạo hữu Chánh Trí đã mở đầu khóa giảng với bộ Kinh Địa Tạng, trước trên ba trăm thánh giả, phần đông là học thức, của đủ các hạng tuổi.

Dưới đây, xin ghi lại những điều nghe thấy và cảm tưởng của chúng tôi đối với buổi giảng đầu tiên.

VIÊN PHÁP

Trước hết, xin nói ngay là buổi giảng rất hào hứng và linh động, làm cho đa số trí thức thánh giả mắt sáng lên, lòng đầy hoan hỷ, ngồi nghe trót hai giờ đồng hồ mà không biết chán mỏi, vì sung sướng thấy bao thắc

mắc, nghi ngờ của mình về vấn đề Địa ngục, Địa Tạng, được giải thích rành mạch.

Về Địa ngục, thường chúng tôi thấy có hai thái độ khác nhau trong hàng Phật tử:

+ Một đảng thì tin có Địa ngục, nhưng tin một cách mù mờ, sai lạc, vì thế không dứt dặng nhân Địa ngục, để khỏi cái quả Địa ngục, cho nên không bao giờ thoát ly dặng cái khổ Địa ngục.

+ Một đảng thì phân vân bất quyết, không biết phải tin hay không, vì vậy trong trí quán không có gì dứt khoát và trong hạnh tu không có gì nhứt định.

Đối với Địa Tạng Bồ tát cũng có hai luồng tư tưởng khác nhau:

+ Một hạng tin rằng đã có ngài Địa Tạng phát nguyện cứu độ tội vong ra khỏi u minh địa ngục, thì ta cứ “làm ăn” như ai, rủi ro có bề nào sẽ có ngài đùm bọc. Ngài lại còn nguyện “Địa ngục chưa trống không, ta quyết không thành Phật”, thì dầu ta còn phải đọa Địa ngục lâu xa thế mấy đi nữa, cũng còn có ngài cứu thoát, không đến nỗi nào mà sợ.

Hạng này còn tin đức Địa Tạng có quyền lực dẫn vong vào cảnh Tây phương tự tại, vô ngại. Hễ có ngài dẫn, thì không có một quỷ sứ nào dám bắt đem nạp cho Diêm vương phán xét. Hơn nữa, ngài lại còn có quyền

lực phá ngục thả tội mà chẳng có ông Diêm vương nào dám cản trở. Do những tin tưởng này, mới có việc mượn làm chay với cảnh thầy cả đội lốt Địa Tạng phá ngục giải phóng tội vong. Ôi thôi! Kể sao cho xiết những quan niệm sai lầm như thế về Bồ tát Địa Tạng và về quyền năng của ngài! Ròng rã là những sự tin tưởng thần quyền, ý lại tha lực, làm hoen ố Phật giáo nước nhà!

+ Một hạng khác lại suy nghĩ: Không lẽ lại có một ông Bồ tát “cãi Trời” cho đến bỏ luật như quả, dám vì cảm tình với người sống mà làm việc bất công là thả tội hộ vong. Vì suy nghĩ như thế, họ mất lòng chánh tín đối với vị Bổn tôn Bồ tát và thói bộ, không bước được vào cửa Phật tu hành, để mưu hoạch lợi ích cho mình. Thật đáng phàn nàn cho hạng này, vì họ là bậc có trí, biết suy nghĩ và có đạo tâm, chỉ vì không ai chỉ bảo thành ra hiểu lầm, nghi sái.



Nay đạo hữu Chánh Trí đem kinh Địa Tạng ra giảng, lại dám trình bày bạo dạn và vạch rõ phân minh những chỗ bí ẩn trong kinh, để phô bày cái bí nghĩa chân thực, hiển phát cái chân lý Đại thừa, thật đạo hữu đã giúp ích rất nhiều cho những ai chưa thấu triệt. Có vạch rõ như thế những ẩn ý của Phật, mời lìa đặng ngón

tay mà thấy đặng mặt trắng, không thì cứ ôm dính ba cái chữ, rồi tối vẫn hoàn tối.



Diễn giả đã theo đường lối nào để đưa thính giả tới chỗ diễn giả muốn dặt đến?

Vô đầu, đạo hữu Chánh Trí thanh minh rằng kinh Địa Tạng thuộc về Quyền giáo, khác với những bộ kinh thuộc về Thực giáo, trực chỉ Chơn lý. Có thể xem kinh Địa Tạng như một bài ngụ ngôn trường thiên, trong đó Phật dùng ngụ ý (paraboles) để ám chỉ một chơn lý đáng phát minh, như những bài ngụ ngôn của các hiền triết Đông Tây mà cốt yếu là để dạy những nguyên tắc luân lý, hoặc những truyện đời xưa, những truyện giải buồn, do văn nhơn, hiền sĩ dặt ra vì thiết tha với thế sự, muốn hoá cải nhơn tâm...

Kế đó, dựa theo những đoạn kinh văn, diễn giả giải rằng đức Địa Tạng không phải là một nhơn vật lịch sử (personnage historique), có một đời sống ở thế gian như đức Phật Thích Ca, mà là một nhơn vật tượng trưng (personnage symbolique), dặt ra để tiêu biểu cho những đoạn đức cương quyết, nguyện lực dồi dào và hành động linh tiệp. Địa Tạng cũng chỉ cái gì cực tôn cực quý trong người (Bổn tôn), đủ năng lực đả phá vô minh, trực tiếp cứu vớt con người ra khỏi cảnh ngục thất tối đen dày bịt (đại thiết vi), thoát vòng tội lỗi khổ đau, và dẫn

con người trở về sùng bái cái cực tôn cực quý ấy là Chơn Tâm của mỗi chúng ta vậy.

Để chứng minh điều mình quả quyết, diễn giả dẫn câu “Địa ngôn: kiên, hậu, quảng hàm tàng” và nói: Tại sao dùng hai chữ Địa Tạng để ám chỉ Chơn Tâm? Cứ xem câu vừa trích trong bài tán ở đầu quyển kinh đủ thấy. Địa là chỉ cái gì kiên cố bất diệt, sâu dày không thể đo lường (hậu), và rộng chứa không gì bỏ ra ngoài (quảng hàm tàng). Thế có phải chỉ Chơn Tâm hay Như Lai Tạng không? Vì ai đập vỡ Tâm được mà không bảo là kiên cố, ai đo được cái vô cùng tận của Tâm mà không bảo nó sâu dày không thể đo lường, và có gì ngoài Tâm được mà không bảo nó ngậm chứa tất cả?

Lại nữa, diễn giả nói tiếp, nếu không ám chỉ Chơn Tâm, thì làm sao cắt nghĩa được câu:

Tam thế Như Lai đồng tán ngưỡng

Thập phương Bồ tát cộng quy y?

“Không lẽ ba đời chư Phật (quá khứ, hiện tại, vị lai) lại đi khen ngợi, ngưỡng mộ một vị Bồ tát, còn mười phương Bồ tát lại quy y với một người đồng đẳng với mình? Thật rõ là ám chỉ cái Chơn lý bất diệt là Chơn Tâm, mà không ai (kể luôn chư Phật, Bồ tát) được phủ nhận, vì phủ nhận là còn sống trong vô minh mà hễ còn sống trong vô minh thì làm sao có Phật và Bồ tát? Nói một cách khác, nhờ thể nhận được Chơn Tâm, tán thán

ngưỡng mộ Chơn Tâm, nên Phật mới thành Phật, và cũng nhờ biết quay về an trú nơi Chơn Tâm, sống theo tiếng gọi của Chơn Tâm, nên Bồ tát mới thành hạnh Bồ tát”.

Đến hai câu:

Thủ trung kim tích, chấn khai địa ngục chi môn.

Chưởng thượng minh châu, quang nhiếp Đại thiên chi giới.

Diễn giả giải thích:

“Đó là một lối dùng biểu tượng (symbole) để diễn tả những công năng của Chơn Tâm. Tích trượng (gậy sắt), tượng trưng cho cái ý chí cương quyết (volonté de fer) bẻ xiềng xích, phá ngục tù của những người thức tỉnh, tức là đã trở về với Chơn Tâm. Đó cũng là sức mạnh vô song của Chơn Tâm, biết diệu dụng thì không việc thiện nào là không làm được, còn không biết diệu dụng thì nó cũng có thể đưa con người đến chỗ tội lỗi không bờ bến. Vì sao? Vì cái cương quyết làm phải ở người tốt và cái cương quyết làm sai ở người xấu, đồng một mãnh lực như nhau. Tuy hai mà trên căn bản vẫn một, tại chỗ dùng có khác mà một xem tuồng như hai, thí như con dao bén có thể dùng giúp ta xắt cải xắt rau, mà cũng có thể trợ cái giận của ta trong việc chém người hại vật. Còn viên ngọc (minh châu) sức sáng rọi khắp ba ngàn thế giới kia cũng là một lối nói để ám chỉ

cái Đại trí huệ, hay Trí Bát nhã sẵn có ở mỗi người, linh tiệp vô cùng, không đâu chẳng thấy, không gì chẳng biết, bao xa cũng soi tới, bao sâu cũng chiếu suốt. Mà Trí và Tâm không phải sai khác, cho nên nói Đại trí minh châu cũng là nói Chơn Tâm vậy”.

Còn mấy câu:

Diêm vương điện thượng

Nghiệp cảnh đài tiên

Vị Nam phù đề chúng sanh

Tác đại chứng minh công đức chủ.

thì theo đạo hữu Chánh Trí, là tả những cái dụng khác của Chơn Tâm, cái dụng hồi quang phản chiếu, quay cái sáng, rọi trở lại đời sống hằng ngày, từ ngoài cho đến trong, như người Pháp nói “xét lòng” (examen de conscience). “Thật vậy, diễn giả nói, ai xét ta và luận ta cho bằng lương tâm ta, vì biết bao nhiêu tội lỗi ta đã tạo mà công lý nào biết được! Do đây, bài tán mới vì Địa Tạng (Chơn Tâm) là ông vua cõi Diêm La, ngồi trên điện cao để phán xét tội trạng của ta. Còn tự ta muốn biết nghiệp lành, nghiệp ác của ta ư? Thì cứ ngó trở lại vào lòng, cái “gương lòng” sẽ phản chiếu cho ta thấy tất cả. Gương ấy là Chơn Tâm Địa Tạng đó, nên gọi là Nghiệp cảnh (cái kiếng soi nghiệp). Chơn Tâm ta đã là ông Tòa, ông Diêm vương xét tội, thì Chơn Tâm ấy cũng là người chứng kiến và ghi chép những công đức của ta. Thế nên nói Địa Tạng làm người chứng

minh các công đức (mérites) của chúng sanh cõi Nam Diêm Phù Đề, tức là cõi thế gian này vậy.”

Tóm lại, diễn giả chỉ rằng: Địa Tạng là Chơn Tâm hay Như Lai Tạng tâm, đủ cả Tánh thể, Tánh cụ và Tánh dụng. Tánh thể là BỔN tôn, nên “Tam thế Như Lai đồng tán ngưỡng, thập phương Bồ tát cộng quy y”. Về Tánh cụ (có sẵn) thì “kiên, hậu, quảng hàm tàng, từ nhơn, tích thiện, thệ cứu chúng sanh” sẵn đủ cả Đại nguyện (grande volonté), Đại hạnh (grande activité), Đại thệ (grande détermination). Vì vậy Kinh chia ra ba phần hay ba quyển: Địa Tạng bốn nguyện, Địa Tạng bốn hạnh, Địa Tạng bốn thệ. Rốt hết là Tánh dụng. Hai Tánh trước đã lớn lao và đầy đủ vô cùng thì cái Dụng của Chơn Tâm cũng vô cùng, do đó mà chúng sanh trong quá khứ, hiện tại, vị lai, nếu biết quy y Tâm thì được ra khỏi địa ngục vô minh, tức là được cứu độ như Kinh nói.

Đạo hữu Chánh Trí giảng đúng với giáo nghĩa của Đại thừa. Theo lý tuyệt đối (đệ nhất nghĩa đế), ngoài Tâm không pháp, cho nên sự sự đều là Tâm, vật vật đều là Tâm. Tâm tác Thiên đường, Tâm tạo địa ngục, ba cõi chỉ đều do Tâm, mười cõi chỉ đều do Tâm, tất cả đều do Một Tâm (duy Nhất Tâm), không gì ngoài Nó. Cho nên, có chúng sanh thọ khổ địa ngục nơi Tự Tâm (en Soi), thì Địa Tạng Bồ tát cũng cứu độ trong Tự Tâm. Ngoài Tâm, không có địa ngục, chúng sanh nào khác; ngoài

Tâm, không có Địa Tạng phá ngục dẫn vong nào khác. Đây là cái lý bí ẩn của kinh Đại thừa mà chúng ta cần khám phá và khai thác để tự lợi, lợi tha. Dùng ông Bồ tát Tự Tánh mà cứu độ chúng sanh của Tự Tâm, lửa đó, nước đó, thật là muôn phần linh diệu và diệu dụng.

Đạo hữu Chánh Trí đã đem lại cho thánh giả một niềm tin tưởng vững chãi, phấn tấn, vì mình có tự tin ở mình có ông Bồ tát biết dùng hột minh châu Đại trí huệ chiếu phá vô minh, tiêu trừ những nỗi lòng đen tối, cởi mở những quan niệm sai lầm, đập phá ngục tham, sân, si, ái... thì mình mới khỏi cầu ai xa lạ, viễn vong, vừa khó khăn, vừa không chắc, khỏi mắc phải cái tánh ỷ lại thần quyền, mơ hồ và tai hại.

Lại nữa, nếu tự hay nơi mình có Chơn Tâm linh minh sáng suốt làm quan Tòa, thường ngồi tại bàn án, chiếu gương soi nghiệp, xét nét vô tư những điều ẩn khuất nơi cõi lòng, thì chắc chắn đời người sẽ có sự hoán cải, dứt ác làm lành, đổi đen ra trắng.

Dù rằng, từ trước đến đây, diễn giả đã dẫn kinh để chứng tỏ rằng Địa Tạng chỉ là một lối tượng trưng để chỉ Chơn Tâm, trong hàng thánh giả hình như còn có người chưa tin. Đạo hữu Chánh Trí nói thêm: “Tìm hiểu Địa Tạng Bồ tát có thật hay không, không quan hệ bằng tìm biết kinh Địa Tạng có ích gì cho chúng ta trong việc tu hành”. Đạo hữu nói rất có lý, nếu chúng ta nhớ lại Phật thuở xưa kia cũng có lần bác những kẻ đến hỏi Ngài thế

giới có hay không có, hữu hạn hay vô biên v.v... Phật bảo: Nên hỏi ngay làm sao đặng hiện tiền giải thoát, vì hỏi như vậy mới thiết thực hơn, còn hỏi như trên thì phải sa lầy trong cái đầm lý thuyết.

Có lẽ nhờ lời dạy của Phật vừa nhắc lại, nên diễn giả hay moi tìm trong kinh điển để khám phá, lượm lặt, những gì có ích lợi cho đời sống thực tế và khai thác những phát minh thực dụng, hầu giúp nhiều bạn đồng đạo cũng hưởng. “Đọc kinh phải cầu lý, đạo hữu Chánh Trí nói. Cầu lý là tìm coi Phật muốn nói gì, chỉ gì, chớ không nên thấy chữ đâu hiểu nghĩa đó mà cho là đủ. Nếu nhận nghĩa do nơi chữ, chúng ta sẽ gặp nhiều mâu thuẫn có khi buồn cười, làm cho chúng ta sẽ hoang mang, không làm sao có lòng tin tưởng sắt đá”. Thật là một lời khuyên có giá trị đối với thế hệ hiện nay của trí óc khoa học (esprit scientifique), luôn luôn bất phục trước những cái gì mù mờ.



Tuy đạo hữu Chánh Trí đã đem hết sức mình ra giải thích rành mạch, vẫn còn có người thắc mắc, cho rằng nếu theo diễn giả mà phủ nhận vị Bồ tát hiện đang hành sự ở cõi U minh, cứu độ vong linh thọ tội mà nhiều người đang tin tưởng, thì sẽ làm mất chỗ trông cậy của họ. Chúng tôi nghĩ, nếu tin mà lầm lạc, thì thà đừng tin còn hơn, vì lầm lạc còn khổ hơn không tin. Nếu có kẻ

không giữ vệ sinh, không biết ngừa bệnh độc, ăn càn ở bậy, ý y có thầy hay thuốc giỏi, thử hỏi tin tưởng như thế có lợi hay có hại?



Lại có người cho diễn giả quá thiên về lý mà bỏ sự. Sao lại nghĩ thế? Sự, lý nào phải hai cái khác nhau mà tưởng có thể bỏ sự theo lý. Đã nói kinh Địa Tạng thuộc về quyền giáo, mà hễ quyền giáo thì toàn là sự, như nói nào là có ông Bồ tát danh Địa Tạng ở cõi U minh, làm việc độ vong, nào là có ba ngục lớn chúng sanh trong đó bị các quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa đánh khảo đủ điều v.v... Nhưng sự, lý, không thể chia hai, thì cố nhiên trong những sự vừa kể phải có cái lý, những cái lý mà rất tiếc chưa ai từng vạch, nên nay đạo hữu Chánh Trí mới vạch, để thức tỉnh những ai cho kinh Đại thừa thiếu căn bản Phật giáo, nói truyện hoang đường.



Để khởi thiếu sót, chúng tôi xin thêm lời diễn giả giải về ý ẩn của đoạn sau đây trong bài tán, bắt đầu từ câu: “Nam phương thế giới đông hương vân... chí câu: Phật ngôn: Địa Tạng Bồ tát chí.” (xin xem Kinh).

Đạo hữu Chánh Trí nói: “Hễ Chơn Tâm phát hiện nơi ai (Bồ tát Địa Tạng đến), thì từ nơi thân tâm người ấy phát tiết ra ngoài một cái gì mà trông đến gương mặt

là ta cảm thấy một ánh sáng diệu hiền, khiến ta phải kính phục, nghe đến lời nói là ta cảm nhận một cái gì đẹp đẽ, thơm tho, khiến ta ngây ngất, chẳng khác ta tắm mình trong một đám mưa thơm, một đám mưa hoa v.v... Cứ trông gương mặt, ngắm xem cử chỉ, lắng nghe lời nói của những bậc chân tu thực đức, ta sẽ thấy và sẽ cảm như vừa nói. Các nhà tâm lý học Âu Tây đều công nhận cái sáng hiển lộ ra ngoài như thế này của những tâm hồn trong sạch, hiền hòa, mà họ gọi là “irradiation”.

Nói một cách khác, diễn giả đã đề cập đến ảnh hưởng hết sức thơm tho lành diệu, sáng sủa êm đềm, của những tâm hồn đã trở về với đời sống giải thoát.



Buổi giảng đầu tiên đã chứng tỏ nơi diễn giả, không phải một sức học uyên thâm, mà một thực nghiệm tu học khá công phu, chúng tôi tin rằng đạo hữu Hội trưởng sẽ không phụ lòng thỉnh giả ở những buổi giảng tiếp.

Viên Pháp.

(Trích Tạp chí TỬ QUANG số 70,
tháng 11 năm 1957)

Cước chú: Tác giả viết bài này lúc còn là một cư sĩ. Một năm sau, tác giả đã xuất gia, giữ nguyên pháp hiệu và đã viên tịch.



LỜI DẪN

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Phương Tiện, có câu: Xá Lợi Phất! Chư Phật tùy nghi thuyết pháp, ý thú nan giải. Sở dĩ giả hà? Ngã dĩ vô số phương tiện, chủng chủng nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, diễn thuyết chư pháp. Thị pháp, phi tư lương, phân biệt chi sở năng giải, duy hữu chư Phật nãi năng tri chi... Nghĩa: Xá Lợi Phất! Các đức Phật tùy sự tiện lợi của mỗi trường hợp mà nói pháp, với những ý tứ và ý hướng khó giải một cách rõ ràng. Tại sao vậy? Ta dùng vô số phương tiện, như mọi thứ nhân duyên, thí dụ, lời nói, mà trình bày các pháp. Không phải lấy trí óc suy lường, phân biệt mà giải thích được các pháp ấy, chỉ có chư Phật mới năng biết rõ...

Thuyết Pháp là trình bày Pháp (Dharma) hay Chân lý (Vérité). Gồm các lối trình bày của Phật thành nền Giáo lý của Phật (la Doctrine du Bouddha). Giáo lý của Đức Phật rất là uyển chuyển, hay nói một cách khác, đức Phật có nhiều phương pháp dạy dỗ. Tùy trình độ của người nghe, trình độ trí thức, trình độ sáng suốt, trình độ đạo đức, mà đại khái, đức Phật áp dụng hoặc

phương pháp nhân duyên, hoặc phương pháp thí dụ, hoặc phương pháp giải thích bằng lời nói. Tất cả những phương pháp ấy, Phật gọi dưới một tên chung là phương tiện (moyens). Phương tiện rất nhiều, lại biến hóa, thay đổi tùy trường hợp, còn Chân lý Phật muốn chỉ dạy có một. Có thể lấy ngón tay hay cây gậy mà chỉ mặt trăng.

Vậy phương tiện dùng trong bài pháp gọi là “Địa Tạng Bồ tát Bốn Nguyện” này là gì? - Là Thí dụ, một trong ba phương tiện nói trong câu Kinh dẫn chứng ở trên.

Thí dụ hay tỷ dụ là đưa ra một câu chuyện ngụ ngôn, trong đó hàm chứa nhiều ý nghĩa, nhiều chân lý rất hay, rất đúng, mà người nghe, người đọc, cần phải công phu đào sâu để hiểu, chớ không nên hiểu theo mặt chữ. Để chứng minh phương tiện thí dụ dùng ở đây, chúng ta hãy nghe bài Tựa xưng tán Bồ tát Địa Tạng:

Chí tâm quy mạng lễ

U minh Giáo chủ, Bốn tôn Địa Tạng Bồ tát Ma-ha-tát:

Khể thủ Từ Bi Đại Giáo chủ:

Địa ngôn: kiên, hậu, quảng hàm tàng.

Nam phương thế giới đồng hương vân,

Hương võ, hoa vân cập hoa võ,

Bảo võ, bảo vân, vô số chủng,

Vi tướng, vi thụ, biến trang-nghiêm,
 Thiên, Nhân, vấn Phật thị hà nhân,
 Phật ngôn: Địa Tạng Bồ tát chí!
 Tam thế Như Lai đồng tán ngưỡng,
 Thập phương Bồ tát cộng quy y.
 Ngã kim túc thực thiện nhân duyên,
 Tán dương Địa Tạng chân công đức:
 Từ nhân, tích thiện,
 Thệ cứu chúng sanh.
 Thủ trung kim tích, chấn khai địa ngục chi môn,
 Chưởng thượng minh châu, quang nhiếp đại-
 thiên chi giới.

Diêm-vương điện thượng,
 Nghiệp-kính đài tiền,
 Vị Nam Diêm Phù Đề chúng sanh
 Tác đại chứng minh công đức chủ.
 Đại Bi, Đại Nguyện,
 Đại Thánh, Đại Từ,
 Bốn tôn Địa Tạng Bồ tát Ma-ha-tát!

Sau đây là bản dịch ra Việt văn của Ban Hộ niệm Hội Việt Nam Phật Giáo (Chùa Quán Sứ Hà Nội):

Đốc lòng quy mệnh lễ Đức Giáo chủ

*Cõi U Minh, Địa Tạng Bồ tát Ma-ha-tát!
Dập đầu kính lễ đức Giáo chủ
Đại Từ Bi: đức độ của Ngài
Như đất dày bao hàm rộng khắp.
Thế giới phương Nam tỏa mây hương.
Mưa hương, mây hoa cùng mưa hoa,
Mây báu, mưa báu vô số lớp,
Biến hiện điềm lành khắp trang-nghiêm.
Trời, Người hỏi Phật nhân gì vậy,
Phật rằng: Địa Tạng Bồ tát hiện,
Chư Phật ba đời đều tán ngưỡng,
Mười phương Bồ tát thấy quy y.
Nhân xưa bồi đắp chút duyên lành,
Nay con tán dương chân công đức;
Địa Tạng Bồ tát đại từ bi
Góp tập thân lành độ chúng sanh:
Rung tích trượng mở toang địa ngục,
Nng minh châu soi khắp đại thiên.
Trước đài “nghiệp kính”, điện Diêm-vương,
Vì chúng sanh ở cõi Nam-Diêm,
Làm Giáo chủ chứng minh công đức.
Nam mô Đại Bi, Đại Nguyện Đại Tấn, Đại Từ*

Bản tôn Địa Tạng Bồ tát Ma-ha-tát.

Đây là một bài tán để ca ngợi (glorifier, rendre hommage) công đức Bồ tát Địa Tạng. Vậy trong văn từ, phải làm thế nào để cho người ta nhận thấy rõ là lời của người xứng tán nói. Vì vậy, xin đề nghị bản dịch sau đây:

Tôi hết lòng kính lạy

**Đức Giáo chủ cõi U minh Đại Bồ tát Địa Tạng
Bổn tôn.**

Tôi cúi đầu trước Ngài

Là vị Đại Giáo chủ của Từ bi mà chữ Địa (trong danh hiệu) có nghĩa là cứng rắn, sâu dày và ngậm chứa tất cả.

**Từ thế giới phương Nam, không biết
bao thứ mây thơm, mưa thơm, mây hoa,
mưa hoa, mây báu, mưa báu nổi lên,
mang điềm lành làm đẹp khắp nơi.**

**Trời, Người hỏi Phật do nguyên nhân
nào mà có những điềm lành ấy.**

Phật đáp vì có Bồ tát Địa Tạng đến.

Bạch Bồ tát:

**Ngài là bậc mà chư Phật trong quá khứ, hiện
tại và vị lai đều khen ngợi và kính mến,**

**Ngài là chỗ mà chư Bồ tát trong mười phương
đều quay về và nương tựa.**

**Con nhờ trước có gieo trồng duyên lành
cho nên nay mới được xưng tụng và đề cao
công đức chân thật của Ngài.**

Ngài là hột giống Từ,

Ngài là Thiện đôn chứa,

Ngài là Lời Thệ cứu chúng sanh.

**Ngài là chiếc gậy trong tay, đập phá cửa ngục
đùng đùng như tiếng sét,**

**Ngài là viên ngọc sáng trong lòng bàn tay ánh
soi**

ba ngàn đại thiên thế giới.

Ngài là Vua Diêm ngồi trên ngai,

Ngài là Gương nghiệp đặt trước đài,

Ngài là chúa các bằng chứng rõ rệt về

công đức của chúng sanh cõi Nam Diêm Phù đề

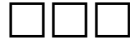
Ngài là Lòng-Thương-Xót bao la,

Ngài là Lời Nguyện lớn,

Ngài là đấng Thánh Cao

Ngài là Lòng-Thương-Yêu tuyệt đối.

Ngài là Đại Bồ tát Địa Tạng, là cái Sẵn-Có đáng tôn đáng trọng nơi tôi.



Chắc quý vị đã nhận thấy sự sai biệt giữa hai bài dịch trước và sau. Xin đương cử một vài sai khác.

a) Theo bản trước thì công đức của Bồ tát Địa Tạng sâu dày như đất. Theo bản sau thì Bồ tát là cái gì cứng rắn, sâu dày và hàm chứa tất cả như đất.

b) Theo bản trước, Bồ tát là đáng có lòng đại từ bi, đã góp tập nhân lành. Theo bản sau, Bồ tát chính là cái Đại Từ bi, chính là cái Thiện được tích tụ.

c) Theo bản trước Bồ tát “rung tích trượng mở toang địa ngục” và “nâng minh châu soi khắp đại thiên”. Theo bản sau, thì Bồ tát chính là tích trượng, chính là minh châu.

d) Theo bản dịch trước, Bồ tát là nhân chứng những công đức của chúng sanh, trước đài “Nghịệp kính” và trước điện Diêm vương. Bản dịch sau quả quyết Bồ tát là Diêm vương, là Nghịệp Kính, là nhân chứng cao cả nhất của công đức chúng sanh.

đ) Không phải Bồ tát là đáng có lòng đại từ, đại bi... mà chính Ngài là Lòng Đại từ, Đại bi...

Dịch hiểu theo lối sau, ắt phải làm phát sanh nhiều nghi vấn. Phật dạy: Tiểu nghi, tiểu ngộ; đại nghi, đại

ngộ (nghi ít, tỉnh thức ít; nghi nhiều, tỉnh thức nhiều). Cái nghi này là cái nghi của nhà triết học (doute philosophique), của hàng trí thức không chịu tin càng tin bướng. Vậy những nghi vấn ấy như thế nào?

1. Giáo chủ cõi U minh là gì?

Đem ánh sáng đạo lý ra soi đường cho thế nhân, gọi là Giáo chủ.

U minh là nơi sâu kín tối tăm (ténèbres), cũng có nghĩa là địa ngục (enfer). Tối tăm hay địa ngục ám chỉ ngu dốt vô minh.

Vậy Bồ tát Địa Tạng là người đem ánh sáng vào chỗ tối tăm, là tâm vô minh của chúng sanh.

2. Bản tôn nghĩa là gì?

Bản là gốc (trái với ngọn), là vốn, là cái sẵn có, như vốn của nhà buôn là phần tiền của nhà buôn sẵn có, khi thiếu mới vay thêm. Cái gốc, cái vốn của chúng sanh là cái mà Pháp văn gọi là “le Soi” hay Bản Thể, nếu muốn nói theo Hán văn.

Tôn là kính trọng.

Vậy Bản Tôn là Có Sẵn Có đáng kính trọng nơi ta.

3. Địa Tạng nghĩa là gì?

Bài Tựa đã trả lời câu hỏi này. Địa là ý nói cứng rắn, sâu dày, còn Tạng (cũng đọc là tàng, như nói tàng trữ) là ý nói ngậm chứa tất cả.

Vậy vị Bồ tát nói trong Kinh không phải là một nhân vật lịch sử như đức Phật Thích Ca, mà là một nhân vật tượng trưng (personnage symbolique) một tở dụ (parabole, allégorie) để chỉ cái Bản thể, cái “Soi” của chúng sanh. Bản thể ấy thường được biết dưới cái tên là Tâm.

Tâm vô hình, vô tướng, không ai đập phá được, do đó nói là cứng rắn.

Tâm không thể dò lóng, đo lường được, cho nên nói sâu dày.

Ngoài Tâm là cái vô cùng cực (l'illimité), không có một vật gì hết, hay không một vật nào có được ngoài cái vô cùng, vô cực, cho nên nói ngậm chứa tất cả.

4. Dựa vào đâu mà dám giải như thế?

Xin thưa: dựa vào toàn bài Tựa chúng ta đang học và trọn bộ Kinh mà chúng ta sẽ học.

Chúng ta hãy trở lại bài Tựa và tìm hiểu nghĩa ẩn của từng đoạn.

I. U minh Giáo chủ Bổn Tôn Địa Tạng Bồ tát Ma-ha-tát ám chỉ Tâm mà ai cũng có, cho nên nói là sẵn có. Biết tôn trọng Tâm là người đã “minh tâm kiến tánh” và Tâm, trong trường hợp này, là Giáo chủ soi

đường hắc ám (u minh) cho mình. Các vị Thiên sư dẹp qua một bên kinh sách và để hết thời giờ vào chỗ tiếp xúc với Tâm (tham thiên) hầu học hỏi với vị Giáo chủ này. Lầm lẫn vì tâm, mà giác ngộ cũng nhờ Tâm. Trong khi bị u minh che ám, muốn thấy đâu chân đâu giả, đâu thiện đâu ác, hãy lắng lòng trong sạch sẽ thấy. Như thế Tâm không phải là vị Giáo chủ trong cõi u minh sao?

II. Địa là đất, mà đất thì cứng rắn, sâu dày và dung chứa muôn loài muôn vật. Bất luận hạt giống nào bỏ xuống đất là mọc. Vì vậy lấy đất mà thí dụ cho Tâm (có chỗ Kinh dùng danh từ “tâm địa”)⁽¹⁾. Tâm vô hình, vô

-
1. Trong Kinh Tâm-Địa Quán, quyển 8, có câu: “Tam giới chi trung, dĩ tâm vi chủ. Năng quán tâm giả, cứu cánh giải thoát. Bất năng quán giả, cứu cánh trầm luân. Chúng sanh chi tâm, do như đại địa, ngũ cốc ngũ quả, tùng đại địa sanh, như thị tâm pháp sanh thế xuất thế, thiện ác ngũ thú. Hữu học, Vô học, Độc giác, Bồ tát, cập ư Như Lai. Dĩ thử nhân duyên, tam giới duy tâm, tâm danh vị địa” - Dịch: Trong ba cõi (dục, sắc và vô sắc), tâm là chủ. Người quán sát được tâm, cuối cùng được giải thoát. Người không quán sát được tâm, cuối cùng chìm đắm vào biển khổ. Tâm chúng sanh giống như mặt đất, năm thứ lúa thứ trái, đều từ đất mà sanh, cũng như vậy, tất cả những lo nghĩ (tâm pháp) của chúng sanh còn kẹt trong thế-sự, hay đã vượt ra ngoài thế-sự, hoặc lành hoặc dữ,

tướng làm sao đập vỡ được, cho nên nói là kiên (cứng rắn); cũng không thể dò lòng Tâm được. Tâm là một cái giếng không đáy, ai muốn đi sâu vào nội tâm đến đâu cũng được, vì vậy nói hậu (sâu dày); ngoài Tâm không có vật cho nên nói quảng hàm tàng (ngậm chứa rộng lớn, tất cả).

III. Nam phương: chỉ Nam Diêm Phù Đề hay Ta bà Thế giới là thế giới chúng ta đang ở đây. Nói Nam phương là chỉ chúng sanh ta đây. Ở chúng sanh nào mà có những đám mây thơm, mây đẹp, mây báu là những nhân Thiện Mỹ Chân, là có những đám mưa thơm, mưa đẹp, mưa báu tức là những quả Thiện Chân Mỹ. Nhân quả ấy chỉ có được ở những người đã thức tỉnh, đã trở về với Tâm, hay nói một cách khác, ở những người mà Chân Tâm đã hiện, đã tới (Địa Tạng Bồ tát chí).

IV. Tâm là Phật, Phật là Tâm, tại sao lại nói Địa Tạng Bồ tát - Đúng như thế, Tâm là Phật, Phật là Tâm, nhưng Tâm ở chúng sanh chưa hoàn toàn thanh tịnh như ở Phật, cho nên chưa gọi là Phật thật được. Tâm ở chúng sanh thức tỉnh là Tâm đang tu sửa như Bồ tát đang tu sửa, cho nên ví Tâm này như Bồ tát.

những ý niệm hướng về năm nẻo của lục đạo, những ý niệm của hạng Học, Vô học (A La Hán), của hạng Độc giác, Bồ tát, cho đến bậc Như Lai, đều do tâm mà sanh. Bởi có, ba cõi chỉ do tâm và tâm được gọi là đất.

V. Vì Bồ tát Địa Tạng tượng trưng cho Tâm, mà Tâm một khi hoàn toàn thanh tịnh thì sanh Trí Bát nhã (sáng suốt tuyệt vời) cho nên chư Phật ba đời đều phải khen ngợi và kính mến (Tam thế Như Lai đồng tán ngưỡng) - Trong Kinh Đại Bát nhã, Phật dạy: “Này Kiều thi Ca, ta nay đã thành Phật mà còn tuân theo Bát nhã ba la mật đa, ẩn nấu và đứng vững nơi đây, hà huống những kẻ muốn cầu Vô thượng Bồ đề mà không hết lòng quay về và nương tựa vào đó để tinh cần tu học? (*Kiều-thi-Ca, ngã dĩ thành Phật, thượng tuân như thị thậm thâm Bát nhã ba-la mật-đa y chỉ nhi trụ, huống thiện nam tử đẳng dục cầu Vô thượng chánh đẳng Bồ đề, như bất ư thử chí tâm quy y, tinh cần tu học?*).

VI. Tại sao cũng đồng Bồ tát như nhau, mà chư Bồ tát trong mười phương lại cùng quy y Bồ tát Địa Tạng? Chỉ vì Địa Tạng là Tâm. Muốn thành Bồ tát phải quy y Tâm, Bồ tát rồi mà muốn thành Phật, cần phải quy y Tâm nhiều hơn, vì Tâm là Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả.

VII. Phải là người đã trồng nhiều duyên lành trong tiền kiếp đời này mới chứng ngộ được Chân tâm, mới thấy hiểu được thế nào là Đại Từ, Đại Bi... Có thấy hiểu như thế mới tán dương những công đức ấy của Tâm; bằng không thì theo thế nhân mà “tán dương” những mê lầm của tâm tham vọng.

VIII. Chân Tâm là Tâm Đại từ, Đại bi, cho nên nói Bồ tát Địa Tạng là nguyên nhân, là hạt giống của Lòng Từ (Từ nhân), là nơi tích tụ của những điều thiện (Tích thiện). Có từ, có thiện, tự nhiên phải nghĩ thương đến người khác, đến chúng sanh, như đức Phật lúc còn là hoàng tử. Vì có nghĩ thương, nên mới “thệ cứu chúng sanh”, một lời thệ hết sức dũng mãnh đến thành một ý chí cương nghị vô song. Sức mạnh đó là “dụng” (effet) của Tâm Từ bi.

IX. Lòng Từ của Phật quả đúng như vậy, nhưng Ngài phải nói lên một sự thật. Sự thật ấy là Phật chỉ đường mà thôi, còn việc phá cửa ngục vô minh để giải thoát; mỗi chúng sanh phải tự làm lấy. Phá bằng cách nào? Bằng cách dùng Tâm cương quyết đả phá mê mờ. Vậy Tâm là chiếc gậy sắt có khả năng đập phá cửa ngục, và phải đập đùng đùng như tiếng sét mới phá được. Nói một cách khác, phải có một ý chí sắt đá (une volonté de fer).

X. Nhưng ý chí không, chưa đủ, phải có sáng suốt phụ lực. Sáng suốt ấy là Trí Bát nhã hay Trí tuệ tuyệt vời (Intelligence supranormale), và Trí ấy do Tâm thanh tịnh làm phát sanh. Vậy Trí cũng là Tâm; vì vậy nên nói Bồ tát Địa Tạng là viên ngọc minh châu sáng soi tam thiên đại thiên thế giới. Minh châu là thứ ngọc có khả năng chiếu sáng trong đêm tối thí dụ cho Trí tuệ sáng soi lòng dạ vô minh hắc ám của chúng sanh.

XI. Tâm chân chánh là vị Diêm vương ngồi trên ngai xử tội. Ai biết tội lỗi của ta bằng ta, ai biết lòng ta bằng ta? Lòng ta là Tâm vậy.

XII. Tâm ta cũng là đài gương để soi sáng những hành động thiện ác của ta. Tự vấn lương tâm (examen de conscience) là gì, há không phải ngó vào tấm gương lòng của ta để nhận thấy mọi “nghiệp” của ta?

XIII. Ai làm chứng cho ta bằng ta. Biết bao công đức âm thầm của những tâm hồn cao cả mà thế nhân không thấy, không biết? Thế nhân không biết mà lòng ta, Tâm ta biết. Do đây nói Bồ tát Địa Tạng là vị chúa chứng minh công đức của chúng sanh.

XIV. Tâm chân chánh, là lòng Từ (**Đại Từ**) lòng Bi (**Đại Bi**), là nguyên nhân của lời thệ nguyện giải thoát giác ngộ (**Đại Nguyện**), của sự thanh tịnh (**Đại Thánh**).



Xin nói lại: không có Bồ tát Địa Tạng như một nhân vật lịch sử. Bồ tát Địa Tạng ở đây, tượng trưng cho Tâm quyết thoát ly địa ngục tham, sân, si và những thống khổ, là Tâm thanh tịnh, sáng suốt, từ bi; là Tâm biết tự xét.

Nếu tin có Bồ tát Địa Tạng thật và tin luôn rằng Bồ tát có khả năng đập phá cửa ngục để giải thoát chúng sanh đắc tội, vậy luật nhân quả, nghiệp báo của

Phật còn có giá trị nào? Và con người đâu cần “tự thấp
đuốc lên mà đi” như đức Phật dạy, mà cứ tha hồ làm ác,
miễn đừng quên kêu cầu với Ngài Địa Tạng là Ngài sẽ
cứu vớt cho.



ĐỊA TANG BỒ TÁT BỔN NGUYỄN KINH QUYỂN THƯỢNG



PHẨM I

ĐAO LỢI THIÊN CUNG THẦN THÔNG

Tôi đã nghe như vậy: Một lúc nọ, Phật nói Pháp cho mẹ nghe trên cõi trời Đao Lợi.

Lúc ấy, tất cả chư Phật cùng chư Đại Bồ tát trong vô lượng thế giới không thể nói hết của mười phương, đều nhóm họp và tỏ lời ca ngợi: “Trong đời ác độc bị năm dơ đục làm nhiễm ô, Phật Thích Ca Mâu Ni lại làm được việc hiện sức mạnh thần thông của Đại Trí Tuệ không thể nghĩ bàn mà điều phục bọn chúng sanh “cứng đầu”, khiến chúng biết thế nào là vui sướng, thế nào là khổ não”.

Ngay lúc ấy, Thế Tôn mỉm cười, phóng ra trăm, ngàn, muôn, ức đám mây sáng to lớn, gọi là: Đại Viên Mãn, Đại Từ bi, Đại Trí tuệ, Đại Bát nhã, Đại Tam

muội, Đại Cát Tường, Đại Phước Đức, Đại Công Đức, Đại Quy Y, Đại Tán Thán v.v...

Xong, Thế Tôn lại phát ra các thứ tiếng vi diệu, gọi là: Đàn na ba la mật (Bố thí), Thi la ba mật (Trì giới), Sần đề ba la mật (Nhẫn nhục), Tỳ la da ba la mật (Tinh tấn), Thiên na ba la mật (Thiền định), Bát nhã ba la mật (Trí tuệ), Từ bi, Hỷ xả, Giải thoát, Vô lậu, Trí tuệ, Đại Trí tuệ, Sư tử hống, Đại Sư tử hống, Vân lôi, Đại Vân lôi v.v...

Các tiếng ấy được phát ra rồi, vô lượng ức Thiên, Long, Quỷ, Thần của thế giới Ta bà và các nước phương khác, cũng họp nhau đến trời Đao Lợi. Đó là Tứ Thiên Vương, Đao lợi Thiên, Tu diễm ma Thiên v.v...

Các Thần biển, Thần sông lớn, Thần rạch, Thần cây, Thần núi, Thần đất v.v... cùng các Đại Quỷ vương như Ác mục Quỷ vương, Đạm huyết Quỷ vương, Đạm Tinh khí Quỷ vương, Đạm Thai noãn Quỷ vương, Hành bệnh Quỷ vương, Nhiếp độc Quỷ vương, Từ tâm Quỷ vương, Phước lợi Quỷ vương v.v... cũng đều tựu hội về.

Lúc bấy giờ, Phật hỏi Đại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi:

- Ông thấy tất cả chư Phật, Bồ tát, Thiên, Long, Quỷ, Thần hiện tại cõi trời Đao Lợi đấy. Vậy ông biết tất cả đông là bao nhiêu không?

Văn Thù bạch:

- Dù có dùng thần lực mà đếm trong ngàn kiếp, tôi cũng không biết rõ con số.

Phật bảo Văn Thù:

- Ta lấy mắt Phật mà xem, cũng không biết đúng con số. Nhưng đó là tất cả những ai trong những kiếp xa xưa, được Bồ tát Địa Tạng đã hóa độ rồi, đang hóa độ, hoặc sẽ hóa độ, và Bồ tát đã thành công, đang thành công hoặc sẽ thành công trong việc hóa độ.

Văn Thù Sư Lợi nói:

- Bạch Thế Tôn, là người trong quá khứ đã lâu tu thiện căn và đã chứng trí vô ngại, tôi nghe Phật nói, tất phải tin lãnh. Còn hàng kết quả nhỏ như Thanh văn, Thiên, Long, Quỷ, Thần và chúng sanh trong đời vị lai, tuy nghe lời thành thật của Như Lai, bụng vẫn ngờ vực, cho nên dù có lạy lãnh những lời Như Lai đi nữa, chưa chắc khỏi dèm chê. Cúi mong Thế Tôn nói rõ căn nguyên: “Bồ tát Địa Tạng làm hạnh gì, lập nguyện gì, mà thành công một cách không thể nghĩ bàn như thế?”

Đức Phật bảo Văn Thù:

- Thí dụ trong ba ngàn đại thiên thế giới, có bao nhiêu cỏ cây, lùm rừng, lúa mè, tre lau, đá núi, bụi bặm, cứ lấy một trong các vật ấy kể như một sông Hằng, rồi cứ một hột trong số cát của mỗi sông Hằng ấy, kể như một thế giới, mỗi hột bụi trong mỗi thế giới ấy kể là

một kiếp⁽¹⁾, và bao nhiêu số bụi chứa trong một kiếp đều dồn chứa lại thành kiếp (thì số kiếp này không biết bao nhiêu mà nói). Thế mà từ Bồ tát Địa Tạng chứng quả “Thập địa” đến nay, một khoảng thời gian đã trôi qua, lâu hơn ngàn lần số kiếp thí dụ ấy, đó là chưa nói tới lúc Bồ tát còn ở bậc Thanh văn và Bích chi Phật. Nay Văn Thù, oai thần và thệ nguyện của Bồ tát Địa Tạng không thể nghĩ bàn được. Trong đời vị lai, nếu có trai lành gái tín nào nghe được tên Bồ tát rồi mà chiêm ngưỡng lễ bái hoặc xưng tụng danh hiệu, hoặc cúng dường, dẫn đến vẽ, khắc, đắp, sơn hình tượng Bồ tát, thì những nam nữ ấy sẽ được trăm lần sanh lên trời Đao Lợi⁽²⁾, vĩnh viễn không còn rơi vào ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh).

Văn Thù, trong thời xưa cách nay không biết bao nhiêu kiếp, tiền thân của Địa Tạng Bồ tát là con trai một nhà giàu. Thời ấy có Phật là **Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai**. Người con nhà giàu thấy Phật tướng tốt, trang nghiêm bằng ngàn phước, bèn bạch hỏi Phật đã có những hạnh nguyện gì mà được tướng ấy. Phật Sư Tử đáp: “Muốn chứng được thân ấy, cần nên

-
1. *Kiếp (kalpa) có ba hạng. Tiểu kiếp có: 16,800,000 năm. Trung kiếp: có 20 tiểu kiếp (336,000,000 năm). Đại kiếp có 4 trung kiếp (1,344,000,000 năm).*
 2. *Chánh văn viết: Tam thập tam thiên, tức là Đao Lợi.*

cứu độ tất cả chúng sanh thọ khổ trong một thời gian lâu xa”.

Người con nhà giàu nghe xong bèn phát nguyện: “Từ nay cho đến không biết bao nhiêu kiếp trong vị lai, tôi nguyện vì chúng sanh tội lỗi và đau khổ trong sáu nẻo luân hồi, rộng bày phương tiện, khiến cho tất cả đều được giải thoát hết, chừng ấy tôi mới thành Phật”. Vì đã lập nguyện lớn đó trước Phật Sư Tử cho nên đến nay, không biết bao nhiêu trăm ngàn muôn ức na do tha đã qua rồi, người con nhà giàu ấy vẫn còn làm Bồ tát.

Lại trong quá khứ xa xưa không biết bao nhiêu a tăng kỳ kiếp, có Phật ra đời, hiệu **Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai**, thọ bốn trăm ngàn muôn ức a Tăng kỳ kiếp. Trong thời “tượng pháp”⁽¹⁾ của đức Phật này, có một người con gái dòng Bà La Môn, phúc đức sâu dày, thiên hạ đều tôn kính, đi đứng nằm ngồi, đều được chư Thiên che chở. Bà mẹ của cô tin xằng, thường khinh dễ Tam Bảo⁽²⁾. Cô gái đạo đức ấy đã dùng nhiều phương tiện khuyến dụ mẫu thân, để bà sanh chánh kiến⁽³⁾. Nhưng mẹ cô vẫn chưa có lòng tin chân chánh,

-
1. *Tượng pháp*: 500 năm đầu của Phật Pháp, gọi là Chánh-Pháp; 1500 năm kế đó, gọi là Tượng Pháp. Trong thời gian này, Pháp-Phật còn “tương tựa” mà thôi, nghĩa là đã bị phai mờ rồi, còn hình bóng mà thôi. Thời kỳ chót là Mạt pháp.
 2. *Tam Bảo*: Phật, Pháp, Tăng
 3. *Chánh kiến*: Thấy đúng với Chân lý

kế không bao lâu, bà chết, thân hồn rơi vào địa ngục “vô gián”.

Biết mẹ lúc tại thế không tin nhân quả, ắt theo nghiệp quấy mà sanh vào nẻo ác, cô bèn bán nhà cửa, mua nhiều hương hoa cùng những lễ phẩm khác, đem đến cúng dường các chùa tháp thờ Phật. Tại một chùa nọ, cô thấy tượng Như Lai **Giác Hoa Định Tự Tại Vương**, dung mạo uy nghi, đoan trang nghiêm nghị. Cúi lễ tượng Phật, lòng thêm kính mộ, cô nghĩ thầm, “Phật tên Đại Giác, nghĩa là đầy đủ mọi trí. Nếu mẹ mất lúc Phật còn tại thế và mình đến hỏi Phật, ắt mình biết được mẹ ở đâu”. Nghĩ xong, cô khóc nức nở rất lâu, mắt không rời tượng Phật. Bỗng trong không trung có tiếng nói: “Người con gái đang khóc kia, chớ nên bi ai như thế, để ta chỉ cho chỗ mẹ người đến”.

Cô gái Bà La Môn chấp tay hướng lên trên không nói: “Bạch Ngài, Ngài là Thần nào mà làm vơi sự lo rầu của tôi như thế? Tôi từ mất mẹ đến nay, ngày đêm nhớ mến, nhưng không biết hỏi đâu cho ra chỗ mẹ tôi thác sanh”.

“Trong không trung lại có tiếng: “Ta là đấng mà người đang chiêm ngưỡng lễ bái: **Phật Giác Hoa Định Tự Tại Như Lai** của thời quá khứ. Vì thấy người nhớ mẹ hơn thường tình chúng sanh, cho nên ta đến nói cho người biết”.

Cô gái nghe xong té quỵ, tay chân rũ rượi. Kẻ tùy tùng đỡ dậy, hồi lâu mới tỉnh, cô bèn bạch trong không: “Xin Phật thương xót nói ngay cho con biết coi mẹ con thác sanh về đâu, kéo thân tâm con sắp chết mất”.

Phật **Giác-Hoa** nói: “Cúng dường xong, người nên sớm về nhà, ngồi ngay thẳng suy gẫm về danh hiệu của ta, sẽ biết chỗ thác sanh của thân mẫu người”.

Cô gái làm y lời Phật dạy. Trải qua một ngày một đêm, cô bỗng thấy tự thân đi đến một bãi biển nước sôi sùng sục. Trên mặt biển, nhiều thú dữ, thân toàn bằng sắt, đang sũa đuổi nhau, chạy qua chạy lại. Dưới biển, trời hụp trăm ngàn muôn chúng sanh, đang bị những thú dữ ấy tranh nhau ăn thịt uống huyết. Cô lại thấy nhiều quỷ Dạ xoa, hình tướng khác nhau, con thì nhiều tay nhiều mắt, con nhiều chân nhiều đầu, nanh lòi khỏi miệng, bén nhọn như gươm, lừa các tội nhân lại gần ác thú cho chúng chụp bắt, thân tội nhân phải quặp lại, đầu chân đụng nhau. Còn nhiều hình trạng khác, chẳng dám nhìn lâu.

Nhưng nhờ niệm Phật, cô gái Bà La Môn không sợ. Một Quỷ vương tên là Vô Độc, cúi đầu tiếp cô và thưa: “Lành thay Bồ tát! Ngài có việc gì đến đây?” Cô gái nói:

- Đây là xứ nào?

- Đây là Biển thứ nhất, phía Tây núi Đại Thiết Vi.
 Quỷ vương đáp:

- Tôi nghe trong núi Thiết Vi có địa ngục, việc ấy thật không?

- Thật có địa ngục.

- Làm sao đến địa ngục được?

- Nếu không nhờ oai thần thì phải vì nghiệp lực, ngoài hai điều ấy không đến địa ngục được.

- Tại sao nước sôi sùng sục và trong nước có nhiều tội nhân và thú dữ như vậy?

- Những tội nhân đó là những chúng sanh làm ác ở Diêm Phù Đề mới chết và đã trải qua 49 ngày rồi. Nhưng vì không người hương lửa lo làm công đức cứu nạn cho, lại lúc sống họ không có trồng nhân lành, cho nên nay phải theo nghiệp địa ngục của họ mà tự nhiên lộn qua biển này. Cách biển này mười muôn do tuần⁽¹⁾, về phía Đông, còn một biển khác, khổ gấp mấy lần ở đây. Phía Đông biển thứ hai này, còn một biển khác nữa, khổ hơn rất nhiều. Ba biển này gọi chung là “Biển Nghiệp”, nơi “chiêu cảm”⁽²⁾ của ba nghiệp ác.

1. Do-tuần: 30 dặm

2. Chiêu cảm - Chiêu là lấy tay vẩy lại, tự gây việc cho mình. - Cảm là nhiễm phải. - ý nói biển nghiệp ấy do ba

- Địa ngục ở đâu?

- Phía trong ba biển ấy, và số địa ngục nhiều đến trăm, ngàn, mỗi mỗi khác nhau. Ngục to thì có 18 cái⁽¹⁾, kể có 300, khổ sở khôn lường; kể nữa có ngàn trăm, cũng khổ sở khôn lường.

Cô gái lại hỏi:

- Mẹ tôi chết đến nay chưa bao lâu, không biết hồn thân đi về đâu?

Quỉ vương hỏi lại: “Thân mẫu của Bồ tát, lúc sanh tiền làm những hạnh nghiệp gì?”

- Mẹ tôi tà kiến, dèm chê Tam Bảo, hoặc có tạm tin đi nữa, rồi cũng trở lại không kính. Tuy chết chưa mấy ngày nhưng không biết đi về đâu.

- Thân mẫu Bồ tát tên họ gì?

- Cha mẹ tôi đều là người dòng Bà La Môn; cha tôi tên Thi La Thiện Kiến, mẹ tôi tên Duyệt đế lợi.

Quỉ vương Vô Độc chấp tay nói: “Xin Thánh nữ trở về, khỏi lo nhớ sầu thương. Nữ tội Duyệt đế lợi đã sanh lên trời đến nay là ba hôm rồi, ấy vì nhờ con hiếu thuận đã vì mẹ mà cúng dường, tu phước, bố thí chùa

ngiệp (thân, khẩu, ý hay tham, sân, si) của chúng sanh tự tạo để tự nhiễm sự khổ não.

1. Mười tám ngục này chỉ Thập bát giới (sáu căn, sáu trần và sáu thức).

tháp của **Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai**. Chẳng phải chỉ có thân mẫu của Bồ tát được thoát địa ngục, mà ngày ấy, bao nhiêu tội nhân trong ngục Vô gián cũng nhờ sự bố thí cúng dường ấy mà được vui sướng và đồng sanh về cõi thiên.

Quỉ vương nói xong, chấp tay lui bước.

Người con gái Bà La Môn trở về tỉnh mộng, nhớ việc đã nghe thấy, liền đến trước tháp tượng của **Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai** lập nguyện lớn rằng: “Tôi nguyện cho đến hết các kiếp trong vị lai, hễ có chúng sanh tội khổ là tôi rộng mở phương tiện, làm cho họ được giải thoát”.

Phật bảo Văn Thù:

- Quỉ vương Vô Độc lúc ấy là Bồ tát Tài Thủ bây giờ đây, còn cô gái Bà La Môn là Bồ tát Địa Tạng vậy.

Mật nghĩa:

Điểm đặc biệt ở đây là Phật không thuyết pháp ở thế gian, cho người thế gian nghe, mà trên trời Đao Lợi, cho mẹ đã chết nghe và trước vô số chư Phật, Bồ tát, Thiên, Long, Quỷ, Thần. Vậy phải “không là phàm” mới nghe được lời Phật dạy trong kinh này.

Vào đoạn đầu đã thấy ý hướng của Kinh, trong lời khen đức Thế Tôn. Ở thế gian, chúng sanh cứng đầu (cang cường) rất nhiều, ngoài Phật là bậc đại trí huệ có

nhiều phương tiện chế phục họ, thì không ai làm được. Dem đạo lý nhân quả ra nói họ không nghe, thì nay Phật dùng phương “Bồ tát Địa Tạng”.

Mật nghĩa “Địa Tạng là Tâm” được chứng minh trong đoạn Kinh nói chư Phật, Bồ tát, Thiên, Long, Quỷ, Thần, đông vô số kể, đều hoặc đã, hoặc đang, hoặc sẽ chịu ơn hóa độ của Địa Tạng. Chư Phật đã, chư Bồ tát đang, còn Thiên, Long.., sẽ chịu ơn ấy. Và nhất định Địa Tạng thành công, vì tất cả là Phật sẽ thành, thì tự nhiên tất cả phải quỳ về với Tâm và nghe Tâm dạy dỗ.

Nói oai thần thế nguyện của Địa Tạng, là nói oai thần thế nguyện của Tâm. Tâm mà cương quyết thì có đủ quyền năng, thần thông (pouvoirs surnaturels). Ai biết quay về với Tâm, chiêm ngưỡng Tâm, kính trọng Tâm, hy sinh (cúng dường) cho Tâm, thì người ấy sống trong đường thiện (sinh thiên).

Đến đây, Thế Tôn đưa ra hai sự tích:

1.- Địa Tạng là con một nhà giàu, như câu truyện anh cùng tử trong Kinh Pháp Hoa. Tâm Phật và Tâm chúng sanh không khác. Mà Tâm Phật đầy đủ muôn đức, giàu có như thế, thì Tâm chúng sanh cũng giàu như thế. Nhưng cái giàu của chúng sanh là cái giàu chưa khai thác, cho nên phải khai thác bằng sự phát lòng Từ

Bi và nếu “tinh tấn để đầy đủ muôn hạnh lành” thì sẽ được như Phật **Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh**.

Ý Phật dạy: Muốn thành Phật phải phát lòng Từ bi và mạnh dạn (sư tử) ra sức (phấn tấn) trên đường lập đầy (cụ túc) muôn hạnh lành (vạn hạnh)

2.- Địa Tạng là một cô gái Bà La Môn đạo đức. Trong câu chuyện này, Phật dạy:

- Muốn biết hướng dẫn dắt của tội nghiệp thì nên nhập định, tư duy. Cô gái hỏi Phật Giác Hoa, Phật không chỉ mà bảo về nhập định tư duy, là nghĩa này.

- Tin xằng, không Chánh kiến, không Chánh tín, không biết quy y Tam Bảo, nghĩa là không biết kính quý ánh sáng nơi Tâm (Phật), Luật pháp trong trời đất (Pháp) và niềm Hòa lạc của muôn loài (Tăng), lại không tin Nhân quả, thì phải vào ngục “Vô gián” nghĩa là sống mãi trong Vô minh triền miên.

- Ba biển thí dụ những nghiệp của thân, khẩu và ý. Chúng sanh trôi hụp trong ba biển ấy, nóng bức như bị nước sôi nung nấu, đau khổ như bị thú dữ cắn xé.

- Thiết vi là rào sắt. Con người bị giam trong nghiệp chông chất như núi, khó thoát nên ví như núi có rào sắt bao quanh.

- Ai vào địa ngục? Hạng oai thân và hạng bị nghiệp ác dắt dẫn. Hạng oai thân là những bậc đã giải

thoát nhưng vì lòng từ muốn cứu độ nên vào địa ngục để hóa độ.

- Địa ngục ở đâu? Ở ngay trong những biển nghiệp ấy nghĩa là ai còn nghiệp ác là ở trong địa ngục.

Ý của đoạn này là: Muốn đầy đủ muôn hạnh phải biết hễ còn nghiệp là còn trong địa ngục đau khổ, vậy phải tự giác (Giác Hoa) bằng cách thiền định (Định Tự tại).



PHẨM II

PHÂN THÂN TẬP HỘI

Lúc đó, những phân thân của Bồ tát Địa Tạng, từ các địa ngục của trăm ngàn muôn ức thế giới, nhiều không thể nghĩ bàn, không thể ước lượng, không thể kể nói, đều đến tập hợp tại cung trời Đao Lợi.

Nhờ thần lực Như Lai, các phân thân ấy, từ phương hướng của mình, hợp cùng những người đã được giải thoát ra khỏi đường nghiệp, đông đến ngàn muôn ức na do tha, đồng cầm hương hoa đến cúng dường Phật. Tất cả những người cùng đến ấy đều đã nhờ Bồ tát Địa Tạng giáo hóa, vĩnh viễn không lui bước trên đường Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tất cả đều đã, từ nhiều kiếp xa xưa, trôi giạt trong sanh tử, chịu khổ trong sáu đường, không một lúc tạm dừng. Nhờ từ bi rộng lớn, thế nguyện thâm sâu của Bồ tát Địa Tạng, mỗi mỗi chứng được đạo quả. Khi đã đến cung Đao Lợi rồi lòng họ vui mừng hớn hở, chiêm ngưỡng Như Lai, mắt không tạm rời.

Bấy giờ Thế Tôn duỗi cánh tay sắc vàng ra, xoa đầu trăm ngàn muôn ức hóa Thân Bồ tát Địa Tạng đông không thể nghĩ bàn, ước lượng, nói kể, của vô số thế giới, và nói rằng:

- Ở thế giới ác độc, nhiễm năm thứ dơ bẩn, ta dạy dỗ chúng sanh cứng đầu như thế, điều phục tâm chúng và khiến cho bỏ tà về chánh. Nhưng vì trong mười phần, có đôi ba còn quen theo thói ác, ta phải phân thân ra trăm ngàn ức để rộng dùng phương tiện giáo hóa. Có hạng nhanh nhẹn (lợi căn), nghe rồi là tin lãnh lời ta; có hạng trồng được quả lành (thiện quả), thì ta khuyến khích cho đến chỗ thành tựu; có hạng tối tăm, phải giáo hóa lâu ngày mới quay về; có hạng nghiệp chướng nặng nề, (dầu có dạy gì) vẫn không sanh lòng kính mộ. Vì các hạng chúng sanh sai khác nhau đó, ta phải chia thân ra mới độ thoát hết được, như hiện ra thân đàn ông, đàn bà, hoặc hiện ra thân Thiên, Long, hoặc hiện ra thân Thần, Quỷ, hoặc hiện làm núi, rừng, sông, ngòi, ao, rạch, suối, giếng làm lợi cho người, mới độ thoát được. Hoặc hiện thân Thiên đế, thân Phạm vương, thân Chuyển luân vương, thân nhà giàu, thân Quốc vương, thân Tể tướng, thân Phụ thần, thân quan thuộc, thân Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di, cho đến thân Thanh văn, La hán, Bích chi Phật, Bồ tát mà hóa độ, chớ chẳng phải chỉ hiện có một thân Phật như ngay đây đây.

Chúng người coi, ta đã trải qua nhiều kiếp nhọc nhằn độ thoát bao nhiêu chúng sanh tội khổ, cứng đầu, khó dạy như thế. Còn phần chúng sanh chưa điều phục được, họ theo nghiệp mà chịu sự báo ứng. Nếu họ bị sa vào nẻo dữ, chịu khổ não to, thì lúc ấy, chúng người nên

nhớ tưởng đến lời ân cần nhắn nhủ của ta ở cung Đạo Lợi hôm nay mà làm cho, ở thế giới Ta bà, cho tới ngày đức Phật Di Lặc ra đời, tất cả chúng sanh đều được giải thoát, xa lìa vĩnh viễn mọi khổ não và gặp Phật thọ ký.



Bấy giờ, những hóa thân Bồ tát Địa Tạng của các thế giới hợp trở lại thành một hình, rơi lệ thương cảm, bạch Phật:

- Tôi từ số kiếp lâu xa đến nay, nhờ Phật dìu dắt, được những thần lực không thể nghĩ bàn và đầy đủ trí huệ lớn. Những phân thân của tôi đầy khắp trăm ngàn muôn ức Hằng sa thế giới; ở mỗi thế giới, hóa ra trăm ngàn muôn ức thân, mỗi thân độ trăm ngàn muôn ức người, khiến họ quý kính Tam Bảo, vĩnh viễn xa lìa sanh tử, đến Niết bàn an lạc. Ở trong Phật Pháp mà chỉ làm một việc lành nhỏ như sợi lông, giọt nước, hạt cát, hạt bụi, hoặc hứa một việc lành mỏng manh như sợi lông, sợi tóc, tôi cũng độ thoát lần lần, làm cho thu hoạch được nhiều lợi ích lớn. Kính xin Thế Tôn chớ vì chúng sanh nghiệp ác đời sau mà lo nghĩ.

Bồ tát Địa Tạng ba lần bạch Phật câu:

- Cúi xin Thế Tôn chớ vì chúng sanh nghiệp ác đời sau mà lo nghĩ.

Bấy giờ, Phật khen Bồ tát Địa Tạng:

- Tốt lắm! Tốt lắm! Ta sẽ giúp người vui lòng. Người sẽ thành tựu thệ nguyện lớn đã phát ra từ số kiếp lâu xa, là rộng độ chúng sanh, xong rồi người mới chứng quả Bồ đề.

Mặt nghĩa:

Phân thân nghĩa là một thân mà chia ra làm trăm, làm ngàn v.v... Mỗi phần gọi là một phân thân. Đã nói Địa Tạng tiêu biểu cho Tâm, vậy phân thân Địa Tạng là một phần của Tâm.

Tâm chỉ có một như mặt trời chỉ có một.

Những giọt sương đọng trên ngọn cỏ buổi sáng đều phản chiếu toàn ánh mặt trời. Mỗi ánh sáng lóng lánh trên mỗi ngọn cỏ là một phân thân của mặt trời, và mỗi phân thân ấy có đầy đủ những đặc tánh của mặt trời.

Mỗi chúng sanh là mỗi giọt sương và tâm của mỗi chúng sanh là phản chiếu toàn ánh sáng của mặt trời Tâm duy nhất.

Lúc còn giọt sương thì thấy có một Mặt trời to trên cao và vô số mặt trời nhỏ dưới đất, nhưng khi sương tan rồi, những mặt trời nhỏ đó đi đâu? Không đi đâu hết. Sương hình tướng không còn nhưng ánh sáng giác của mỗi giọt thì nguyên vẹn đầy đủ ở mặt trời bất di bất dịch, bất sinh bất diệt.

Vậy ra, vô số mặt trời sương kia thật chỉ có một mà thôi. Do đây Kinh nói các **phân thân Địa Tạng hợp trở lại thành một hình.**

Cứ như trên thì Tâm Phật và vô số tâm chúng sanh là một. Mỗi phân thân Địa Tạng là mỗi tâm chúng sanh, hay để cụ thể hóa, là mỗi chúng sanh.

Phân thân Địa Tạng từ các địa ngục ở vô số thế giới đến cung trời Đao Lợi, có nghĩa là những chúng sanh mà tâm địa, tuy còn kẹt trong địa ngục tham, sân, si, vẫn có những lúc thoát ly về chỗ thiện. Đao Lợi ở về cõi Thiên, và cõi này dành cho những người thiện cho nên phải hành nhiều thiện nghiệp mới về được, mới đến hội họp được ở Đao Lợi. Kinh A Di Đà có câu “Bất dĩ thiếu thiện căn phúc đức nhân duyên đắc sanh bỉ quốc”: Không phải ít căn lành phúc đức mà sanh về nước Cực Lạc được đâu. Trả lời theo câu hỏi: Sanh về đó để làm gì? Kinh đáp: “Đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân cư hội nhất xứ” - Được về về đó, để cùng những người lành bậc cao cùng hội một chỗ.

Trong Kinh Địa Tạng, chúng ta thấy rõ điểm này.

Trước tiên Kinh nói các phân thân Địa Tạng tựu họp về cung trời Đao Lợi. Kế đó Kinh bảo còn có những người “**đã được giải thoát ra khỏi ba nghiệp**” cùng đến. Những người này là “chư thượng thiện nhân” nhắc lại ở trên. Và đó còn là những bậc đã nhờ Địa Tạng giáo hóa (nhờ tâm khai mở, giác ngộ) mà trở thành

hạng “**vĩnh viễn không lui bước trên đường Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác**”. Hạng này là ai? Là những bậc mà Kinh A Di Đà gọi là “**Bồ tát bất thoái chuyển**”.

Nhờ đâu các vị này được vào hàng Bồ tát bất thoái? Kinh Địa Tạng bảo là nhờ “**Từ bi rộng lớn và thệ nguyện thâm sâu của Bồ tát Địa Tạng**”. Phải hiểu là nhờ các vị ấy đã phát đại bi tâm và cương quyết tự thệ giải thoát.



Câu Thế Tôn nói: “... điều phục tâm chúng và khiến cho bỏ tà về chánh” tóm hết giáo pháp của Phật. Thật vậy, cốt yếu của các phương pháp tu hành theo Phật giáo không gì khác hơn là làm chủ tự tâm (linh tâm điều phục) và bỏ tà về chánh (xả tà qui chánh). Do đây mà con đường dẫn đến giải thoát là con đường Tám Chánh, mà ai điều phục được tâm mình? Chỉ có tâm làm chủ được tâm mà thôi. Do đây nói Địa Tạng giáo hóa.

Trong tâm ác thực là muôn tội,

Biết lấy gì mà cởi tội đi?

Nghĩ ra cũng chẳng khó gì,

Lại đem tâm ấy, cởi thì dễ không.

Nhưng đó là trên nguyên tắc, còn trong thực tế, chúng sanh đâu có đồng đều như nhau, và đâu phải bất

cứ ai cũng làm được cái việc đem tâm cởi mở cho tâm. Đại khái, Kinh Địa Tạng chia có bốn hạng:

1. Hạng lợi căn (căn cơ nhanh nhẹn), trí sáng tâm khai, đã có tu hành nhiều đời rồi, nghe được lời Phật hay tiếng quở la của Tâm là tin lãnh ngay.

2. Hạng tâm trí chưa khai mở, nhưng biết làm thiện nghiệp, có thiện quả, thì Phật (hay tâm) khuyến khích tiến tới chỗ thành tựu hoàn toàn. Đây là hạng tu phước, khác với hạng tu huệ phía trên.

3. Hạng tối tăm, căn cơ không bén. Đối với hạng này phải dạy dỗ lâu ngày (cửu hóa) mới bỏ tà về chánh. Nghĩa là phải để cho họ chịu nhiều thử thách gian truân, đau khổ ê chề nhiều đời nhiều kiếp rồi sau họ mới ăn năn cải hối, theo tiếng trách móc của tâm.

4. Hạng chót là hạng nghiệp chướng nặng nề tham, giận, si mê giải không nổi. Đối với hạng này là hạng không tin không kính một ai cả, thì không làm sao giáo hóa họ được. Có bao giờ họ nghe được tiếng của Phật, của tâm, vì họ mãi nghe tiếng của tham, sân, si!

Nhưng đừng tưởng phải có Phật ra đời mới giáo hóa chúng sanh được. Phật hằng ở một bên ta, trong mỗi chúng ta. Đó là tâm ta vậy và mỗi tâm là mỗi phân thân của Phật, của Địa Tạng.

Ai cũng có tâm, thì tâm mình chẳng những là Phật giáo hóa mình, mà còn giáo hóa những người xung

quanh mình. Tuy nhiên phải người cùng cảnh ngộ, sự giáo hóa hay dạy bảo lẫn nhau mới có hiệu quả. Vì vậy, đối với hạng tầm thường phải nam, nữ nói mới nghe. Bằng hạng thượng lưu, hạng lành sạch, hạng giàu có, hạng tu hành, thì phải là bậc vua chúa (Chuyển Luân vương, Quốc vương, Tể tướng, phụ thần, quan thuộc), bậc Đại Hiền Thánh (Thiên đế, Phạm vương), bậc phú gia (cư sĩ), bậc Tỳ khưu, Ưu bà tắc... là những người cùng giai cấp, cảnh ngộ với họ, nói họ mới nghe. Thậm chí hạng Thiên Long, Quỷ, Thần, tượng trưng cho những người hiền tầm thường hay người không quá ác cũng có thể giúp người khác tỉnh ngộ.

Nhưng con người không chỉ học với con người, mà còn có thể học với vạn vật trong ngoại cảnh. Núi sông, ngòi rạch... thuộc “vạn pháp” mà trong pháp có Phật (tức sự sống) cho nên nói Phật phân thân hiện ra trong những vật ấy. Và con người, nếu để tâm suy gẫm có thể học rất nhiều với ngoại cảnh. Những câu ca dao như “Cây có cội, nước có nguồn”, “trồng đậu được đậu, trồng dưa được dưa”, “thu tàn xuân thanh”.. đều là những bài học về bản thể, về nhân quả, về vô thường... rút ra từ vạn vật.

Tu theo Phật giáo có nhiều phương tiện, có nhiều đường lối. Tuy nhiên, điều kiện cốt yếu là phải mở tâm Từ bi. Do đây Kinh nói: phải ở trong Phật Pháp mà làm việc thiện, dầu nhỏ nhít đến đâu, cũng có lợi ích. Làm

thiện mà không ở trong Phật Pháp, là làm với tâm mê muội, tham lam, mong cầu.

PHẨM III
**QUÁN CHÚNG SANH NGHIỆP
DUYÊN**

Lúc bấy giờ, thân mẫu của Phật là Ma Da phu nhân, chấp tay cung kính hỏi Bồ tát Địa Tạng:

- Thưa Bồ tát, chúng sanh cõi Diêm Phù Đề có những nghiệp sai khác, vậy sự báo ứng họ nhận lãnh như thế nào?

Bồ tát Địa Tạng đáp:

- Thế giới nhiều đến muôn ngàn, “quốc độ” cũng nhiều đến muôn ngàn, nơi thời có địa ngục, nơi không địa ngục, nơi có nữ nhân, nơi không có nữ nhân, nơi có Phật Pháp, nơi không có Phật Pháp, nơi có Thanh văn, Bích chi Phật, nơi không có Thanh văn, Bích chi Phật, tất cả quốc độ đều sai khác nhau như thế, chẳng phải riêng tội báo ở địa ngục sai khác mà thôi.

Ma Da phu nhân lại bạch:

- Xin Bồ tát cho nghe những cảm thọ trong nẻo ác của những tội báo tại thế giới Diêm Phù Đề.

Địa Tạng đáp:

- Thánh mẫu, xin Ngài nghe lãnh, tôi sẽ lược nói.

Phật mẫu bạch:

- Xin Bồ tát cứ nói.

Bấy giờ, Bồ tát Địa Tạng bạch với Thánh mẫu rằng:

- Sự báo ứng của các tội nghiệp ở Nam diêm phù đề có những danh hiệu như vậy:

- Chúng sanh nào chẳng hiếu thảo với cha mẹ, thậm chí đến giết hại cha mẹ, sẽ rơi vào địa ngục Vô gián, ngàn muôn ức kiếp, không có lúc nào ra khỏi.

- Chúng sanh nào làm cho thân Phật chảy máu, nói xấu Tam Bảo, chẳng kính kinh điển, cũng sẽ rơi vào địa ngục Vô gián ngàn muôn ức kiếp, không có lúc ra khỏi được.

- Chúng sanh nào xâm lấn và làm tổn hại chùa chiền, làm ô uế hàng Tăng Ni, hoặc ở trong vòng nhà Chùa, để tâm phóng túng, làm điều dâm dục, hoặc giết, hoặc hại, những bợn như vậy sẽ rơi vào địa ngục Vô gián ngàn muôn ức kiếp, không có lúc ra khỏi.

- Chúng sanh nào giả làm thầy tu mà chẳng có tâm thầy tu, phá tán và lạm dụng nhà chùa, khinh dể và dối lừa hàng tại gia, làm trái giới luật, tạo ác đủ thứ, những bợn như vậy sẽ rơi vào địa ngục Vô gián, ngàn muôn ức kiếp, không có lúc ra.

- Chúng sanh nào trộm cắp tiền của, đồ vật thức ăn thức uống, quần áo của nhà chùa, cho đến một vật

không ai cho mà cũng cứ lấy, sẽ rơi vào địa ngục Vô gián ngàn muôn cứ kiếp không có lúc ra.

Địa Tạng thưa tiếp:

- Thưa Thánh mẫu, chúng sanh nào tạo ra những tội như vậy, sẽ rơi vào năm thứ địa ngục Vô gián, mong khổ sở tạm ngừng trong phút chút cũng không được.

Ma Da phu nhân lại bạch Bồ tát:

- Tại sao gọi là địa ngục Vô gián?

Địa Tạng đáp:

- Thưa Thánh mẫu, các nơi có địa ngục đều ở tại núi lớn Thiết vi. Địa ngục lớn có 18 sở, kể là thứ địa ngục có năm trăm sở, danh hiệu khác nhau; kể là thứ địa ngục có ngàn trăm sở, danh hiệu khác nhau. Về địa ngục Vô gián thì vách thành bao vây tám muôn dư dặm, vách thành này toàn bằng sắt, cao một muôn dặm, trên đầu thành lửa cháy không để một chỗ hở. Những ngục trong vòng thành này liên tiếp với nhau và có những tên khác biệt. Riêng có một ngục tên là Vô gián, châu vi một muôn tám ngàn dặm, tường cao một ngàn dặm, toàn bằng sắt cả. Lửa trên cháy xuống, lửa dưới bốc lên; rắn sắt chó sắt, miệng phun lửa, chạy đuổi nhau lại qua trên đầu tường của ngục. Trong ngục, có một cái giường choán cả mười dặm. Một người bị tội, tự thấy thân mình nằm choán cả giường; ngàn muôn người thọ tội, mỗi người cũng tự thấy thân mình nằm choán cả giường. Đó

là vì sự cảm xúc của các nghiệp mà chịu sự báo ứng như vậy.

Lại nữa, còn biết bao đau khổ dành cho những tội nhân trong ngục ấy: trăm ngàn quỷ Dạ xoa cùng các quỷ dữ khác, răng bén như gươm, mắt sáng như điện, móng tay cứng như đồng, móc ruột, xé đứt. Lại có những quỷ Dạ xoa khác, cầm chĩa sắt to, đâm vào thân tội nhân, hoặc trúng miệng mũi, hoặc trúng bụng lưng, rồi tung lên trên không và lấy chĩa hứng lấy, đặt lại trên giường. Lại có điều sắt, mổ mắt người tội; lại có rắn sắt, cắn đầu người tội; trăm đốt xương tay chân đều bị đóng đinh dài; lưỡi kẻ có tội, bị kéo ra cày bừa, nước đồng đổ miệng, sắt nóng vắn mình, chết đi sống lại muôn lần, nghiệp cảm như vậy, trải qua ức kiếp, muốn ra không biết lúc nào thoát được. Đến lúc thế giới này hoại rồi, sanh về thế giới khác; thế giới khác hoại rồi, lại chuyển sang phương khác; lúc phương này hoại rồi thời xoay vần sanh vào cõi khác. Khi những thế giới hoại trở lại thành xong, thời tội nhân lại trở về đó (mà thọ tội nữa). Sự báo ứng của tội lỗi tại địa ngục Vô gián là như vậy.

Lại vì năm thứ nghiệp cảm ở địa ngục ấy nên gọi là Vô gián. Năm thứ nghiệp cảm đó là gì?

Một là tội nhân ngày đêm chịu khổ, trải qua nhiều kiếp không lúc nào ngừng dứt, cho nên gọi là Vô gián.

Hai là, một tội nhân choán đầy cả ngục, mà nhiều người cũng đầy cả ngục, vì vậy mà gọi là Vô gián.

Ba là, những khí cụ để hành hình, như chĩa ba, gậy, điều râu, răn, sỏi, chó, cối giã, cối xay, cửa, đục, dao, mác, chảo dầu sôi, lưới sắt, dây sắt, lửa sắt, ngựa sắt, da sống niền dầu, nước sắt nóng dội thân, đói thời ăn hòn sắt nóng, khát thời uống nước sắt sôi. Cùng năm trọn kiếp, đến vô số kiếp, khổ sở nối nhau tới cùng không dứt đoạn, vì vậy nên gọi là Vô gián.

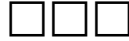
Bốn là, không luận trai gái, Mường, Mán, mọi rợ, già trẻ, sang hèn, hoặc Rồng, hoặc Trời, hoặc Thần, hoặc Quỷ, hễ gây tội ác thời có cảm, tất cả đồng chịu như nhau, nên gọi là Vô gián.

Năm là hễ rơi vào địa ngục ấy, thời từ khi mới vào cho đến trăm ngàn kiếp, mỗi ngày mỗi đêm, muôn lần chết muôn lần sanh, cầu tạm ngừng trong khoảng một tư tưởng cũng không đặng, trừ khi tội nghiệp tiêu hết, chừng ấy mới được đầu thai. Vì cái lẽ liên miên đó nên gọi là Vô gián.

Bồ tát Địa Tạng bạch Thánh mẫu:

- Sơ lược về địa ngục Vô gián là như thế. Nếu nói rộng ra thời dầu suốt một kiếp, cũng không thể nào nói cho hết tên của những khí cụ để hành tội cũng như những sự thống khổ trong địa ngục đó.

Ma Da phu nhân nghe xong, không xiết lo rầu, bà chấp tay đánh lễ Bồ tát mà lui ra.



Mật nghĩa:

Trước tiên, chúng ta nên xác định nghĩa danh từ “địa ngục”. Theo Phật Học Đại Từ điển, địa ngục là dịch nghĩa chữ Phạn Naraka hay Niraya, có nghĩa là: chẳng vui (bất lạc), đáng ghét chán (khả yếm), đủ mọi thứ khổ (khổ cụ), đủ mọi thứ khí cụ để hành tội (khổ khí), là chỗ **Có** với **Không** tranh nhau. Nơi những cái vừa kể nương tựa nằm ở dưới đất (địa hạ), vì đó gọi là địa ngục.

Vậy thì khi nào trong lòng ta, trong tâm ta (địa) có những điều chẳng vui, đáng ghét, có những khổ đau đủ thứ, có những điều làm cho mình khổ đau như bị hình phạt, còn có sự phân vân, tranh chấp giữa **Có** và **Không** thì ta đang ở trong địa ngục.

Bây giờ chúng ta hãy trở lại bài Kinh.

Câu hỏi đầu của Ma Da phu nhân có nghĩa: nghiệp tội lỗi chúng sanh sai khác nhau, vậy sự báo ứng có sai khác không và sai khác thế nào?

Trong câu đáp, Bồ tát cho biết: Sự báo ứng cũng sai biệt như nghiệp, tùy nghiệp nặng nhẹ. Có những báo ứng ở địa ngục, có những báo ứng khác, ở những thế

giới và quốc độ không có địa ngục, ở những thế giới có nữ nhân, ở những thế giới không có nữ nhân v.v...

- Ở địa ngục là ở những quốc độ (tâm hồn) hoàn toàn đen tối, đen tối cho đến phạm những tội hết sức nặng nề, gọi là ngũ nghịch (năm tội nghịch hẳn với cương thường, đạo đức, chân lý) có kể trong Kinh:

1. Không hiếu thảo với cha mẹ, hay giết hại cha mẹ

2. Phạm tội sát sanh (làm chảy máu thân Phật) hoặc chê bai chân lý (hủy báng Tam Bảo)

3. Tà dâm làm mất sự trong sạch (xâm lấn chùa chiền, làm ô uế Tăng Ni, làm điều dâm dục)

4. Giả dối: giả làm thầy tu, phá tán và lạm dụng nhà chùa (tội vọng ngữ); khinh dể và dối lừa hàng tại gia (tội khi mạn).

5. Trộm cắp (trộm cắp đồ vật nhà chùa, lấy những đồ vật của kẻ khác khi người ta không cho).

Phạm những tội vừa kể, hay tạo những nghiệp như thế ấy là những con người mà lòng dạ hoàn toàn và luôn luôn đen tối cho nên gọi là Vô gián (không lúc nào dừng). Cái “nhân” bất thiện đã liên miên như thế, thì cái “quả” vô minh cũng triền miên, cho nên gọi là địa ngục vô gián. Gọi như thế vì trong tâm những kẻ ấy chẳng vui, có điều chán ghét, luôn luôn sầu khổ (xem lại ở trên).

Ngoài 5 tội trọng trên, do thân tạo ra, còn những nghiệp nhẹ hơn, tạo bởi:

a) Những tâm hồn không hoàn toàn đen tối (nơi không có địa ngục).

b) Những ý nghĩ mà thôi (nơi không có nữ nhân).

c) Những tâm hồn chưa hứng ánh sáng hay đã hứng được một ít ánh sáng Chân lý (có hay không có Phật Pháp).

d) Bởi những tâm hồn đã được thanh tịnh, tỉnh ngộ phần nào (nơi có Thanh văn, Bích chi Phật) hoặc chưa tỉnh ngộ.

Tất cả tội lỗi ấy đều gây trong ba giới (Dục, Sắc và Vô sắc).

Dục giới thuộc đời sống vật chất của thân.

Sắc giới thuộc đời sống tình cảm.

Vô sắc giới thuộc đời sống tư tưởng, ý nghĩ.

Đoạn sau của Kinh giải hai chữ Vô gián. Tâm con người mà hoàn toàn đen tối, thì mọi nghiệp đều đen tối. Nghiệp đã đen tối thời báo cũng hoàn toàn đen tối (đau khổ vô cùng cực). Trăm người đen tối, thì trăm người như ở chung trong một ngục và tâm ai cũng bị đen tối xâm chiếm hoàn toàn (nằm choán hết giường). Những đoạn nói về cực hình là tượng trưng những đau

khổ trong tâm hồn vô minh hoàn toàn của những người phạm năm trọng tội.

PHẨM IV

DIÊM PHÙ CHÚNG SANH NGHIỆP CẢM

Lúc bấy giờ Bồ tát Địa Tạng bạch Phật:

- Thế Tôn nhờ sức thần của Như Lai mới phân chia thân hình này khắp trăm ngàn muôn ức thế giới, nhổ tận gốc rễ nghiệp báo chúng sanh. Nếu không có sức đại từ của Như Lai thì không thể biến hóa như vậy được. Nay tôi lại được Phật căn dặn, từ nay cho đến ngày A Dật Đa thành Phật, tôi phải làm cho chúng sanh trong sáu nẻo luân hồi đều được độ thoát, tôi xin vâng, nguyện Thế Tôn chớ lo.

Bấy giờ Phật nói với Địa Tạng Bồ tát:

- Tất cả chúng sanh nào chưa được giải thoát thì tánh thức không định, cho nên hễ tụ tập nhiều việc ác thì kết thành nghiệp ác, tụ tập nhiều điều thiện thì kết thành quả thiện. Nhưng dù làm lành, làm dữ đều theo cảnh mà tái sanh, lăn lộn trong năm đường, không lúc

nào ngừng nghĩ, bị mê hoặc làm chướng ngại, kiếp này sang kiếp khác nhiều như bụi bặm, ví như cá lội trong lưới, theo giòng nước chảy, giá có tạm ra khỏi, rồi cũng trở vào. Vì vậy mà ta phải lo nghĩ đến những chúng sanh ấy. Ông đã trót lập nguyện, nhiều kiếp thể nặng rộng độ chúng sanh tội lỗi, thời ta còn lo gì.

Lúc Phật nói mấy lời này, trong hội có một Bồ tát tên là Định Tự Tại Vương bạch Phật:

- Thế Tôn! Từ nhiều kiếp đến nay, Bồ tát Địa Tạng đã phát nguyện gì mà nay được Thế Tôn ân cần khen ngợi như vậy? Cúi xin Thế Tôn sơ nói cho nghe.

Phật đáp:

- Hãy nghe cho kỹ! Hãy nghe cho kỹ! Hãy khéo suy gẫm! Ta sẽ vì ông mà giải bày rõ ràng.

Trong quá khứ cách nay vô số kiếp, có một đức Phật ra đời, hiệu là Nhất Thế Trí Thành Tự, sống lâu sáu muôn kiếp. Lúc chưa xuất gia, Ngài làm vua một nước nhỏ và kết bạn với một tiểu vương lân cận. Hai vua đều hành mười hạnh lành, làm lợi ích cho nhân dân.

Dân chúng trong nước láng giềng ấy phần nhiều hay làm việc ác. Hai vua cùng nhau nghĩ kế, tìm phương rộng cứu. Một vua phát nguyện sớm thành Phật để độ những người tội lỗi, không sót một ai. Một vua lại nguyện nếu trước chẳng độ được người tội lỗi, khiến họ

được an vui cho đến đắc quả Bồ đề, thì cho đến cùng⁽¹⁾, chưa nguyện thành Phật.

Đức Phật nói tiếp:

- Nhà vua phát nguyện sớm thành Phật là Nhất Thế Trí Thành Tựu Như Lai, còn nhà vua nguyện độ mãi chúng sanh tội lỗi, chưa nguyện thành Phật, là Bồ tát Địa Tạng vậy.

Lại trong vô lượng vô số kiếp về trước, có một đức Phật ra đời, hiệu là Liên Hoa Mục Như Lai, Ngài thọ bốn mươi kiếp. Trong thời “tượng pháp” của Ngài, có một vị La hán dùng phước cứu độ chúng sanh. Nhân lúc đi giáo hóa, La hán gặp một người nữ tên là Quang Mục. Nàng sắm thức ăn, cúng dường La hán. La hán hỏi: “Nàng ý muốn gì?”

Quang Mục thưa: “Ngày mẹ tôi mất, tôi đã làm phước để cứu vớt mẹ tôi; chẳng biết mẹ tôi đã thác sanh vào đường nào (trong lục đạo)?”

Nghe nói cảm thương, La hán nhập định quán sát thì thấy thân mẫu Quang Mục đọa vào địa ngục, rất là

1. *Bản dịch âm của T.T. Trí Tịnh và của Ô. Đoàn Trung Còn đều ghi: “Nhược bất tiên độ tội khổ linh thị an lạc, đắc chỉ Bồ Đề, ngã từng vị nguyện thành Phật”. Vì chữ “từng” ở đây hình như không có nghĩa, tôi tra lại trong Đại-Tạng, thì thấy viết là “chung” chứ không phải “tùng”. (dịch giả)*

khổ sở. La hán hỏi Quang Mục: “Thân mẫu ngài, lúc sanh tiền, đã làm những nghiệp gì mà nay phải rơi vào địa ngục, chịu nhiều khổ não lớn lao tột bậc như thế?”

Quang Mục thưa: “Mẹ tôi có thói quen thích ăn cá, thịt rùa⁽¹⁾, mà lại hay ăn cá con, rùa con, hoặc chiên, hoặc nấu. Nếu kể ra thì có hàng ngàn, hàng muôn. Tôn giả có lòng thương xót, xin chỉ coi phải làm thế nào để cứu mẹ tôi”.

La hán xót thương, nghĩ ra một phương, bèn dạy Quang Mục: “Ngài nên chí thành niệm nhớ Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai và vẽ đắp hình tượng Ngài mà thờ, được như vậy thì kẻ còn, người mất, đều có phước báo”.

Quang Mục nghe xong, liền bỏ mọi điều mền chuộng, tìm người họa tượng Phật thờ cúng. Ngài lại cung kính, khóc than, chiêm ngưỡng và đảnh lễ tượng Phật. Bỗng lúc đêm gần tàn, ngài chiêm bao thấy Phật, thân sắc vàng sáng chói như núi Tu di. Phật phóng ánh sáng, bảo Quang Mục: “Chẳng bao lâu nữa mẹ ngươi sẽ thác sanh vào nhà ngươi, và khi vừa biết đói lạnh là biết nói”.

1. Nguyên văn là “biết”, mà “biết” theo Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh, có nghĩa là con ba ba, giống như loại rùa.

Sau đó, đưa con tố gái trong nhà Quang Mục sanh một đứa con. Chưa đầy ba ngày, đứa bé biết nói. Nó cúi đầu than khóc, nói với Quang Mục: “Sanh tử nghiệp duyên, tự mình gây thì tự mình lãnh quả báo. Ta là mẹ con đây, từ lâu đã ở trong chỗ tối tăm, từ ngày xa cách con, mẹ được thọ sanh làm kẻ hạ tiện, lại thêm số mạng ngắn ngủi, sống hết mười ba năm lại sa vào địa ngục nữa. Con có phương nào làm cho mẹ thoát khỏi khổ sở không?”.

Nghe đứa trẻ nói, Quang Mục biết là mẹ nàng, không nghi kỵ gì cả. Nghẹn ngào thương xót, nàng mới nói với đứa trẻ: “Nếu đã là mẹ của tôi thì phải biết tội mình, vậy đã tạo nghiệp gì mà nay phải sa vào nẻo ác?”.

Đứa con của tố gái đáp: “Vì đã tạo hai nghiệp, sát sanh và chê bai mắng nhiếc, nên nay phải chịu sự báo ứng. Nếu không nhờ phước đức cứu nạn thì vì hai nghiệp đó mà chưa biết lúc nào được giải thoát”.

Quang Mục hỏi: “Trong địa ngục, sự báo ứng của tội lỗi như thế nào?”.

Đứa trẻ đáp: “Những khổ nỗi dành cho tội nhân trong địa ngục, không lòng dạ nào nói ra cho hết, dầu phải trải qua trăm, ngàn năm”.

Quang Mục nghe xong, than khóc rơi lệ, bạch giữa hư không: “Nguyện cho mẹ tôi thoát hẳn địa ngục, mãn mười ba tuổi rồi, không còn trọng tội và không còn phải đi trong nẻo dữ nữa. Cúi xin chư Phật mười phương đem lòng từ bi thương xót tôi, nghe tôi vì mẹ phát lời thệ nguyện lớn như sau: “Nếu mẹ tôi thoát hẳn địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cùng không tái sanh làm người hèn thấp, thậm chí đời đời kiếp kiếp không mang thân đàn bà, thì trước tượng Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, tôi xin nguyện kể từ nay cho đến về sau trong trăm ngàn muôn ức kiếp, ở thế giới nào mà có chúng sanh chịu khổ trong địa ngục và trong ba đường ác, tôi sẽ cứu vớt tất cả những chúng sanh ấy. Chừng nào tất cả những tội nhân ấy đều thành Phật hết, chừng ấy tôi mới tiếp theo sau mà thành Chánh giác”.

Phát nguyện xong, Quang Mục nghe tiếng Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai nói: “Này Quang Mục! Nhà ngươi có lòng từ lớn mới vì mẹ mà phát đại nguyện như thế. Ta quan sát thấy mẹ ngươi mãn mười ba tuổi, xả bỏ báo thân này, sanh làm Phạm chí, sống lâu trăm tuổi, sau đó lại sanh về nước Vô Ưu, sống lâu không biết bao nhiêu kiếp mà nói, và rốt hết sẽ thành Phật, rộng độ trời, người, đông như cát sông Hằng”.



Đức Phật Thích Ca bảo Bồ tát Định Tự Tại Vương:

- Vị La hán phước lành độ Quang Mục thuở đó, chính Bồ tát Vô Tận Ý, thân mẫu của Quang Mục chính là Bồ tát Giải Thoát, còn Quang Mục là Bồ tát Địa Tạng vậy. Trong nhiều kiếp lâu xa về trước, Bồ tát Địa Tạng đã từ mẫn mà phát ra Hằng hà sa số thệ nguyện độ khắp chúng sanh như thế. Trong đời sau, nếu có trai gái nào, không làm lành lại làm dữ, thậm chí những kẻ không tin nhân quả, phạm tội tà dâm, nói láo, đâm thọc, mắng chửi, hủy báng giáo lý Đại thừa, tội nghiệp như thế thì phải đọa vào ác đạo, nhưng nếu gặp người biết điều lành khuyên bảo, khiến họ quy y với Bồ tát Địa Tạng trong khoảnh khắc nhanh như khảy móng tay, thì những chúng sanh phạm tội ấy liền đặng thoát khỏi sự báo ứng khổ não trong ba đường ác. Ai hết lòng qui kính, chiêm ngưỡng, đánh lễ, ngợi khen cúng dường, thì trong trăm ngàn muôn ức kiếp sau thường được ở cõi trời hưởng sự vui sướng. Đến lúc phước hết, sanh xuống nhân gian, còn thường được làm vua chúa trong trăm ngàn kiếp, lại nhớ cội ngành nhân quả các đời trước.

Này Định Tự Tại Vương! Bồ tát Địa Tạng có thần lực rất lớn không thể nghĩ bàn như thế, rộng làm lợi ích cho chúng sanh. Các ông, bậc Bồ tát, nên ghi nhớ mà tuyên truyền khắp nơi kinh này.

Định Tự Tại Vương bạch Phật:

- Xin Thế Tôn chớ lo, ngàn muôn ức đại Bồ tát chúng con đều có thể nương vào oai thần của Phật mà truyền rộng kinh này nơi cõi Diêm Phù Đề, làm lợi ích cho chúng sanh.

Bạch xong, Định Tự Tại Vương cung kính lễ Phật lui ra.



Bấy giờ, bốn vị Thiên Vương đồng đứng dậy cung kính bạch Phật:

- Thế Tôn! Bồ tát Địa Tạng từ kiếp lâu xa, đã phát nguyện rộng lớn như thế, tại sao đến nay vẫn chưa độ hết chúng sanh, lại phải phát nguyện rộng lớn nữa? Cúi mong Thế Tôn dạy cho chúng con rõ.

Đức Phật đáp:

- Hay thay! Hay thay! Để làm lợi ích cho nhiều người, ta nay vì các ông cùng hàng trời, người trong hiện tại và vị lai, mà nói những phương tiện được Bồ tát Địa Tạng dùng, trong đường sanh tử ở thế giới Ta bà, để độ thoát tất cả chúng sanh mắc phải tội khổ.

Từ kiếp lâu xa đến nay, Bồ tát Địa Tạng độ thoát chúng sanh, vẫn chưa mãn nguyện. Nay thương xót chúng sanh mắc tội đời này lại xét thấy vô lượng kiếp trong tương lai, nguyên nhân tội khổ lây dấy mãi không dứt, cho nên Bồ tát phải lại phát trọng nguyện.

Vì trọng nguyên đó, mà Bồ tát Địa Tạng, ở thế giới Ta bà, châu Diêm Phù Đề, dùng trăm ngàn muôn ức phương tiện mà giáo hóa chúng sanh. Đây là những phương tiện:

Với kẻ sát sanh, Bồ tát lấy sự báo ứng chết yểu mà dạy.

Với kẻ trộm cắp, Bồ tát lấy sự báo ứng nghèo nàn khổ sở mà dạy.

Với kẻ tà dâm, Bồ tát lấy sự báo ứng làm chim sẻ, bồ câu, uyên ương mà dạy.

Với kẻ miệng độc, Bồ tát lấy sự báo ứng bà con kình chống nhau mà dạy.

Với kẻ nói xấu dèm pha, Bồ tát lấy sự báo ứng không lưỡi, miệng lở, mà dạy.

Với kẻ nóng giận, Bồ tát lấy sự báo ứng thân hình xấu xí, tàn tật mà dạy.

Với kẻ bòn xén, Bồ tát lấy sự báo ứng cầu một đàng, được một ngã mà dạy.

Với kẻ săn bắn, Bồ tát lấy sự báo ứng điên cuồng mất mạng mà dạy.

Với kẻ trái nghịch mẹ cha, Bồ tát lấy sự báo ứng trời đất gieo tai sát hại mà dạy.

Với kẻ thiêu núi đốt rừng, Bồ tát lấy sự báo ứng cuồng mê đến chết mà dạy.

Với hạng cha mẹ ghẻ độc ác, Bồ tát lấy sự báo ứng đời sau chịu sự roi vọt mà dạy.

Với kẻ lưới rập chim non, Bồ tát lấy sự báo ứng cốt nhục chia lìa mà dạy.

Với kẻ dèm chê Tam Bảo, Bồ tát lấy sự báo ứng đui, điếc, câm, ngọng mà dạy.

Với kẻ khinh khi Chân lý, Bồ tát lấy sự báo ứng ở mãi trong ác đạo mà dạy.

Với kẻ lạm phá tiền của của chùa, Bồ tát lấy sự báo ứng ức kiếp luân hồi địa ngục mà dạy.

Với kẻ làm ô nhục và vu cáo người tu hành, Bồ tát lấy sự báo ứng ở mãi trong loài súc sanh mà dạy.

Với kẻ sát sanh bằng nước sôi, lửa, chém, chặt, Bồ tát lấy sự báo ứng phải luân hồi thường mạng mà dạy.

Với kẻ phá giới phạm trai, Bồ tát lấy sự báo ứng làm cầm thú đói khát mà dạy.

Với kẻ phung phí tiền của, Bồ tát lấy sự báo ứng thiếu hụt về sau mà dạy.

Với kẻ tự cao, phách lối, Bồ tát lấy sự báo ứng làm người hèn hạ, bị người sai khiến mà dạy.

Với kẻ đâm thọc gây gỗ, Bồ tát lấy sự báo ứng làm người không lưới hay có trâm lưới mà dạy.

Với kẻ tà kiến mê tín, Bồ tát lấy sự báo ứng làm người sanh vào nơi hẻo lánh dã man mà dạy.

Những nghiệp thân, miệng của chúng sanh cõi Diêm phù, kết quả là trăm ngàn báo ứng như thế, nay chỉ nói sơ lược như vậy. Vì nghiệp cảm của chúng sanh sai biệt, cho nên Bồ tát Địa Tạng phải dùng trăm ngàn phương tiện để giáo hóa. Những chúng sanh tạo nghiệp, phải chịu sự báo ứng, sa vào địa ngục, không có ngày ra. Vì thế, các ông là người hộ vệ cho tâm chúng sanh, các ông chớ để cho nghiệp chướng mê hoặc chúng sanh.

Bốn vị Thiên vương nghe xong, rơi lệ than thở, chấp tay lễ Phật lui ra.

Lời nguyện Địa Tạng,

Nơi cung Trời Đao Lợi,

Là dùng thần thông hiển hiện mà hóa độ đám tối tăm,

Nhưng khó mà làm sáng cõi đời năm trước:

Chúng sanh ngang ngạnh

Vì tham vui nên chịu khổ vô cùng.

Nam mô Thường trú Thập phương Phật

Nam mô Đại Nguyện Địa Tạng Bồ tát.

Mật nghĩa:

Phẩm thứ ba nói về nghiệp duyên, nghĩa là những duyên cơ khiến chúng sanh tạo nghiệp.

Phẩm thứ tư này nói về nghiệp cảm, nghĩa là những cảm ứng hay báo ứng của nghiệp, tức là của những hành động của miệng, của thân.

Chúng sanh sống trong vô minh hắc ám. Phật ra đời như mặt trời mọc, như đèn đốt sáng. Nhưng từ thời của đức Phật Thích Ca cho đến thời của Phật A Dật Đa (Di Lặc) trong tương lai, lấy ai soi sáng cho chúng sanh tội lỗi?

Kinh bảo: Đức Thích Ca giao sứ mệnh này cho Bồ tát Địa Tạng. Nên hiểu: nhằm lúc không có Phật ra đời, thì phải nương vào Tâm, quy y với Bồ tát Địa Tạng của mình, mới mong giải thoát. Với hai điều kiện: Nguyện và Thệ.

Nguyện là mong mỏi trong lòng, là muốn (forme le vœu)

Thệ là thề, là cả quyết (jurer, faire le serment de...)

Muốn giải thoát mà không cả quyết, không tự thề với mình, không thành công được.



Tu theo Phật giáo, có thể có hai thứ nguyện:

1. Nguyện thành Phật trước, sau mới độ chúng sanh. Đây là con đường tu của La hán.

2. Nguyên trước độ chúng sanh, sau mới thành Phật. Đây là con đường tu của Bồ tát.

Nhất thế trí hay Trí huệ Bát nhã mà thành tựu rồi nơi chúng sanh nào đó, thì chúng sanh ấy được độ thoát. Đèn huệ đã đốt thì hắc ám đâu còn, hắc ám không còn thì đâu còn nghiệp ác, cho nên gọi là được độ thoát.

Không tu La hán thì phải tu Bồ tát bằng cách lần hồi diệt nghiệp, đời này sang đời khác (vĩnh độ chúng sanh), khi diệt hết rồi thì Tâm trở thành thanh tịnh hoàn toàn. Tâm ấy là Tâm Phật, là Phật. Vì vậy, Kinh nói độ hết rồi sau mới thành Phật.

Để chứng minh, Kinh đưa ra một thí dụ: câu chuyện Quang Mục.

Chúng sanh nào phạm tội sát hại thú vật để làm ngon miệng và như thế là phạm luôn tội “hủy mạng” luật nhân quả nghiệp báo mà muốn thoát khổ thì phải “chí thành niệm Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai”, nghĩa là giữ mắt trong sạch, thấy món ngon vật lạ đừng thèm. Giữ được như vậy sẽ có cái kết quả là đôi mắt sẽ sáng suốt (Quang Mục), thấy tội thấy lỗi, thấy thiện thấy ác, và tự mình sẽ nói với mình rằng: Sanh tử nghiệp duyên, quả báo tự thọ (trong vòng sanh tử, tự mình để cho cảnh duyên thúc đẩy mà tạo nghiệp, thì tự mình phải thọ lấy quả báo, không một quyền lực nào xen vào để làm tội hay tha thứ mình được).

Biết như vậy rồi, ai là người không thệ nguyện giải thoát các tội lỗi khác? Giải thoát được là trở về con đường Thiện, sanh Thiên (làm Phạm Chí), rồi tiến tu cho đến chỗ thanh tịnh (Vô ưu) và rốt phải thành Phật.

Câu “Phật nói với Định Tự Tại Vương: Lúc bấy giờ, vị La hán làm phước độ Quang Mục là Bồ tát Vô Tận Ý, mẹ của Quang Mục là Bồ tát Giải Thoát, còn Quang Mục là Bồ tát Địa Tạng” có thể có nghĩa như thế này:

Muốn được giải thoát (như mẹ của Quang Mục), tâm phải sáng mắt (Quang Mục) và áp dụng những phương pháp tu sửa vô tận của Phật dạy, vì Vô Tận Ý có nghĩa là Bát thập vô tận pháp môn (Phật Học Từ Điển).



Đến đây, một nghi vấn được đưa ra trong câu hỏi của Tứ Thiên Vương: Bồ tát Địa Tạng đã thệ nguyện cứu độ chúng sanh từ những kiếp lâu xa, tại sao nay còn phát nguyện nữa? Hỏi như thế tức hỏi theo nghĩa ẩn: Chỉ có tâm mới cứu độ được, mà chúng sanh thì không ai không có tâm, tại sao số người tội lỗi còn đầy đây?

Phật trả lời: Làm sao độ hết được vì “nhân man bất đoạn” - Nhân là nguyên nhân tội khổ; man là dài, là dây dưa; bất đoạn là chẳng dứt. Nguyên nhân tội lỗi của chúng sanh là gì? Là tham lam vì vô minh. Ai là người

diệt trừ nguyên nhân ấy? Từ gần 3000 năm nay, chỉ mới có được một người: đó là đức Phật Thích Ca. Nguyên nhân còn kéo dài trong mỗi chúng sanh thì công việc thức tỉnh, cứu độ của mỗi Tâm chúng sanh phải tiếp tục, do đây mà Kinh nói: sự cứu thoát chúng sanh chưa bao giờ làm trọn nguyện của Địa Tạng được.



Đối với người trí, biết nhân quả, nghiệp báo là đủ tự cứu tự độ rồi. Nhưng đối với người thường, cần phải tu sửa bằng những phương tiện, chớ không lấy lý mà nói được. Vì vậy, phải phương tiện mà nói:

- Với người sát sanh: anh hãy coi chừng đời sau bị chết yểu nhé!

- Với người trộm cắp: anh lấy của người, đời sau anh sẽ bị bần cùng khổ sở...

Phương tiện không phải là sự thật, nhưng chủ yếu ở đây là trị bệnh thì thuốc nào cũng được, chẳng nên luận quý tiện, đắt rẻ, cốt yếu trị hết bệnh thì thôi.

Bài tán cuối quyển đầu của Kinh đã nhắc lại một lời cảnh cáo: Trong đời dơ bẩn này, khó đem ánh sáng mà rọi vì chúng sanh cứng đầu cứng cổ, dạy bảo không nghe, cứ chạy theo tham muốn vui sướng, cho nên phải khổ sở vô cùng. Bởi vậy, Phật mới nói ra bài Kinh Địa Tạng bốn nguyện để hóa độ kẻ tối tăm.

QUYỂN TRUNG



PHẨM V

DANH HIỆU ĐỊA NGỤC

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Phổ Hiền bạch với Bồ tát Địa Tạng, nói rằng:

- Thưa Bồ tát, xin ngài vì hàng Thiên, Long bát bộ⁽¹⁾, cùng tất cả chúng sanh trong hiện tại và vị lai, giảng nói về việc nhận lãnh sự báo ứng của chúng sanh tội lỗi ở thế giới Ta bà, cõi Diêm Phù Đề⁽²⁾, tên hiệu các địa ngục và những báo ứng chẳng lành, để cho

-
1. Tám loại: Thiên (trời), Long (Rồng), Dạ xoa, Càn Thát bà, A tu la (Phi thiên), Ca lâu la (Kim sủy diểu), Khẩn Na la (Phi nhân), Ma hầu la dà (đại mạng thần), Vi thiên, Long đứng đầu trong 8 bộ chúng này, cho nên Kinh điển thường nói tắt: Thiên Long bát bộ.
 2. Một trong bốn châu của thế giới Ta bà, tức trái đất này. Cũng gọi là thiềm bộ hay Nam Thiên bộ Châu.

chúng sanh trong thời mạt pháp về sau biết những quả báo đó.

Địa Tạng đáp:

- Thưa Bồ tát, tôi nay nương vào oai thần của Phật cùng sức mạnh của Bồ tát, tóm tắt nói về tên hiệu của các địa ngục, sự báo ứng của tội lỗi và những báo ứng chẳng lành.

Tên các địa ngục:

Thưa Bồ tát, ở phương Đông châu Diêm Phù Đề có một ngọn núi tên là Thiết vi⁽¹⁾. Núi ấy tối thẫm, không mặt trời mặt trăng. Tại đó có một địa ngục lớn tên là Cực Vô gián (cực hình không lúc nào dừng), lại có địa ngục Đại A Tỳ (không ra khỏi). Lại có địa ngục tên là Tứ giác (bốn góc). Lại có địa ngục tên là Phi Dao (dao bay). Lại có địa ngục tên là Hỏa tiễn (tên lửa). Lại có địa ngục tên là Giáp sơn (núi ép). Lại có địa ngục tên là Thông thương (giáo nhọn đâm suốt). Lại có địa ngục tên là Thiết xa (xe sắt). Lại có địa ngục tên là Thiết sàng (giường sắt). Lại có địa ngục tên là Thiết ngư (bò sắt). Lại có địa ngục tên là Thiết y (áo sắt). Lại có địa ngục tên là Thiên nhãn (ngàn mũi nhọn). Lại có địa ngục tên là Thiết lư (lửa sắt). Lại có địa ngục tên là Dương đồng (biển nước đồng sôi). Lại có địa ngục tên là Bảo trụ (ôm cột đồng đỏ). Lại có địa ngục tên là Lưu hỏa (lửa

1. Vách thành rào bằng sắt.

táp). Lại có địa ngục tên là Canh thiết (cày lưỡi). Lại có địa ngục tên là Tỏa Thủ (chặt đầu). Lại có địa ngục tên là Thiêu cước (đốt chân). Lại có địa ngục tên là Đạm nhãn (móc mắt). Lại có địa ngục tên là Thiết hoàn (viên sắt). Lại có địa ngục tên là Trách luận (cãi lầy). Lại có địa ngục tên là Thiết thù (trái cân sắt). Lại có địa ngục tên là Đa sân (giận nhiều).

Bồ tát Địa Tạng nói:

- Thưa Bồ tát, trong núi Thiết Vi có những địa ngục như thế, số nhiều vô hạn. Lại có địa ngục Khiếu hoán (kêu cứu), địa ngục Bạt thiết (kéo lưỡi), địa ngục Phần niệu (cứt đá), địa ngục Đồng tỏa (khóa đồng), địa ngục Hỏa Tượng (voi lửa), địa ngục Hỏa cầu (chó lửa), địa ngục Hỏa mã (ngựa lửa), địa ngục Hỏa sơn (núi lửa), địa ngục Hỏa Thạch (đá lửa), địa ngục Hỏa sàng (giường lửa), địa ngục Hỏa lương (rường nhà lửa), địa ngục Hỏa ứng (chim ưng lửa), địa ngục Cứ nha (cửa răng), địa ngục Bác bì (lột da), địa ngục Ấm huyết (uống máu), địa ngục Thiêu Thủ (đốt tay), địa ngục Thiêu cước (đốt chân), địa ngục Đảo thích (đâm ngược), địa ngục Hỏa ốc (nhà lửa), địa ngục Thiết ốc (nhà sắt), địa ngục Hỏa lang (chó sói lửa). Địa ngục nhiều như thế, trong còn có những địa ngục nhỏ, hoặc một, hoặc hai, ba, bốn, cho đến trăm, ngàn, tên hiệu mỗi mỗi không giống nhau.

Bồ tát Địa Tạng nói với Bồ tát Phổ Hiền:

- Thưa Bồ tát đó đều là do chúng sanh Nam Diêm Phù Đề làm ác mà tùy nghiệp cảm thọ như vậy. Sức mạnh của nghiệp rất lớn có thể sánh với núi Tudi, sâu có thể sánh với biển cả, có thể ngăn đường lên Thánh. Bởi cố, chúng sanh chớ khinh điều ác nhỏ mà cho là không tội, chết rồi có sự báo ứng, mảy may cũng lãnh. Cha con là tình thân, nhưng tùy nghiệp mà ai đi đường nấy, giá có gặp lại nhau cũng không thể thay nhau mà chịu sự báo ứng được. Tôi nay, nương vào oai thần của Phật, tóm tắt việc báo ứng của tội khổ ở địa ngục xin Bồ tát tạm nghe lời tôi như vậy.

Sự báo ứng tội ác:

Bồ tát Phổ Hiền đáp:

- Từ lâu tôi đã nghe nói rồi về sự báo ứng của ba đường ác, nhưng mong Bồ tát nói ra để cho tất cả chúng sanh làm ác trong thời mạt pháp đời sau nghe lời Bồ tát mà quay đầu hướng về với Phật.

Bồ tát Địa Tạng bạch nói:

- Thưa Bồ tát, sự báo ứng của tội lỗi là như sau:

“Có địa ngục trong đó lưỡi của tội nhân bị kéo ra cho bò cày; có địa ngục thì lấy tim của tội nhân mà cho quỷ Dạ xoa ăn; có địa ngục lấy nước thật sôi luộc thân tội nhân; có địa ngục đốt đỏ trụ đồng rồi bắt tội nhân ôm; có địa ngục lửa dẫy tấp vào người tội; có địa ngục băng giá lạnh lùng; có địa ngục chất chứa không biết

bao nhiêu cứt đá; có địa ngục tên mũi nhọn bằng sắt bay đâm tội nhân; có địa ngục tội nhân bị đâm bằng giáo lửa bó lại; có địa ngục tội nhân chỉ bị đập trên vai trên lưng; có địa ngục chỉ đốt tay chân; có địa ngục tội nhân bị rấn sắt quấn mình; có địa ngục tội nhân bị chó sắt đuổi cắn; có địa ngục tội nhân bị bắt ách vào xe với lừa sắt.

Bồ tát, những sự báo ứng là như thế. Trong mỗi mỗi ngục, có trăm ngàn thứ khí cụ hình phạt của nghiệp (bách thiên chủng nghiệp đạo chi khí); không thứ nào là không bằng đồng, bằng sắt, bằng đá, bằng lửa. Bốn thứ này là những cảm thọ do nghiệp gây ra. Nếu nói cho đầy đủ những tội báo ở địa ngục thì trong mỗi mỗi ngục còn trăm ngàn đau khổ khác hà huống trong nhiều ngục. Tôi nay nương vào oai thần của Phật và vì có lời hỏi của Bồ tát, xin nói tóm tắt như vậy. Nếu nói rộng ra, trọn kiếp cũng không hết”.

Mật nghĩa:

Tuy nhan đề “Địa ngục danh hiệu”, Phẩm thứ V thật ra hàm chứa hai phần:

1. Tên các địa ngục
2. Sự báo ứng hay hình phạt của các tội lỗi và ác nghiệp ở địa ngục

Tất cả các địa ngục kể không xiết ấy ở đâu?

Ở trong quả núi tên là Thiết Vi. Thiết là sắt, Vi là rào. Vậy Thiết Vi có nghĩa là rào sắt. Núi ấy lại tối thẫm, không một ánh sáng mặt trời mặt trăng. Vậy là ám chỉ sự tối tăm (ténèbres) hay Vô minh.

Tâm vô minh hay ngu dốt đạo lý, không được một tia Chân lý soi sáng, chất chứa tội lỗi như núi, do đây Kinh ví dụ mà nói là núi. Người mà tâm bị vô minh, khó mà ra khỏi vô minh để chường mình trước ánh sáng đạo lý, cho nên ví như bị giam hãm trong chỗ bị rào sắt bao bọc, không thể thoát khỏi.

Cứ như trên thì ai sống trong vô minh là sống trong địa ngục tối tăm, đau khổ.



Chúng sanh vô số lượng, địa ngục hay vô minh của chúng sanh cũng vô số lượng. Giả kể tên các địa ngục lớn, thực ra là kể những cái ngu dốt, những cái tối tăm của con người.

Có cái vô minh hết sức lớn lao và triền miên gọi là Cực Vô giác; có cái vô minh khó ra khỏi, gọi là A Tỳ; có cái vô minh quây quần trong bốn thứ dục (Tinh dục, sắc dục, thực dục, dâm dục) gọi là Tứ giác; có cái vô minh đưa người vào chỗ chém giết, dao gươm gọi là Phi đao; có cái vô minh làm cho con người đau nhức như bị tên lửa (hỏa tiễn), như bị dồn ép (giáp sơn), như bị giáo đâm thủng (thông thương), như bị xe sắt cán (thiết xa), như nằm trên giường sắt vừa lạnh vừa không êm (thiết sàng), như mặc áp sát ép ngực bó mình (thiết y), như bị ngàn mũi nhọn châm chích (thiên nhãn), như bị bò sắt kéo cày vầy thân (thiết ngư), như bị lửa sắt dẫm lên mình (thiết lư), như bị bắt uống nước đồng sôi (dương đồng), như bị bắt ôm trụ đồng đốt đỏ (bảo trụ), như bị lửa tấp (lưu hỏa), như bị rạch lưỡi (canh thiệt), như bị chặt đầu (tỏa thủ), như bị đốt chân (thiêu cước), như bị móc mắt vì quá xốn xang (đạm nhãn), như bị bắt nuốt những hòn sắt (thiết hoàn) - Tranh luận, xâu xé với nhau là một địa ngục, giận nóng lại là một địa ngục khác.

Vô minh địa ngục là như thế đã nhiều rồi, mà chưa hết đâu. Kêu la hốt hoảng là địa ngục; nói ác, đâm thọc, chửi rửa (bạt thiệt) là địa ngục; tâm hồn dơ bẩn như chứa cứt đá (phản niệu) là địa ngục; tâm trí bị kèm thúc như bị khóa (bồng tỏa) là địa ngục; trong lòng bị lửa

tham giận, si mê nung đốt hay đè nặng, bức bách, cắn xé, châm chích, cứa sứt, là địa ngục v.v...

Đó là sơ lược những vô minh lớn, ngoài ra còn biết bao nhiêu cái ngu muội nhỏ nữa, do đây Kinh nói: trong những ngục lớn đó, còn có những ngục nhỏ, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, cho đến trăm ngàn...



Trên đã kể những trường hợp vô minh, nay Kinh nói đến những “hình phạt” hay những đau khổ của người sống trong địa ngục vô minh.

Hoặc đau rát ở lưỡi như lưỡi bị cày, hoặc đau nhói ở tim như tim bị moi, hoặc toàn thân nóng bức như bị bỏ vào vạc dầu sôi, hoặc ôm ấp những cái khổ mà không hay không biết, chẳng khác người ôm cột đồng cháy đỏ, hoặc nóng bừng cả mặt như lửa cháy cả mày, hoặc toàn thân cảm thấy cô đơn lạnh lẽo như nằm trên băng giá, hoặc cảm thấy mình thối tha dơ bẩn, như ở chỗ đầy cứt đá, hoặc như bị gai đâm phải nháy nhồm, hoặc như bị nhiều ngọn giáo lửa thịch vào thân, hoặc cảm thấy đôi vai nặng trĩu tội lỗi, hoặc tay làm không ngớt, chân chẳng đứng dừng, như bị thiêu đốt, hoặc bị người rình hãm hại như rấn cắn, hoặc bị kẻ dữ làm hại như bị chó cắn, hoặc gánh chịu những hậu quả nặng nề của nghiệp mình, ví như lửa bị đóng ách.

Nói tóm, ai hành động tối tăm ngu dốt (địa ngục), ai quá tham lam ích kỷ (ngạ quỷ), ai cư xử quá thấp hèn, để cho thú tánh sai sử (súc sanh), đều chịu những bức rứt, nặng nề, đau khổ, nóng bức, như tự thân bị lửa đốt, đá đè, khí giới bằng đồng bằng sắt đâm chém.

Đó là do nghiệp chẳng lành mà con người cảm thọ những khổ ấy. Vậy địa ngục tự ta tạo và khổ não cũng tự ta dành cho ta. Và tất cả đều bắt nguồn từ tâm.



PHẨM VI
NHỮ LẠI TÁN THÁN

Lúc bấy giờ, Thế Tôn cất mình lên phóng ra ánh sáng lớn, chiếu khắp trăm ngàn muôn ức thế giới chư Phật, nhiều như cát sông Hằng, xuất ra tiếng lớn, tuyên cáo với tất cả Đại Bồ tát cùng Thiên, Long, Quỷ, Thần, Người, loài chẳng phải người của các thế giới chư Phật:

- Hãy nghe ta hôm nay đề cao khen ngợi việc Đại Bồ tát Địa Tạng, nơi mười phương thế giới, hiện sức mạnh từ bi oai thần không thể nghĩ bàn, cứu trợ và hộ vệ tất cả những tội khổ. Sau khi ta diệt độ rồi, Bồ tát các ông cùng hàng Thiên, Long, Quỷ, Thần v.v... phải dùng nhiều phương chước gìn giữ Kinh này, khiến tất cả chúng sanh lìa tất cả khổ não, chứng cảnh vui Niết Bàn.

Phật nói xong, trong pháp hội có một Bồ tát tên là Phổ Quảng, chấp tay cung kính, bạch Phật nói rằng:

- Hôm nay thấy Thế Tôn khen ngợi Bồ tát Địa Tạng có oai thần đức lớn đến không thể nghĩ bàn được như vậy, tôi cúi xin Thế Tôn, vì chúng sanh của đời mạt pháp về sau, tuyên thuyết nguyên nhân và kết quả của sự Bồ tát Địa Tạng làm lợi ích Trời và Người, để cho

Thiên, Long tám bộ chúng và chúng sanh trong đời vị lai kính lãnh lời Phật.

Khi ấy, Thế Tôn bảo Bồ tát Phổ Quảng và bốn chúng:

- Hãy nghe kỹ! Hãy nghe kỹ! Ta sẽ vì các ông mà nói sơ lược về sự Bồ tát Địa Tạng làm lợi ích cho hàng Trời, Người.

Phổ Quảng bạch Phật nói:

- Vâng, bạch Thế Tôn, chúng tôi xin vui nghe.

Phật bảo Bồ tát Phổ Quảng:

- Trong đời vị lai, nếu có người trai lành gái lành nào, nghe tên Đại Bồ tát Địa Tạng rồi hoặc chấp tay, hoặc khen ngợi, hoặc làm lễ, hoặc ái mộ quyến luyến, thì người ấy sẽ vượt khỏi ba mươi kiếp tội lỗi.

Này Phổ Quảng, nếu có trai lành gái lành nào, hoặc họa vẽ hình của Bồ tát Địa Tạng, hoặc dùng đất, đá, keo, sơn, vàng, bạc, đồng, sắt đúc tượng Bồ tát Địa Tạng, rồi chỉ chiêm ngưỡng một lần, chỉ lễ bái một lần, thì người ấy sẽ được trăm lần sanh trở lại cảnh trời ba mươi ba (Đao Lợi thiên), không bao giờ rơi vào nẻo ác. Giả tử như hưởng phúc ở cảnh Thiên hết rồi, sanh xuống cõi Người, cũng còn được làm vua làm chúa, không mất lợi lớn.

Nếu có người nữ nào chán thân đàn bà, mà hết lòng cúng dường tượng vẽ cùng tượng đắp bằng đất, đá,

keo, sơn, đồng, sắt v.v... của Địa Tạng Bồ tát, như vậy ngày ngày không thoái lui, thường dùng hoa, hương, món ăn, thức uống, quần áo, gấm lụa, tràng phan, tiền bạc, vật báu mà cúng dường, thì người nữ ấy, khi báo thân này đã hết không còn sinh lại ở thế giới có đàn bà, hà huống thọ trở lại thân đàn bà. Trừ trường hợp vì nguyện lực từ bi cần phải lãnh thân đàn bà để độ thoát chúng sanh (mới trở lại làm đàn bà). Nhờ sức mạnh của sự cúng dường Bồ tát Địa Tạng cùng sức mạnh của công đức bố thí mà trăm ngàn muôn kiếp chẳng còn phải thọ sanh làm thân đàn bà nữa.

Lại nữa, này Bồ tát Phổ Quảng, nếu có người nữ, chán cái xấu xa, nhiều tật bệnh của mình, thì chỉ trước tượng Bồ tát Địa Tạng, hết lòng chiêm ngưỡng và lễ bái, trong một khoảng lâu bằng một bữa ăn, cũng đủ trong ngàn muôn kiếp, hoặc làm người, hoặc làm Thiên, được thọ sanh với một thân hình tướng mạo hoàn toàn, không mọi tật bệnh. Những người nữ xấu xa như thế, nếu chẳng nhằm chán thân đàn bà, thì trong trăm ngàn muôn ức đời sống, thường được làm con gái vua cho đến làm vợ vua, làm con gái nhà quan quyền danh tiếng, thọ sanh đọan chánh, tướng mạo hoàn toàn. Đó là nhờ chiêm ngưỡng lễ bái Bồ tát Địa Tạng mà được phúc như vậy.

Lại nữa, này Phổ Quảng, nếu có trai lành, gái lành nào mà năng, trước tượng Bồ tát Địa Tạng, dùng múa

hát ca vịnh, tán thán, hương hoa cúng dường, hoặc khuyên một người hay nhiều người cùng cúng dường như thế, thì những người trai lành gái lành ấy, trong đời hiện tại cùng trong đời vị lai, thường được trăm ngàn quý thần che chở ngày đêm không để cho sự ác lọt thấu vào tai, hà huống để cho thân phải chịu tai họa.

Lại nữa, này Bồ tát Phổ Quảng, trong đời vị lai, nếu có người ác, thân ác, quỷ ác thấy hạng trai lành, gái lành qui kính, cúng dường, tán thán, chiêm lễ hình tượng Bồ tát Địa Tạng, rồi sanh lòng chê bai, gièm pha, cho làm như thế là không có công đức và lợi ích, hoặc nhe răng cười chê, hoặc sau lưng chê là sai, hoặc xúi người cùng chê, hoặc một người, hoặc nhiều người, thậm chí có một ý niệm khích bác, nói xấu, thì những người ác ấy, sau khi ngàn Phật của Hiền kiếp⁽¹⁾ diệt độ rồi, sẽ vì tội khích bác, nói xấu, mà lãnh sự báo ứng cực kỳ nặng nề ở địa ngục A Tỳ.

Hiền kiếp qua rồi, chừng ấy thọ sanh làm quỷ đói. Lại trải qua ngàn kiếp thọ sanh làm súc sanh. Lại trải qua ngàn kiếp nữa, mới trở lại làm người. Phỏng có được thân người đi nữa, vẫn là người nghèo khó, thấp

1. *Hiền kiếp (Bhadra kalpa):* Kiếp là một thời kỳ, chia có đại kiếp, trung kiếp, tiểu kiếp. Đây là nói thời kỳ có nhiều Phật ra đời.

hèn, các “căn” không đầy đủ, bị nhiều ác nghiệp đúc kết thành thân, chẳng bao lâu lại rơi trở vào nẻo ác.

Bởi cố, này Phổ Quảng, gièm chê những người cúng dường Bồ tát Địa Tạng còn gặt hái sự báo ứng như thế; hà hưởng riêng sanh ác kiến hủy phá sự cúng dường ấy.

Lại nữa, này Phổ Quảng, nếu trong đời vị lai có kẻ nam người nữ nào lâu ngày chầy tháng, nằm liệt giường liệt chiếu, muốn sống không được mà muốn chết cũng không kham, hoặc đêm nằm mộng thấy ác quỷ hay thân nhân họ hàng, hoặc chiêm bao thấy đi nơi nguy hiểm, hoặc mê sảng mộng mi, cùng đi chơi với quỷ thần, ngày tháng lâu năm thành liệt nhược, trong giấc ngủ kêu la thảm thê, không vui chút nào, đó là trên con đường Nghiệp báo, còn đương cân nhắc, chưa định nặng nhẹ, cho nên hoặc chưa bỏ được tuổi thọ (chết), hoặc chưa hết bệnh. Người nam kẻ nữ mất phàm không phân biện được việc này. Gặp trường hợp như thế, thì chỉ nên đến trước tượng chư Phật, Bồ tát, lớn tiếng đọc suốt kinh này một lần, hoặc lấy những vật của bệnh nhân mền nhất, hoặc quần áo, của quý, vườn tược, nhà cửa, rồi đứng trước bệnh nhân, to tiếng nói rằng: “Chúng tôi nay Mão, Giáp, vì người bệnh đây, xin trước Kinh, Tượng (chư Phật, Bồ tát) bỏ hết tất cả những vật này để hoặc cúng dường Kinh, Tượng, hoặc tạo hình tượng chư Phật, Bồ tát, hoặc xây chùa tháp, hoặc cúng dầu đốt đèn, hoặc bố

thí cho Thường trú”. Bạch như vậy ba lần, làm cho người bệnh nghe biết. Giả sử thần thức của người bệnh đã phân tán, thậm chí hơi thở đã dứt, thì cứ hoặc trong một ngày, hai ngày, ba ngày cho chí bảy ngày, to tiếng đọc Kinh và bạch như trên, thì người bệnh, sau khi chết, bao nhiêu tai xưa tội nặng cho đến tội cực nặng đáng vào địa ngục Vô gián, cũng được giải thoát mãi mãi, thọ sanh về chỗ nào, thường biết đời trước của mình. Hà huống trai lành gái tốt tự tay viết Kinh này, hoặc bảo người chép, hoặc tự mình đắp vẽ hình tượng Bồ tát Địa Tạng hay bảo người đắp vẽ, đối với những người như thế này, quả báo lợi lạc lớn lao vô cùng.

Bởi cố, này Phổ Quảng, nếu thấy có người đọc tụng kinh này, thậm chí có một niệm khen ngợi Kinh này, hoặc cung kính Kinh này, ông nên bằng trăm ngàn phương tiện, khuyến khích những người ấy nên siêng cần đừng thoái chí. Khuyến khích như thế thì hưởng được, trong hiện tại và vị lai, trăm ngàn muôn ức công đức nhiều không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, này Phổ Quảng, nếu trong đời sau, có chúng sanh nào nằm ngủ chiêm bao, thấy các quỷ thần, thậm chí thấy những hình người hoặc đau khổ, hoặc khóc lóc, hoặc làm sầu não, than thở, sợ sệt, nên biết đó là cha mẹ, anh em, chị em, vợ chồng, bà con của một đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời trong quá khứ, đang ở trong nẻo ác, chưa được ra khỏi và không được sức

mạnh của việc làm phúc đức cứu vớt khỏi sự khổ não. Họ đang mong tình cốt nhục đời xưa dùng nhiều phương tiện giúp họ xa lìa nẻo ác.

Này Phổ Quảng, người nên dùng thần lực, khiến bà con của những người tội khổ ấy, đến trước tượng chư Phật, Bồ tát, hết lòng tụng đọc Kinh này, hoặc mời người đọc, từ ba biến cho đến bảy biến. Được như vậy thì những bà con đang ở trong nẻo ác, sau khi nghe đủ số biến Kinh rồi, sẽ được giải thoát, (còn người sống) thì những mộng寐, trong giấc ngủ cũng không trở lại nữa.

Lại nữa, này Phổ Quảng, nếu trong đời vị lai, có những người thấp hèn, như hàng nô tỳ, những người không có tự do, thức tỉnh mà biết nghiệp xưa của mình và biết cần phải sám hối, rồi hết lòng chiêm ngưỡng lễ bái hình tượng Bồ tát Địa Tạng, thậm chí liên tiếp trong bảy ngày, niệm danh hiệu Bồ tát đầy đủ một muôn lần, thì những người ấy, sau khi hết báo thân này, sẽ được trong ngàn muôn đời sống, thường sanh làm người cao sang và không trải qua ba nẻo dữ nữa.

Lại nữa, này Phổ Quảng, nếu trong đời sau, tại cõi Diêm Phù Đề (thế giới này), bất luận trong hàng tướng sĩ, Bà la môn, đại phú gia, tiểu phú gia, nói tóm là trong các giai cấp kể luôn cả những chủng tộc khác, nếu mới sanh con, hoặc nam hoặc nữ mà sớm biết, trong bảy ngày liên tiếp, đọc tụng Kinh khó thể nghĩ bàn này, lại vì những đứa trẻ mới sanh ấy mà niệm danh hiệu Bồ tát

cho đủ muôn lần, thì những đứa trẻ ấy, nếu vì tội trước mà có sự báo ứng tai ương, sẽ được giải thoát, an vui, dễ nuôi, tuổi thọ tăng thêm. Nếu những đứa trẻ ấy là người nhờ phúc đức xưa mà tái sinh, thì sự an vui và thọ mệnh của chúng sẽ vì việc đọc Kinh, niệm danh hiệu Bồ tát mà tăng thêm lên.

Lại nữa, này Phổ Quảng, nếu trong đời vị lai, chúng sanh biết rằng những ngày mồng một, mồng tám, mười bốn, rằm, mười tám, hai mươi ba, hai mươi bốn, hai mươi tám, hai mươi chín và ba mươi là những ngày các tội được qui tập để định sự nhẹ nặng, và biết rằng chúng sanh ở cõi Diêm phù đề, mỗi cử chỉ, mỗi tư tưởng, không cử chỉ tư tưởng nào là không gây nghiệp, là không tội lỗi, hướng hồ buông lung sát hại, trộm cắp, tà dâm, nói láo, tạo trăm ngàn thứ tội. Biết như vậy rồi, nhân mười ngày trai giới kể trên, đến trước tượng chư Phật, Bồ tát cùng Hiền Thánh, tụng đọc Kinh này một biến thì Đông, Tây, Nam, Bắc, trong vòng một trăm do tuần, không phải bị một tai nạn nào. Đồng thời, còn làm cho những người cùng ở một nhà, dù lớn, dù nhỏ, hiện nay hay trăm ngàn năm trong vị lai, đều được vĩnh viễn xa lìa nẻo ác. Nếu trong mười ngày chay, mỗi ngày đọc được một biến Kinh này, thì ngay đời này, làm cho những người trong nhà khỏi các bệnh hoạn, tai họa, lại thêm ăn mặc dư giả.

Bởi cố, này Phổ Quảng, nên biết Bồ tát Địa Tạng có trăm ngàn muôn ức thần lực lớn lao không thể nghĩ bàn, thường làm lợi ích như vậy. Chúng sanh ở cõi Diêm phù đề, có nhân duyên lớn với Bồ tát. Chúng sanh Diêm phù đề mà nghe được danh hiệu của Bồ tát, thấy được tượng của Bồ tát, chỉ nghe được năm ba chữ, một câu, một kệ của Kinh này, thì trong hiện tại được sự an vui lớn lao hơn hết, còn trong vị lai, trăm ngàn muôn đời sống, thường được làm người đoan chánh, sanh vào nhà sang cả.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Phổ Quảng nghe Phật đề cao và khen ngợi Bồ tát Địa Tạng xong rồi, quì xuống chấp tay bạch Phật nói rằng:

- Bạch Thế Tôn, đã lâu rồi tôi biết Bồ tát Địa Tạng có những thần lực không thể nghĩ bàn, và sức mạnh của ý chí cương quyết (thệ nguyện). Vì muốn cho chúng sanh trong vị lai biết sự lợi ích của thần lực và thệ nguyện ấy cho nên mới kính hỏi Như Lai. Tôi cúi xin vâng giữ.

Bạch Thế Tôn, nên đặt cho Kinh này tên gì và xin dạy chúng tôi phải lưu truyền thế nào?

Phật bảo Bồ tát Phổ Quảng:

- Kinh này gồm có ba tên: một là “Địa Tạng Bồ nguyện” cũng gọi là “Địa Tạng Bồ Hạnh” đây là tên thứ hai, lại cũng gọi là “Địa Tạng Bồ Thần lực” đây là

tên thứ ba. Bởi từ nhiều kiếp xa xưa đến nay, Bồ tát đã phát nguyện rộng lớn là làm lợi ích chúng sanh, vậy các ông nên theo nguyện ấy mà lưu truyền Kinh này.

Bồ tát Phổ Quảng nghe xong tin lành, chấp tay cung kính, lễ Phật rồi lui.

Mật nghĩa:

Phẩm thứ sáu ghi những lời Phật khen ngợi Địa Tạng.

Đáp lại lời bạch của Bồ tát Phổ Quảng, đức Thế Tôn đã nói về sự phước đức làm lợi ích hàng Trời, Người của Địa Tạng.

Phổ là khắp cùng (như nói phổ biến); Quảng là rộng. Vậy Phổ Quảng hỏi có nghĩa là: để phổ biến sâu rộng nguyên nhân và kết quả của Tâm làm lợi ích trời người, phải nói như thế nào?

Đức Phật đã trả lời câu hỏi ấy bằng cách vạch ra những kết quả lợi ích của sự chiêm lễ, tán thán, niệm danh, cúng dường Địa Tạng. Các hành động này là nguyên nhân của những lợi ích nói trong Kinh, như:

1. Tán thán, lễ bái, luyến mộ danh hiệu của Địa Tạng thì vượt khỏi ba mươi kiếp tội lỗi.

2. Chiêm ngưỡng lễ bái hình tượng thì được về cõi Thiên, không sa trở lại nẻo ác.

3. Nếu là đàn bà mà nhàm chán thân nữ nhân, những xấu xa, tật bệnh của nữ nhi, muốn thoát khỏi cảnh ấy, thì phải biết chí tâm chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường hình tượng Địa Tạng.

4. Muốn được quỷ thần vệ hộ, tiếng ác không lọt vào tai, nên tán thán, cúng dường hình tượng Địa Tạng.

5. Ai thấy người khác tán thán cúng dường hình tượng Địa Tạng mà hủ báng, chê cười, người ấy sẽ đọa vào ngục A Tỳ, chịu nhiều cực khổ, có thọ sanh, thì sẽ sanh vào ngục quỷ, súc sanh, hay người hèn hạ, khổ sở.

6. Ai đau ốm mà nghe hay tự đọc kinh Địa Tạng thì sau khi chết, được giải thoát các trọng tội của kiếp trước.

7. Ai muốn đừng còn thấy vong linh cha mẹ, anh em, bà con hiện về trong giấc mộng kêu khóc thê thảm vì đang bị tội khổ, thì nên vì những vong linh ấy mà tụng từ ba đến bảy biến Kinh Địa Tạng. Người chết sẽ được giải thoát còn người đọc sẽ hết chiêm bao.

8. Ai lâm vào cảnh hạ tiện, tội đời, mất tự do như ở tù bị giam chằng hạn mà biết sám hối tội lỗi thì sẽ thoát ly hạ tiện về sau được sanh trong cảnh tôn quý.

9. Ai có con mới sanh mà biết đọc Kinh và niệm danh hiệu Địa Tạng thì đứa nhỏ được giải thoát nghiệp báo đời trước, an lạc, dễ nuôi, sống lâu.

10. Toàn gia đình sẽ xa lìa nẻo ác, không tai nạn, bệnh hoạn, cơm áo đầy đủ, nếu người trong nhà biết, trong mười ngày chay mỗi tháng, đọc tụng Kinh Địa Tạng.

Nói tóm, biết chiêm ngưỡng, lễ bái, niệm danh hiệu Địa Tạng, cúng dường Địa Tạng, đọc Kinh Địa Tạng thì được những lợi ích như vừa kể. Được các lợi ích như thế là vì Địa Tạng có oai thần, nghĩa là có khả năng huyền diệu, làm cho người tin tưởng, kính trọng, dám hy sinh cho Địa Tạng (cúng dường) và nghe được tiếng răn lời dạy của Địa Tạng (tụng Kinh) được lìa khổ hưởng vui, từ thấp lên cao, hết ác thành thiện.

Đã nói Địa Tạng là Tâm, vậy oai thần vừa nói là oai thần của Tâm. Ai biết quay về với Tâm, tôn trọng Tâm, nhớ tưởng đến Tâm, hy sinh tất cả cho Tâm, cố nghe cho được lời khuyên bảo, dạy dỗ của Tâm, người ấy nhất định sẽ thu hoạch được những lợi ích tinh thần luôn cả vật chất.

Muốn trở về Tâm, phải làm thế nào?

1) Phải có cái muốn cương quyết: đó là nghĩa của “Địa Tạng bốn nguyện” (Lòng tự nguyện với lòng).

2) Phải thực hành lời nguyện của mình ngay trong Tâm: đó là nghĩa của “Địa Tạng bốn hạnh”.

3) Nhưng sợ nguyện, hành không đầy đủ cương quyết và dẻo dai, cho nên phải tự mình thề với mình,

thề một cách trọng đại để cho lời thề ấy trở thành một sức mạnh thúc đẩy mình, khi mình giải đãi lười biếng. Đó là “Địa Tạng bốn thề”

Cái sự thật, cái chân lý trong lời Phật dạy xuyên qua câu chuyện Bồ tát Địa Tạng, với Địa ngục thiết vi là như vậy. Do đây, Bồ tát Phổ Quảng mới hỏi: Kinh này tên gì, với nghĩa: sự thật trong câu chuyện này là như thế nào?

Nên hiểu những việc chiêm lễ, niệm danh cúng dường, tụng kinh đều là những phương tiện bề ngoài dùng làm nhịp cầu Tịnh Định, Xả Ly để con người hướng nội, quay lại với Tâm. Bởi vậy làm những việc trên mà thiếu cái “chí tâm” thì không có kết quả gì.

PHẨM VII
LỢI ÍCH TÔN VONG

Lúc bấy giờ, Bồ tát Địa Tạng bạch Phật nói:

- Bạch Thế Tôn, tôi quan sát thấy chúng sanh cõi Diêm phù đề, trong mỗi tư tưởng, không việc nào là chẳng tội lỗi. Vì vậy, dầu gặp những trường hợp có lợi cho điều lành, phần nhiều hay để cho cái tâm quyết làm lành trước kia thoái lui, còn gặp duyên ác, thì lòng nghĩ việc ác lúc lúc tăng thêm. Bọn người ấy chẳng khác kẻ vác đá nặng đi trên đất bùn lầy, càng khốn đốn càng thấy nặng, đôi chân thêm lún sâu. Nếu kẻ ấy gặp được bạn lành, thay họ chia sẻ hoặc lãnh gánh hết gánh nặng, thì bạn lành ấy phải là người có nhiều sức mạnh. Chẳng những gánh thay mà bạn lành ấy lại còn dìu đỡ và lại khuyên người gánh nặng nên vững chân, rồi khi đến đất bằng, khuyên nên tu tỉnh mà đừng trở lại đi trên con đường nguy hiểm nữa.

Thế Tôn, chúng sanh quen thói làm ác, luôn luôn bắt từ chỗ ác mảy mún mà đi tới chỗ ác không lường. Khi những chúng sanh có thói quen làm ác như thế sắp chết, thì người trong thân quyến bất luận nam nữ, nên vì người sắp chết mà làm việc phúc đức, để như cung cấp

lộ phí cho họ. Việc phúc đức ấy là: hoặc treo phan cái, cúng dầu cúng đèn, hoặc tụng đọc Kinh quý, hoặc cúng dường tượng Phật, luôn cả việc niệm danh hiệu chư Phật, Bồ tát và Bích chi Phật, làm sao cho một tên, một hiệu lọt được vào lỗ tai của người sắp chết hay thần thức của họ nghe được (nếu đã chết rồi). Cứ theo ác nghiệp đã tạo và quả báo phải cảm chịu, người sắp chết phải sa vào ba nẻo dữ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), nhưng nhờ quyền thuộc gieo những nhân lành sạch kể trên, bao nhiêu tội lỗi đều được tiêu diệt. Nếu sau khi người ấy chết rồi thân quyền còn, trong vòng 49 ngày, rộng làm điều thiện vì người chết, thì có thể làm cho người này vĩnh viễn xa lìa ba nẻo ác, được sanh làm người, hay lên trời, hưởng nhiều vui sướng, còn quyền thuộc còn sống được không biết bao nhiêu là lợi ích.

Bởi các lễ trên, hôm nay trước Phật cùng Thiên, Long tám chúng, hàng Người, Trời, tôi có lời khuyên chúng sanh cõi Diêm phù đề trong ngày lâm chung (của người thân), chẳng nên giết chóc cùng tạo duyên ác cúng tế quỷ thần, cầu xin ma quái. Tại sao vậy? Tại vì giết chóc và cúng tế như thế không đem lại cho vong linh người chết mảy may lợi ích nào, mà chỉ kết thêm tội duyên làm sâu nặng mà thôi. Giả như trong đời về sau, hoặc trong đời này vì nhờ được một phần nào trong sạch, đáng được sanh vào hàng Trời, Người, nhưng vì khi chết quyền thuộc lại gây nhân ác, thì người mạng

chung phải liên lụy chịu sự tai ương, bị đem ra xét xử mà chậm sanh về nơi thiện. Đối với người lành còn thế, hà huống đối với người lúc sanh tiền chưa từng có một rỗi lành cởn con nào, và như vậy thì mỗi người phải theo nghiệp mình mà tự lãnh một trong ba nẻo ác. Làm sao nhần tâm tăng thêm nghiệp ác cho bà con của mình? Thí dụ có một người từ xa đến, vai gánh trăm cân lại thêm ba ngày hết lương, gặp người hàng xóm bắt vác thêm một ít vật, thì cái khốn khổ của người gánh nặng có phải nặng nề thêm lên không?

Thế Tôn, quán sát chúng sanh cõi Diêm phù đề, tôi thấy nếu họ năng theo lời Phật dạy, chỉ làm việc lành bằng sợi lông, giọt nước, hột cát, hột bụi, thì họ tự được sự lợi ích.

Lúc Bồ tát Địa Tạng nói mấy lời ấy, trong hội có một trưởng giả tên là Đại Biện, là người từ lâu xưa đã chứng “Vô sinh”, hóa độ chúng sanh trong mười phương, nay hiện thân trưởng giả. Đại Biện chấp tay cung kính hỏi Bồ tát Địa Tạng:

- Bạch Bồ tát, ở cõi Nam Diêm Phù Đề, chúng sanh nào chết rồi mà thân quyến lớn nhỏ vì họ làm nhiều công đức cho đến thiết lễ trai Tăng, tạo nhiều nhân lành, vậy người chết có được nhiều lợi ích cùng được giải thoát không?

Bồ tát Địa Tạng đáp:

- Trưởng giả, tôi nay xin vì tất cả chúng sanh trong hiện tại và vị lai, sơ lược nói về việc ấy. Nay Trưởng giả, trong hiện tại cũng như trong vị lai, chúng sanh nào mà ngày lâm chung, nghe được một danh hiệu của Phật, của Bồ tát, của Bích chi Phật, thì chúng sanh ấy, bất luận có tội hay không tội, ắt được giải thoát. Dù nam, dù nữ, lúc còn sống mà không gieo nhân lành, tạo nhiều tội lỗi nhưng sau khi chết lại được quyến thuộc lớn nhỏ vì họ mà tạo phúc lợi, bằng tất cả những việc làm lành sạch, thì trong bảy phần công đức, người chết lượm được một, còn kẻ sống hưởng được sáu. Bởi lẽ này, trai lành gái tốt trong hiện tại, vị lai, nghe lời tôi rồi, nên cố gắng tự tu thì mười phần hưởng trọn.

Khi quỷ Vô thường không hẹn mà đến, thì thần hồn người chết vợ vẫn trong chỗ mịt mờ, chưa biết là có tội hay được phúc. Trong khoảng 49 ngày, thần hồn như ngây như điếc, hoặc ở tại các ty sở để chịu sự biện luận về nghiệp quả. Sau khi được xét xử xong, là theo nghiệp mà thọ sanh. Trong lúc chưa lường được đã chịu ngàn muôn sáu khổ, hà huống đọa vào ba nẻo dữ. Người chết ấy, lúc chưa được thọ sanh, trong khoảng bốn mươi chín ngày, lúc lúc đều mong người cùng máu mủ bà con tạo phúc để cứu vớt họ. Qua 49 ngày rồi thì tùy nghiệp mà thọ báo. Nếu là người có tội, thì phải trải qua trăm ngàn năm mà không có ngày giải thoát. Nếu

là người phạm năm tội Vô gián (tội trọng), thì phải sa vào địa ngục ngàn kiếp, muôn kiếp, chịu nhiều khổ não vĩnh viễn.

Lại nữa, này Trưởng giả, nếu quyến thuộc cốt nhục vì người tội lỗi mà làm lễ trai Tăng, tư trợ nghiệp đạo của họ, sau lúc họ mạng chung, thì lúc thiết lễ chưa xong cùng lúc đang làm lễ, chớ đem nước gạo, lá rau, vứt dưới đất, còn các thức ăn, nếu chưa dâng lên Phật và chư Tăng, thì chớ nên ăn trước. Trái lời mà ăn, cùng chẳng tinh sạch ân cần, thì người chết không hưởng được phúc lộc cứu bạt nào cả. Nếu tinh cần, giữ gìn trong sạch trong việc dâng cúng Phật Tăng, thì người chết, trong bảy phần phúc đức, hưởng được một phần.

Bởi cố, này Trưởng giả, chúng sanh Diêm Phù, nếu năng vì cha mẹ, bà con mạng chung, thiết lễ trai Tăng cúng dường, hết lòng cầu khẩn, thì đôi đàng, kẻ sống người chết đều được lợi ích”.

Lúc Bồ tát Địa Tạng nói mấy lời này, tại cung trời Đao Lợi, có trăm ngàn muôn ức na do tha quỷ thần cõi Diêm phù phát tâm Bồ đề vô lượng.

Trưởng giả Đại Biện vui mừng, nhận lãnh lời dạy của Bồ tát Địa Tạng, làm lễ rồi lui.

Mật nghĩa:

“Lợi ích tồn vong” có nghĩa là kẻ còn người chết đều được lợi ích.

Phẩm thứ bảy này chia làm hai phần. Phần thứ nhất nói về bốn phận của người sống đối với thân nhân mệnh chung. Nhưng không phải Phật dạy mà Bồ tát Địa Tạng bạch. Vậy chúng ta có thể hiểu: Cứ lấy tâm mà suy xét thì thấy cái lẽ đùng tạo thêm nghiệp làm nặng gánh cho người quá vãng.

Hễ là chúng sinh thì sống trong vô minh, không một tư tưởng nào mà không trái với Chân lý (cử tâm động niệm, vô phi thị tội). Vì vậy cho nên, dù gặp duyên lành, phát tâm tu sửa, chẳng bao lâu rồi cũng thoái lui, không giữ vững cái nguyện ban sơ; trái lại, gặp dịp làm ác thì xuôi theo mà làm ác càng ngày càng nhiều, chẳng khác người gánh nặng mà đi dưới bùn lầy, càng đi càng lún.

Người gánh nặng sa lầy gặp duyên lành là được người hoặc chia xẻ hoặc thay mình mà gánh lại đi đờ cho ra khỏi chỗ nguy. Một khi khỏi nguy rồi, đừng trở lại chỗ bùn lầy nữa.

Người làm ác gặp duyên lành là gặp hàng bạn tốt chỉ việc tu hành, rồi cũng phải như người gánh nặng mà đừng trở lại lối cũ nữa.

Đến lúc gần chết nếu người ác trước không gặp duyên may như nói ở trên, thì thân quyến phải cố tạo phúc để làm nhẹ gánh nghiệp báo của kẻ lâm chung.

Sau khi người ác chết, nếu muốn họ nhẹ gánh nữa, thì nên thiết lễ trai Tăng, tụng Kinh, để thân hồn họ nghe lời Phật mà cải hối, chớ dừng giết trâu mổ lợn cúng tế, khiến cho gánh nghiệp báo của họ đã nặng lại nặng thêm, chẳng khác người đi xa, hành lý nặng nề lại thêm tuyệt thực mà phải gánh thêm một ít vật nữa.

Những lễ trên đây, nói ra rất dễ hiểu dễ nhận. Nhưng phải là Địa Tạng Bồ tát mới nói rõ được, nghĩa là phải những người có Tâm sáng suốt (minh châu) và cương quyết giải thoát (kim tích) mới nói được. Do đây mà Kinh đặt vào miệng Bồ tát Địa Tạng, tượng trưng cho tâm ấy, những lời vừa tóm tắt lại.

Phần thứ hai là câu chuyện đối đáp giữa Trưởng giả Đại Biện và Bồ tát Địa Tạng.

Đại biện là biện luận rộng ra thêm thông nghĩa lý. Và điểm đem ra biện luận ở đây là: Vì người chết mà tu các công đức, người chết sẽ được lợi ích gì và có được giải thoát không?

Sau đây là lời đáp:

Người ác lúc sắp mạng chung mà nghe được danh hiệu của Phật, của Bồ tát, thì được giải thoát.

Chết rồi mà thân nhân làm việc phúc đức thì người chết cũng hưởng nhưng trong 7 phần có một, còn 6 phần về người sống. Ở đây, phải chǎng ý Phật muốn dạy

khéo người sống nên lo tu bồi công đức, vì nếu đợi đến chết mới hưởng công đức của thân nhân, thì chẳng có bao nhiêu.

Tuy trong 7 phần hưởng được có 1, sự hưởng thọ này còn tùy tâm chí thành chỉ khẩn của quyến thuộc.

Vì người chết mà làm việc phúc đức, người chết hưởng mà kẻ sống cũng hưởng, cho nên gọi là lợi ích tồn vong.



PHẨM VIII

DIÊM LA VƯƠNG CHÚNG TÁN THÂN

Lúc bấy giờ, trong núi Thiết vi, có vô lượng vua quỷ và vua Diêm La đồng lên cung trời Đao Lợi, đến chỗ đức Phật ở. Các vua quỷ ấy tên là: Ác Độc Quỷ vương, Đa Ác Quỷ vương, Đại Tránh Quỷ vương, Bạch Hổ Quỷ vương, Huyết Hổ Quỷ vương, Xích Hổ Quỷ vương, Tán Ưống Quỷ vương, Phi Thân Quỷ vương, Điện Quang Quỷ vương, Lang Nha Quỷ vương, Đạm Thú Quỷ vương, Phụ Thạch Quỷ vương, Chủ Hao Quỷ vương, Chủ Họa Quỷ vương, Chủ Phước Quỷ vương, Chủ Thực Quỷ vương, Chủ Tài Quỷ vương, Chủ Sức Quỷ vương, Chủ Cầm Quỷ vương, Chủ Thú Quỷ vương, Chủ My Quỷ vương, Chủ Sản Quỷ vương, Chủ Mạng Quỷ vương, Chủ Tật Quỷ vương, Chủ Hiểm Quỷ vương, Tam Mục Quỷ vương, Tứ Mục Quỷ vương, Ngũ Mục Quỷ vương, Kỳ Lợi thất vương, Đại Kỳ Lợi thất vương, Kỳ Lợi xoa vương, Đại Kỳ Lợi xoa vương, A Na Tra vương, Đại A Na Tra vương.

Những đại Quỷ vương như trên, mỗi mỗi cùng trăm ngàn tiểu Quỷ vương, hết thấy đều ở cõi Diêm phù đề,

mỗi mỗi đều có “sở chấp”, “sở trụ”. Các Quỷ vương ấy cùng vua Diêm La, nương oai thần của Phật và sức mạnh của Bồ tát Địa Tạng, đồng đến cung trời Đao Lợi đứng qua một bên.

Lúc ấy, vua Diêm La, quì gối chấp tay, bạch Phật nói rằng:

- Thế Tôn! Tôi hôm nay, cùng các vua quỷ, nhờ oai thần của Phật và sức mạnh của Bồ tát Địa Tạng, mới đến được cung trời Đao Lợi này, và cũng vì chúng tôi đã gặt được lợi lành vậy. Tôi hôm nay có điều nghi ngờ, dám hỏi Thế Tôn từ bi giải nói cho chúng tôi nghe.

Phật nói với vua Diêm la:

- Ông hãy nói đi, tôi sẽ vì ông mà nói.

Lúc bấy giờ, vua Diêm la chiêm ngưỡng lễ bái đức Thế Tôn, cùng quay lại ngó Bồ tát Địa Tạng, rồi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, tôi xét thấy Bồ tát Địa Tạng, tại sáu đường luân hồi, dùng trăm ngàn phương tiện cứu độ chúng sanh tội khổ, không từ mỗi một. Thật Địa Tạng Bồ tát có những thần thông không thể nghĩ bàn vậy. Thế mà các chúng sanh thoát khỏi tội báo không bao lâu, lại sa vào nẻo ác. Bạch Thế Tôn, Bồ tát Địa Tạng có thần lực cứu độ không thể nghĩ bàn như thế, tại sao chúng sanh không dừng bước ở yên trên đường lành,

vĩnh viễn nắm lấy sự giải thoát? Cúi xin Thế Tôn giải nói cho tôi nghe.

Phật bảo vua Diêm la:

- Chúng sanh cõi Nam Diêm Phù Đề, cứng đầu cứng cổ, khó dạy khó sửa. Trong trăm ngàn kiếp, Bồ tát Địa Tạng hằng lo cứu khổ tội khổ cho những chúng sanh ấy để chúng sớm được giải thoát. Thậm chí những kẻ vì tội báo sa vào nẻo ác lớn, Bồ tát cũng dùng sức phương tiện, nhổ tận gốc rễ nghiệp duyên, khiến chúng tỉnh thức mà biết những việc của các đời trước. Chính vì chúng sanh Diêm Phù thối ác kết hợp nặng nề cho nên mới có việc hết ra rồi lại vào, ra vào quay mòng, làm cho Bồ tát phải mệt lo, trải qua nhiều kiếp, mới độ thoát được. Thí dụ như có người lầm đường về nhà, đi vào một con đường nguy hiểm, nơi ấy có nào quỷ dạ xoa, nào cọp, sói, sư tử, rắn rít, bọ cạp. Trong con đường nguy hiểm ấy, người lạc đường kia không bao lâu ắt sẽ ngộ độc. Có một người hiểu biết nhiều pháp thuật lạ, có thể trừ quỷ giải độc, chợt gặp người lầm đường trong lúc người này muốn sấn bước vào nẻo hiểm. Ông ta bèn kêu nói: “Bác kia ơi! Làm gì mà đi vào đường ấy? Bác có phép thuật nào trừ được các thứ độc mà lại dám đi vào đó?”

Người lầm đường, bỗng nghe lời hỏi, mới hay là mình sắp đi vào con đường nguy hiểm, bèn lập tức lui bước để ra khỏi chốn ấy. Khách sáng biết liền nắm tay

người lầm đường dẫn ra khỏi nơi nguy hiểm để khỏi bị hại, thậm chí còn đưa đến đường tốt để được bình an, vui sướng, và nói rằng: “Này ông bạn mê muội ơi! Từ nay về sau, đừng đi trên con đường ấy nữa nhé! Đi vào đấy thì khó mà ra khỏi, lại còn tổn thất tánh mạng nữa”. Người lầm đường nghe dặn, lòng hết sức cảm động. Lúc từ giã nhau, khách sáng biết lại dặn: “Có thấy người quen biết, thân quyến cùng kẻ đi đường, bất luận nam nữ, anh nên báo cho họ biết rằng trong đường ấy có nhiều ác độc, có thể làm mất tánh mạng, để họ khỏi tự chuốt cái chết”.

Bởi Bồ tát Địa Tạng đầy đức đại từ bi, cho nên Bồ tát cứu nhỏ tội khổ cho chúng sanh, mong cho chúng sanh được sanh về cõi Nhân, Thiên, hưởng sự sung sướng huyền diệu. Chúng sanh nào biết rằng đi trên con đường ác nghiệp là khổ, thì khi thoát khỏi nẻo ấy, vĩnh viễn không trở lại. Cũng như kẻ lầm đường, vào nơi nguy hiểm, gặp người sáng biết, dắt dẫn ra khỏi, vĩnh viễn không vào trở lại, rồi khi gặp người khác, lại khuyên người chớ bèn mảng nơi ấy. Tự nhiên mà lìa cái nguyên nhân mê muội lạc đường, rồi không còn trở lại nữa. Nếu còn trở lại đi trên con đường ấy là còn mê lầm, chẳng thức tỉnh việc đã qua, quên mất con đường hiểm đã phải sa vào hoặc cái nạn gần mất tánh mạng. Những chúng sanh đã rơi vào nẻo ác, nếu đã được sanh về cõi Nhân Thiên mà còn trở lại đường ác, nghiệp

chương nặng nề, thì phải ở địa ngục mãi không lúc nào ra khỏi.

Lúc bấy giờ, vua quỷ Ác Độc, chấp tay cung kính bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, chúng tôi, vua quỷ, đông không thể biết số, tại cõi Diêm phù, hoặc làm lợi ích, hoặc làm tổn hại loài người, không việc làm của quỷ vương nào giống quỷ vương nào. Nhưng vì nghiệp báo sai sử cho nên dòng họ tôi mới đi khắp thế giới nhiều dữ ít lành. Đi qua sân nhà người, hoặc thành, ấp, xóm làng, trại vườn, ruộng, nhà, gặp đàn ông, đàn bà nào làm được một việc lành bằng đường tơ kẽ tóc, cho đến treo một lá phan, một bảo cái, dâng một cây hương con, dùng một đóa hoa nhỏ cúng dường tượng Phật và Bồ tát, hoặc đọc tụng Kinh quý, đốt hương cúng dường một bài kệ, chúng vua quỷ chúng tôi kính lễ những người ấy như kính lễ chư Phật trong ba đời hiện tại, vị lai và quá khứ. Chúng tôi còn ra lệnh cho các quỷ nhỏ, mỗi quỷ đều có sức mạnh lớn, cùng các thần thổ địa che chở cho những người ấy, chẳng cho việc dữ, tai nạn, bệnh ngặt, bệnh thình lình và những việc không vừa ý đến gần nhà họ ở, đừng nói là vào cửa.

Phật khen vua quỷ:

- Hay lắm! Hay lắm! Chúng người và các vua Diêm La mà năng ủng hộ những trai lành, gái lành như

vậy thì ta sẽ ra lệnh cho Phạm vương, Đế Thích che chở các người.

Lúc Phật nói mấy lời này, trong hội có một vua quỷ tên là Chủ mạng (chủ mạng sống) bạch Phật rằng:

- Thế Tôn, nghiệp duyên căn bản của tôi là làm chủ mạng sống của loài người ở cõi Diêm Phù Đề, giờ sinh, giờ chết của loài người đều do tôi định đoạt. Ai theo đúng lời nguyện căn bản của tôi thì được lợi ích lớn. Nhưng tại vì chúng sanh không thâm hiểu được ý tôi cho nên tự làm cho lúc sinh cũng như khi chết đều không được an. Tại sao thế? Người cõi Diêm Phù này, lúc mới sanh ra, bắt luận trai gái, hoặc lúc sắp sanh, chỉ nên làm việc lành để thêm sự lợi ích cho nhà cửa và khiến cho thổ địa vui mừng khôn xiết, ủng hộ cả mẹ lẫn con được nhiều an vui và làm lợi ích cho bà con. Hoặc khi sanh con rồi, chớ nên sát hại (thú vật) để lấy phần ngon tươi cung cấp cho người mẹ, cũng chớ nên mời bà con đông đảo, rượu thịt khoản đãi, đờn ca xướng hát mà làm cho mẹ con chẳngặng an vui. Tại sao vậy? Vì lúc sanh sản khó khăn, có vô số quỷ ác và ma quỷ chực ăn huyết đỏ. Do đây tôi mới sớm ra lệnh cho các thần trong nhà, trong cuộc đất, bảo hộ người mẹ và đứa trẻ mới sanh cho được an vui và lợi ích. Những người ấy, được an vui như thế, thì nên làm phước làm lành đáp ơn thổ địa. Trái lại, nếu sát hại thú vật, tụ hội bà con chèn chèn

thì đó là tự mình gây tội lỗi phải tự chịu tai ương, mẹ con đứa trẻ sơ sanh phải có điều tổn hại.

Lại nữa, đối với người cõi Diêm Phù bất luận hiền dữ, hễ họ đến lúc sắp chết, tôi đều muốn cho họ, sau khi chết rồi, không sa vào nẻo ác. Nếu là người đã tự tu căn lành, thì sức cứu độ của tôi được tăng thêm biết bao.

Dầu là người làm lành của cõi Diêm Phù ĐỀ, đến giờ mạng chung, còn có trăm ngàn quỷ thần của nẻo ác, hoặc biến làm cha mẹ, hoặc biến làm bà con, dắt dẫn vong linh người chết vào nơi nẻo ác. Người lành mà còn bị dắt dẫn như thế hà huống người lúc sống vốn quen làm ác.

Bạch Thế Tôn, kẻ nam người nữ cõi Diêm Phù ĐỀ, khi giờ chết sắp đến, thần thức mê muội, chẳng phân biệt được thiện ác, còn mắt tai thì không còn nghe thấy nữa. Bà con lúc ấy nên thiết lễ cúng dường lớn lao, đọc tụng Kinh báu, niệm danh hiệu chư Phật, Bồ tát. Tạo được thiện duyên này thì làm cho vong linh xa lìa ác đạo được, các ma, quỷ, thần, đều phải thoái lui và giải tán.

Bạch Thế Tôn, tất cả chúng sanh, nếu lúc sắp chết mà nghe được một danh hiệu Phật, một danh hiệu Bồ tát, hoặc nghe được một câu, một kệ của Kinh điển Đại thừa, thì theo chỗ tôi xét thấy, ngoại trừ 5 tội trọng, đều được giải thoát các ác nghiệp nhỏ mà lẽ ra phải làm cho họ sa đọa vào ác đạo.

Phật bảo Quỷ vương Chủ Mạng:

- Người có lòng từ lớn lắm mới phát được nguyện to như thế, là trong chỗ sanh tử, ủng hộ tất cả chúng sanh. Vậy trong đời vị lai, người chớ nên thoái bước trong hạnh nguyện ấy, để cho chúng sanh, đến giờ sanh cũng như đến giờ chết, đều được giải thoát và an vui mãi mãi.

Chủ Mạng Quỷ vương bạch Phật:

- Xin Thế Tôn chớ lo, cho đến hết thân này, tôi luôn luôn ủng hộ chúng sanh cõi Diêm Phù Đề, khiến cho họ, lúc sống, lúc chết đều được an vui. Chỉ nguyện có một điều, là lúc sống, lúc chết, chúng sanh tin giữ lời tôi, thì không bao giờ mà chẳng đặng giải thoát và thâu lượm nhiều sự lợi ích”.

Lúc bấy giờ Phật bảo Bồ tát Địa Tạng:

- Quỷ vương này là người làm chủ mạng sống; ông ta từng trải qua trăm ngàn đời làm Đại Quỷ vương để ủng hộ chúng sanh trong lúc sống cũng như trong lúc chết. Thật ra đó là một vị Bồ tát, vì lời nguyện Từ bi, hiện thân Đại quỷ để ủng hộ chúng sanh, chớ không phải quỷ vậy. Về sau, quá một trăm bảy chục kiếp, Bồ tát ấy sẽ thành Phật, hiệu là Vô Tướng Như Lai, kiếp tên An Lạc, thế giới gọi là Tịnh Trụ. Phật Vô Tướng sống lâu không biết bao nhiêu kiếp mà kể. Nay Bồ tát Địa Tạng, sự tích của Đại Quỷ vương là như vậy, không

làm sao nghĩ bàn cho được. Những hàng Trời, Người được Quỷ vương độ đông cũng không biết bao nhiêu mà nói.

Mật nghĩa:

“Diêm La vương chúng tán thán” nghĩa là: Các vua cõi Diêm La (âm phủ) khen ngợi. Khen ngợi ai, khen ngợi điều gì? Khen ngợi người làm lành, người biết cúng dường Phật bảo, Pháp bảo.

Những Quỷ vương (vua quỷ) nói trong phần đầu phẩm thứ tám, không phải những ma quỷ tin tưởng ở thế gian, mà là những tư tưởng, ý niệm của chúng ta, hay nói cho đúng là của những chúng sanh sống trong đen tối của ngu dốt đạo lý (vô minh) mà Kinh ví như địa ngục trong núi Thiết Vi. Toàn những tư tưởng, ý niệm của một người hợp thành tâm của người ấy. Tâm ai ác độc là người ấy có Ác độc Quỷ vương, tâm ai có nhiều ác là Đa ác Quỷ vương, tâm ai hay tranh chấp là có Đại tránh Quỷ vương, tâm ai muốn ăn tươi nuốt sống kẻ nghịch kẻ thù của mình, là có Bạch hổ, có Huyết hổ Quỷ vương. Tâm ai ưa xâu xé, là có Lang nha Quỷ vương (Quỷ vương có răng của chó sói); tâm ai chỉ nghĩ đến việc ăn uống, là có Chủ thực Quỷ vương; tâm ai chỉ hướng về chỗ tiền bạc, là có Chủ tài Quỷ vương; tâm ai hay thèm, hay tìm ngó, là có con quỷ ba mắt, bốn mắt trong lòng (Tam mục, Tứ mục Quỷ vương)...

Quỉ thì phải ở địa ngục; tư tưởng ác xấu phải ở trong vô minh, trong địa ngục vô minh. Cớ sao quỉ lại lên cõi trời Đao Lợi là nơi dành cho bậc lành sạch được?

Kinh dạy: Lên được là nhờ oai thần của Phật và sức mạnh của Bồ tát Địa Tạng.

Phật là Giác, vậy nhờ oai thần của Phật là nhờ sự Giác ngộ. Địa Tạng, tượng trưng cho Tâm, vậy nhờ sức mạnh của Địa Tạng, là nhờ sức cương quyết giải thoát và sự sáng suốt của Tâm.

Vậy nghĩa kín của đoạn Kinh này là: Nhờ sự cương quyết giải thoát của tự tâm mỗi người (Địa Tạng Bồ tát lực) và sự Giác ngộ, những “tư tưởng ác độc vì ngu muội” có thể đặng thiện, nghĩa là trở nên lành, và người có những tư tưởng ấy có thể góp mặt với đám người thuần thiện.

Nhưng tâm ai không có những cơn ăn năn hối ngộ, cớ sao vừa ăn năn lỗi mình đó, rồi lại phạm tội nữa? Đó là nghĩa ẩn của câu hỏi: “Tai sao Bồ tát Địa Tạng hết sức cứu độ chúng sanh, mà chúng sanh, một khi đã được giải thoát tội lỗi, không chịu đứng yên trong đường lành, mà lại trở vào nẻo dữ?”

Phật giải: Ấy tại vì chúng sanh cứng đầu cứng cổ, khó dạy, khó bảo. Và sở dĩ chúng sanh cứng đầu cứng cổ là vì đã nhiều đời nhiều kiếp kết nối nhiều tập quán

làm ác làm sai. Bởi lẽ này, Bồ tát Địa Tạng phải dày công hóa độ nhiều kiếp mới giải thoát được. Nghĩa là chúng sanh phải tự mình cương quyết giải thoát và tu hành nhiều đời nhiều kiếp mới có kết quả.

Trong thí dụ người lạc đường, người này tiêu biểu cho chúng sanh lạc lối, lẽ phải đi trên con đường êm đẹp của thiện nghiệp lại lầm vào nẻo ác, có nhiều độc hại. Gặp hàng tri thức (người biết đạo lý, sáng suốt, hoặc thầy, hoặc bạn, hoặc kinh, hoặc sách) chỉ cho thấy những độc hại ấy thì nên theo sự dìu dắt sáng suốt của tri thức mà ra khỏi mê đồ, đừng tái nhập mà bị hại. Chẳng những thế, một khi ra khỏi chỗ nguy, nên ngăn bảo những người khác, quen biết cũng như không quen biết, đừng để họ lầm lẫn như mình trước kia.

Ra khỏi đường nguy mà còn trở lại rồi tội nào nghiệp nấy, vô minh thêm sâu dày thì khó mà ra khỏi sự hắc ám này.

Nhưng tư tưởng, ý niệm của chúng ta đâu có cố định là thiện hay là ác. Tùy ta mà những quỉ làm hại sẽ trở thành những quỉ ủng hộ. Nói một cách khác, tùy ta mà những tư tưởng, ý niệm của chúng ta, trước dữ độc, sau trở nên hiền lành, không chiêu họa mà gọi sự phước đức đến với ta. Tùy ở chỗ chúng ta quày về với cái Thiện, với đạo đức: chỉ làm được một việc lành bằng sợi tơ sợi tóc, chỉ biết đốt một cây hương nhỏ, chỉ biết cúng Phật một đóa hoa con, cũng đủ rồi. Nhưng đó mới là

kính trọng Phật bảo. Còn phải biết kính trọng Pháp bảo, là đọc tụng và kính trọng Kinh điển là lời Phật dạy, để biết, để hiểu mà theo đó tu hành ăn năn sửa lỗi.

Lại nữa, người đời ai không muốn “sinh thuận tử an”. Muốn được như lòng, thì đừng làm việc ác độc, giết gà mổ lợn ăn mừng ngày sanh, vì làm như thế là tạo nghiệp ác cho đưa trẻ mới sanh. Khi chết, cũng đừng vật trâu ngựa bò cúng tế mà làm nặng gánh kẻ ra đi mà nên tụng kinh niệm Phật cho vong linh thức tỉnh mà xa lìa nẻo ác.

PHẨM IX
XUNG PHẬT DANH HIỆU

Lúc bấy giờ, Bồ tát Địa Tạng bạch Phật nói rằng:

- Bạch Thế Tôn, tôi nay xin vì chúng sanh trong đời vị lai, nói về sự lợi ích của sự xưng danh hiệu Phật, để trong chỗ sanh, tử, họ được lợi ích lớn. Cúi xin Thế Tôn nghe lời tôi nói.

Phật bảo Bồ tát Địa Tạng:

- Ông nay muốn dấy từ bi cứu bạt tất cả chúng sanh tội khổ trong sáu đường mà nói sự khó nghĩ bàn, thì bây giờ đây chính là lúc nên nói. Vậy hãy nói mau đi, vì Ta sắp vào Niết bàn, để cho ông sớm tròn nguyện của ông, còn ta cũng khỏi lo âu cho tất cả chúng sanh trong hiện tại và vị lai.

Bồ tát Địa Tạng bạch Phật nói rằng:

- Bạch Thế Tôn, trong quá khứ cách nay vô lượng vô số kiếp, có một đức Phật ra đời, hiệu là Vô Biên Thân Như Lai. Nếu có kẻ nam, người nữ nào, nghe danh Phật, tạm sanh lòng cung kính, thì liền được thoát khỏi tội nặng của bốn mươi kiếp sanh tử, hà hưởng đấng, vẽ

hình tượng Phật rồi cúng dường, khen ngợi, thì phúc đức thu lượm được vô lượng vô biên.

Lại nữa, trong thời xưa cách nay một số kiếp nhiều như cát sông Hằng, có một đức Phật ra đời, hiệu là Bảo Thắng Như Lai. Nếu có kẻ nam người nữ nào nghe danh hiệu của đức Phật này và trong khoảnh khắc phát tâm quy y, thì người ấy, trên đường Vô thượng giác, vĩnh viễn không hề lui bước.

Lại nữa, trong thời xưa, có một đức Phật xuất thế, hiệu là Ba Đầu Ma Thắng Như Lai. Nếu có kẻ nam người nữ nào được danh hiệu của Phật lọt vào tai, thì người ấy sẽ được sanh trở về cõi trời Lục Dục một ngàn lần, hà huống hết lòng xưng niệm.

Lại nữa, trong thời xa xưa không thể nói là cách nay bao nhiêu vô lượng kiếp, có một đức Phật xuất thế, hiệu là Sư Tử Hống Như Lai. Nếu có kẻ nam người nữ nào nghe danh Phật rồi một lòng quy y, thì người ấy gặp được vô lượng chư Phật xoa đầu thọ ký.

Lại nữa, trong thời quá khứ, có một đức Phật xuất thế, hiệu là Câu Lưu Tôn. Nếu có kẻ nam người nữ nào nghe danh Phật, hết lòng chiêm ngưỡng và lễ bái hoặc tán thán (khen ngợi) thì người ấy trong Kiếp Hiền ngàn Phật ra đời được làm Phạm vương và được thọ ký quả Phật.

Lại nữa, trong thời quá khứ, có đức Phật xuất thế, hiệu là Tỳ Bà Thi. Nếu có kẻ nam người nữ nào nghe danh Phật thì vĩnh viễn không rơi vào ác đạo mà thường sanh về cõi Người, cõi Trời, hưởng sự khoái lạc huyền diệu và tốt đẹp hơn hết.

Lại nữa, trong thời quá khứ, cách nay vô lượng vô số kiếp nhiều như cát sông Hằng, có một đức Phật ra đời, hiệu là Đa Bảo Như Lai. Nếu có kẻ nam người nữ nào nghe danh Phật, thì cuối cùng không đọa vào nẻo ác, thường ở cõi Trời hưởng sự vui sướng nhiệm mầu hơn hết.

Lại nữa, trong thời quá khứ, có một đức Phật ra đời, hiệu là Bảo Tướng Như Lai. Nếu có kẻ nam người nữ nào nghe được danh Phật, sanh lòng cung kính, thì người ấy không bao lâu được quả A La Hán.

Lại nữa, trong thời xa xưa, cách nay vô lượng kiếp, có một đức Phật ra đời, hiệu là Ca Sa Tràng Như Lai. Nếu có kẻ nam người nữ nào nghe danh Phật, thì thoát khỏi tội lỗi của một trăm đại kiếp sanh tử.

Lại nữa, trong thời quá khứ, có một đức Phật ra đời, hiệu là Đại Thông Sơn Vương Như Lai. Nếu có kẻ nam người nữ nào nghe danh Phật, thì người đó gặp chư Phật nhiều như cát sông Hằng vì họ mà rộng nói Pháp, nhờ đó mà người ấy thành quả Bồ đề (trở thành giác ngộ).

Lại nữa, trong thời quá khứ, có Phật Tinh Nguyệt, Phật Sơn Vương, Phật Trí Thắng, Phật Tịnh Danh Vương, Phật Trí Thành Tự, Phật Vô Thượng, Phật Diệu Thanh, Phật Mãn Nguyệt, Phật Nguyệt Diện v.v... nhiều Phật như vậy không thể kể xiết. Tất cả chúng sanh trong hiện tại, vị lai, hoặc Trời, hoặc người, hoặc nam, hoặc nữ, nếu chỉ niệm được danh hiệu của một Phật, thì được công đức vô lượng, hà huống niệm nhiều danh Phật. Những chúng sanh ấy, lúc sanh, lúc chết, tự được lợi ích lớn, rốt cuộc chẳng đọa vào nẻo ác.

Nếu đến lúc gần chết mà trong nhà quyền thuộc, dầu là một người thôi, vì người bệnh hấp hối, lớn tiếng niệm một danh hiệu Phật, thì người sắp chết trừ được tội lớn Ngũ vô gián, còn dư bao nhiêu nghiệp báo khác cũng được tiêu diệt. Năm tội lớn Vô gián ấy, tuy hết sức là nặng nề, dầu trải ức kiếp vẫn không ra khỏi, sẽ lần hồi tiêu diệt, nhờ lúc sắp chết có người niệm danh hiệu Phật. Gần chết, nhờ người niệm Phật mà còn được đại lợi như thế, hà huống tự mình xưng danh Phật, tự mình nhớ nghĩ đến Phật, trong trường hợp này thì được vô lượng phúc đức, diệt trừ vô lượng tội khổ.

Địa Tạng bốn hạnh

Thệ nguyện hoằng thâm

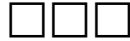
Minh châu, Tích trượng độ chúng sanh

Địa ngục khổ vô cùng

Tinh tấn kiên thành

Miễn đọa khổ trầm luân

Nam mô Thường trú thập phương Pháp



Hạnh riêng của Địa Tạng

Là lời thệ nguyện rộng sâu

Gậy vàng ngọc sáng, độ chúng sanh

Khổ ở địa ngục không cùng

Vậy nên tinh tấn, kiên thành

Để khỏi đọa vào biển khổ nổi chìm

Nam mô Thường trú Thập phương Pháp

Mật nghĩa:

Tên của phẩm thứ chín là: Xưng Phật danh hiệu.
Nghĩa: Xưng tên của chư Phật.

Tất cả chư Phật nói trong Kinh đều thuộc về thời xưa và cách nay không biết bao nhiêu triệu ức năm mà nói. Vậy nên hiểu là không phải những Phật có lịch sử, mà toàn là những danh hiệu tượng trưng.

Ai nghe danh hiệu của Phật là người ấy đã biết có cái Vô biên, tức là cái Tuyệt đối hay Đạo. Biết Đạo rồi thì phải nghĩ đến cái quý của Đạo, một cái quý mà không

bảo vật nào ở thế gian bằng. Đó là nghĩa của Bảo Thắng. Ba đầu ma là phiên âm của Phạm ngữ Padma, nghĩa là hoa sen đỏ. Nhớ Đạo, quý Đạo, tất phải giữ giới và được thanh tịnh, tiêu biểu bởi hoa sen. Làm được người thanh tịnh rồi, thì trong hàng chúng sanh, đó là một sư tử, với nghĩa là có sức mạnh tinh thần hơn người. Rồi theo gương các Phật xưa (Câu Lưu Tôn, Tỳ Bà Thi) mà tu thiện nghiệp, sẽ được nhiều đức tánh (Đa Bảo). Tâm thanh tịnh lại thêm nhiều đức hạnh, thân tướng sẽ đổi, con người tu hành trong giai đoạn này sẽ “phát tướng” (Bảo Tướng), kể đó xuất gia, khoác áo ca sa (Ca sa Tràng).

Với sức tiến tu, trí huệ khai mở (Đại Thông Sơn Vương) và lần lượt mà được tâm yên tịnh như vầng nguyệt sáng, tâm an định (Sơn vương), trí huệ hơn người (Trí thắng), không còn bị danh tướng mê hoặc (Tịnh Danh), trí huệ giúp cho thành tựu quả giác ngộ giải thoát (Trí Thành Tựu), đạt đến sự Giác ngộ vô thượng, nghe được tiếng huyền diệu của chân Tâm (Diệu Thanh) và rốt hết đến chỗ hoàn toàn (la Perfection) mà Kinh tượng trưng bằng Mãn Nguyệt, Diện nguyệt: Mặt trăng đầy, Mặt trăng tròn. Đầy và tròn là hoàn toàn vậy.

Ý Kinh ở đây dạy chúng sanh phải bỏ những nhớ nghĩ của thế gian mà nhớ nghĩ đến Đạo và những hạnh cần phải tu tập để đạt đến sự Giác ngộ, Thanh tịnh và Giải thoát hoàn toàn.



QUYỂN HẠ



PHẨM X

HIỆN LƯỢNG BỐ THÍ CÔNG ĐỨC DUYÊN

Lúc bảy giờ, Đại Bồ tát Địa Tạng, vâng theo oai thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, quì gối chấp tay, bạch Phật nói rằng:

- Thế Tôn, trong đường nghiệp của chúng sanh, tôi thấy hiệu lực và trọng lượng của việc bố thí có nhẹ, có nặng: có sự bố thí làm cho một đời hưởng phước, có sự bố thí khác làm cho mười đời hưởng phước, hoặc trăm đời, ngàn đời hưởng những phước đức và lợi lạc lớn lao. Tại sao có sự sai khác như vậy? Cúi xin Thế Tôn vì tôi nói cho nghe.

Lúc bấy giờ, Phật bảo Bồ tát Địa Tạng:

- Ta nay, nơi cung trời Đao Lợi có tất cả hội họp, nói về sự nặng nhẹ công đức bố thí. Người hãy nghe kỹ, ta vì người mà nói.

Địa Tạng bạch nói:

- Vì tôi có chỗ nghĩ về điều này, nên nguyện vui nghe lời Phật dạy.

Phật bảo Bồ tát Địa Tạng:

- Ở Nam Diêm Phù Đề, những bậc vua chúa, tể tướng đại thần, đại trưởng giả, đại Sát Lợi, đại Bà La Môn, nếu gặp những người hết sức nghèo khổ bần cùng, đến những người ốm yếu, tàn tật, câm ngọng, điếc, ngu si, đui mù tất cả những kẻ không lành lẽ như vậy thì trong lúc muốn bố thí, nếu được đầy đủ từ bi, đoái xuống mỉm cười, tự mình đứng ra cho khắp cả mọi người, hoặc sai người khác đứng cho mà tự mình dùng những lời êm ái mà an ủi, những bậc vua chúa giàu sang ấy được phần phước lợi tương đương với công đức

bố thí cho chư Phật nhiều như cát một trăm sông Hằng. Cớ sao vậy? Bởi vì những bậc vua chúa giàu sang ấy, đối với hạng người nghèo thấp và tàn tật thiếu tai, thiếu mắt... đã phát tâm từ bi (thương xót) lớn. Vì lẽ này mà có sự báo ứng về phước lợi như thế. Trong trăm ngàn đời (về sau) họ thường được đầy đủ bảy báu, hưởng chỉ là quần áo thức ăn món uống và vật dụng.

Lại nữa, này Địa Tạng, nếu đời sau, những bậc vua chúa, tể tướng... Bà La Môn nào mà gặp chùa tháp Phật, hoặc hình tượng Phật, cho đến hình tượng của chư Bồ tát, Thanh văn, Bích chi Phật mà biết tự mình lo toan sửa soạn, cúng dường, bố thí, thì những bậc sang giàu ấy sẽ được ba kiếp làm Đế Thích trên trời, hưởng sự vui sướng nhiệm mầu. Nếu những bậc giàu ấy biết đem những phước lợi bố thí mà hồi hướng cho chúng sanh trong pháp giới, thì trong mười kiếp được làm Đại Phạm Thiên Vương.

Lại nữa, này Địa Tạng, nếu trong đời sau, có những bậc vua chúa... Bà La Môn nào mà gặp chùa tháp xưa của Phật dẫn đến Kinh, tượng Phật trong tình trạng hư nát, bể sập mà biết phát tâm tu bổ hoặc tự mình lo liệu, hoặc khuyến khích người khác lo liệu, chí trăm ngàn người kết duyên làm việc bố thí, thì những Quốc vương... Bà La Môn ấy, trong trăm ngàn đời, thường được làm Chuyển luân vương. Còn những người cùng bố thí với các bậc giàu sang đó, thì trong trăm

ngàn đời, thường làm vua các nước nhỏ. Lại nếu trước những chùa tháp tu bổ mà biết phát tâm hồi hướng công đức (cho pháp giới chúng sanh) thì những bậc vua chúa... Bà La Môn và những người cùng làm việc bố thí, tất cả đều đặng thành Phật hết, bởi quả báo ấy rộng lớn không lường, không ranh giới.

Lại nữa, này Địa Tạng, trong đời vị lai, nếu có bậc vua chúa cùng Bà La Môn nào thấy người già cả, đau ốm cùng kẻ phụ nữ sanh đẻ mà biết phát đại từ tâm trong khoảnh khắc, đem thuốc men, cơm nước, mền chiếu, bố thí cho những người thiếu thốn kia được an vui, thì họ hưởng được nhiều phước lợi không thể nghĩ bàn: trong một trăm kiếp, thường làm Tịnh cư Thiên chủ; trong hai trăm kiếp, thường làm Lục dục Thiên chủ; chung cuộc thành Phật, vĩnh viễn không rơi vào ác đạo, thậm chí trong trăm ngàn đời, tai không nghe tiếng khổ.

Lại nữa, này Địa Tạng, nếu trong đời sau, có bậc vua chúa cùng Bà La Môn nào mà làm được việc bố thí như vừa nói, thì những bậc sang giàu ấy thu lượm được nhiều phước đức vô lượng. Nếu lại biết hồi hướng những phước đức ấy, bất luận nhiều ít, thì chung cuộc sẽ thành Phật, đừng nói là quả báo làm Đế Thích, Phạm Thiên hay Chuyển luân vương.

Bởi các lẽ trên, này Địa Tạng, nên rộng khuyên người học bố thí như thế.

Lại nữa, này Địa Tạng, trong đời vị lai, nếu có trai lành gái tín, ở trong Phật Pháp, gieo những căn lành nhỏ nhít như cọng lông, sợi tóc, hạt cát, hạt bụi, thì phước lợi lãnh được không thể lấy gì mà thí dụ được.

Lại nữa, này Địa Tạng, trong đời vị lai, nếu có trai lành gái tín nào mà gặp kinh điển Đại thừa, hoặc lóng nghe được một kệ một câu rồi ân cần phát tâm ca ngợi, cung kính, bố thí, cúng dường, thì những người ấy thu lượm được nhiều quả báo lớn vô lượng, vô biên. Nếu biết hồi hướng cho chúng sanh trong pháp giới thì phước đức không thể lấy gì thí dụ được.

Lại nữa, này Địa Tạng, nếu trong đời vị lai, có trai lành gái tín nào gặp chùa tháp của Phật, kinh điển Đại thừa mà biết bố thí, cúng dường, chiêm lễ, ca ngợi, chấp tay cung kính, nếu chùa tháp, kinh điển còn mới; hoặc tu bổ, sửa chữa, do tự sức mình hoặc khuyến khích nhiều người cùng phát tâm với mình, thì những trai lành gái tín ấy trong ba mươi đời, thường làm vua các nước nhỏ, còn chính người “đàn việt” (chủ xưởng việc bố thí) thường làm vua đại quốc, lại đem pháp lành giáo hóa các vua nước nhỏ.

Lại nữa, này Địa Tạng, trong đời vị lai, nếu có trai lành gái tín nào mà biết đứng trong Phật Pháp gieo những căn lành, như bố thí cúng dường, tu bổ chùa tháp, sửa sang kinh điển, dầu nhỏ nhít như một sợi lông, một hạt bụi, một hạt cát, một giọt nước, rồi lại đem những

việc lành ấy mà hồi hướng cho chúng sanh trong pháp giới, thì những người lập nên các công đức ấy sẽ hưởng được sự vui sướng nhiệm mầu trong trăm ngàn đời sống. Nếu chỉ hồi hướng cho quyến thuộc nhà mình, hoặc giữ để làm lợi ích cho tự thân, thì quả báo sẽ là ba đời vui sướng, làm một mà hưởng muôn vậy.

Này Địa Tạng, nhân duyên của sự bố thí là như vậy.

Mật nghĩa:

Phẩm này nói về hiệu lực và trọng lượng của sự bố thí, tức là chỉ cho chúng ta thấy phải bố thí như thế nào mới có kết quả tốt và nhiều.

Ai cũng có thể làm việc bố thí nghĩa là cho, như gặp đói cho ăn, gặp rách cho mặc, gặp đau cho thuốc..., nhưng thường có hai lối cho. Một là cho mà lòng kiêu hãnh, tay vớt đồng tiền bát gạo, như để rảnh một sự phiền phức. Một là vì lòng thật thương xót cho nên tay trao thân ái, miệng nói lời an ủi, khiến người nhận không hổ thẹn mà vui mừng. Kinh dạy phải cho theo lối thứ hai này: Người cho phải “cụ đại bi tâm, há tâm hàm tiểu, thân thủ biến bố thí, hoặc sử nhân thí, nhuỷên ngôn ủy dụ..”. Nghĩa là: trong lòng phải đầy đủ niềm thương xót, hạ thấp lòng mình, tức đừng xem mình cao người thấp, miệng nở nụ cười, tự tay trao tặng vật cho, hay dầu có sai người khác cho thế cho mình, tự mình phải có

những lời mềm dịu để an ủi người bần khổ. Vậy cái quý không ở vật cho ra, mà ở lối cho. Phải cho với lòng thương xót, phải tươi cười và biết trọng người thọ lãnh vật cho. Cho như thế mới có phước đức.

Bố thí như trên, gọi là tài thí, nghĩa là dùng tiền bạc, vật dụng mà cấp cho người khác.

Còn một lối bố thí khác nữa, gọi là pháp thí.

Pháp thí là xuất tiền của hỗ trợ cho Phật Pháp trường tồn, giữ gìn ánh sáng Chân lý để soi đường giác ngộ giải thoát cho mọi người, mọi chúng sanh. Bố thí về phương diện này gồm có việc xây dựng chùa dựng tháp, tô đắp hình tượng chư Phật, Bồ tát, Thanh văn, in Kinh ấn tống. Nếu gặp chùa tháp, hình tượng, kinh điển hư hoại thì xuất tiền tự tu bổ, sửa sang, in lại, hoặc không đủ sức thì hô hào cho nhiều người cùng phát tâm tu bổ với mình.

Nhưng bố thí như thế chưa đủ. Phải vừa biết tu bổ sửa sang chùa tháp hình tượng, kinh điển, phải vừa thêm cung kính, chiêm bái chùa tháp, hình tượng và tụng đọc kinh điển, dầu là một bài kệ, một câu văn tắt.

Trọng Phật mà không nghe Pháp thì chưa phải là đệ tử chân chính của Phật. Vì không nghe Pháp thì làm sao tu hành theo lời Phật dạy được? Mà không tu hành theo lời Phật thì sống mãi trong vô minh, không bao giờ giải thoát là mục tiêu của lời Phật dạy.

Lại nữa, muốn cho việc bố thí, dẫu tài thí, dẫu pháp thí, đem lại phước đức vô lượng, vô biên, điều kiện cần thiết là đừng sanh tâm tham lam tư riêng mà muốn giữ cho mình riêng hưởng. Trái lại, tạo được bao nhiêu công đức bố thí, đều nên phát tâm “hồi hướng” nghĩa là nhường cho toàn thể chúng sanh trong pháp giới. Có hồi hướng như thế, phước đức quả báo mới to. Tại sao? Tại lẽ không riêng giữ cho mình là mình đã diệt lòng tham và khi lòng tham đã diệt, sự giải thoát mới hoàn toàn.

Phước đức to là ở chỗ này.

PHẨM XI
ĐỊA THÂN HỘ PHÁP

Lúc bấy giờ, Thần đất Kiên Lao bạch Phật nói:

- Thế Tôn, tôi từ xưa đến nay, đã chiêm bái, đánh lễ không biết bao nhiêu Bồ tát, vị nào cũng là thần thông, trí tuệ, rộng độ chúng sanh, không thể nghĩ bàn được. Riêng Bồ tát Địa Tạng có lời thệ nguyện sâu nặng không Bồ tát nào bằng. Bạch Thế Tôn, Bồ tát Địa Tạng có nhân duyên lớn với cõi Diêm Phù Đề. Như các Bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc, tuy cũng hóa trăm ngàn thân hình để độ chúng sanh trong sáu nẻo, lời nguyện của các vị vẫn có chỗ chấm dứt. Còn trong chỗ giáo hóa chúng sanh sáu nẻo, Bồ tát Địa Tạng có phát lời nguyện lâu dài một số kiếp nhiều như cát của trăm ngàn ức sông Hằng.

Bạch Thế Tôn, tôi xét thấy chúng sanh nào, trong thời vị lai cùng hiện tại đây mà biết, tại chỗ mình ở, trên miếng đất trong sạch phía Nam, lấy đất, đá, trúc, gỗ xây dựng một gian nhà, trong thờ hình tượng Bồ tát Địa Tạng, hoặc đắp vẽ, hoặc đúc bằng vàng, bạc, đồng, sắt, đốt nhang cúng dường, chiêm lễ, tán thán, thì nơi chỗ người đó ở, có mười điều lợi ích. Mười điều ấy như thế nào?

- Một là đất đai màu mỡ,
- Hai là nhà cửa bình an,
- Ba là người chết về trời,
- Bốn là kẻ sống lợi ích,
- Năm là cầu gì được nấy,
- Sáu là khỏi họa nước lửa,
- Bảy là hư hao trừ sạch,
- Tám là dứt hết ác mộng,
- Chín là ra vào có chư Thần hộ vệ,
- Mười là thường gặp Thánh nhơn.

Bạch Thế Tôn, chúng sanh trong đời sau cùng trong hiện tại, nếu biết, ngay nơi chỗ mình ở, cúng dường Bồ tát Địa Tạng như đã nói, thì được sự lợi ích như trên”.

Thần Kiên Lao lại bạch Phật:

- Trong đời về sau, những trai lành gái tín nào mà nơi chỗ họ ở, có bộ Kinh này và hình tượng Bồ tát Địa Tạng, lại biết tụng Kinh và cúng dường Bồ tát, thì ngày đêm, tôi sẽ tự lấy thần lực của tôi mà che chở cho những người ấy, khiến cho họ khỏi nạn nước, lửa, cướp, giặc, nạn to, nạn nhỏ, nói tóm, tất cả việc không may đều tiêu diệt hết.

Phật bảo Thần Kiên Lao:

- Thần lực của người to lớn, không thần lực của thần nào sánh bằng. Tại sao vậy? Đất đai cỗi Diêm Phù Đề trồng cấy vào sự hộ vệ của người, thậm chí cỏ cây, cát đá, lúa mè, tre lau, gạo thóc, các thứ châu báu, từ đất mà có ra, đều do sức của người tất cả. Nay lại gánh lấy việc nêu cao sự lợi ích cúng dường Bồ tát Địa Tạng, thì công đức và thần thông của người trội hơn trăm ngàn lần công đức và thần thông của các thần tầm thường.

Này Thần Kiên Lao, nếu trong đời về sau có trai lành gái tín nào cúng dường Bồ tát Địa Tạng cùng chuyển đọc Kinh này, chỉ cứ một việc tu hành theo Kinh Địa Tạng Bồ Nguyện, thì người lấy thần lực vốn có mà ủng hộ những người đó, đừng để tất cả những tai hại cùng những việc không vừa lòng lọt vào tai, hà huống để cho họ gặp nạn. Chẳng phải một mình người ủng hộ những trai lành gái tín đó, mà còn có quyến thuộc của Phạm Thiên, Đế Thích, của chư Thiên ủng hộ họ nữa.

Tại sao được các Thánh Hiền ấy ủng hộ như vậy? Là vì do sự chiêm bái lễ kính hình tượng Địa Tạng Bồ tát và chuyển đọc Kinh Bồ tát Bồ Nguyện mà tự nhiên chung cuộc xa lìa biển khổ, chứng quả an lạc Niết bàn. Bởi lẽ này mà được sự ủng hộ lớn lao vậy.

Mật nghĩa:

Địa Thần là vị thần làm chủ cai quản mặt đất, như Hà thần là thần cai quản sông ngòi.

Hộ pháp là ủng hộ, bảo vệ Chánh Pháp.

Kiên Lao có nghĩa là vững bền lao nhọc.

Vậy Địa Thần Kiên Lao ở đây có nghĩa ẩn là: sức tu hành vững bền trì chí của những tâm hồn (địa) biết quay về phụng sự Chân tâm cúng dường Địa Tạng và thi hành lời Kinh dạy, chuyển đọc tôn Kinh.

Trong câu so sánh lời thệ nguyện của các Bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm, Di Lặc, với lời thệ nguyện của Địa Tạng, ý Kinh muốn nói: Phải có Trí huệ (Văn Thù), Hạnh nguyện (Phổ Hiền), Đại bi (Quán Âm) và Đại từ (Di Lặc) mới cứu độ chúng sanh, hay nói đúng hơn, chúng sanh muốn tự cứu độ phải có bốn đức vừa kể, tỷ như có bốn Bồ tát kể trên theo cứu vớt. Nhưng nếu thiếu Bồ tát Địa Tạng, tức thiếu sự cương quyết, thì dầu có Trí huệ, Đại hạnh, Đại bi, Đại từ, người tu hành khó mà giải thoát. Nói một cách khác: lòng cương quyết tu hành, không nệ gian lao là điều kiện tất yếu. Do đây Kinh nói: “Trong việc cứu độ chúng sanh có thệ nguyện của Bồ tát Địa Tạng là thâm trọng hơn cả” vì có cương quyết tu hành, nhiên hậu trí huệ đại hạnh, đại từ, đại bi mới phát sanh.

Muốn chí cương quyết thành tựu, phải vững bền trong chỗ lao nhọc. Đó là vị thần Kiên Lao.

Muốn cho trên mặt đất có cây có cỏ, có lúa có gạo, phải *kiên lao*, nghĩa là phải dày công cày cấy, tưới bón.

Muốn trên miếng đất của tâm (tâm địa) có những cây công đức cũng phải nhọc nhằn bền vững, *phải được thần Kiên Lao ủng hộ*, trong việc tin tưởng ở sức mạnh của tự tâm mình (Địa Tạng) và thực hành những lời dạy trong Kinh này. Bằng thiếu kiên lao, nay làm mai bỏ, thì kết quả sẽ như người làm ruộng làm vườn thiếu công vun tưới.

Thần Kiên Lao ở đây là Tinh Tấn Ba la mật trong Lục ba la mật vậy.

Lại nữa, hễ cố công tinh tấn trên đường tu hành thì tự bao nhiêu ác sự như tai nạn, đao binh, nước lửa, sẽ nhờ sức hộ vệ của chư Thiên, của Long thần Hộ pháp mà tiêu diệt, người tu hành sống trong an lành và cùng với gia quyến được nhiều lợi ích.

Lẽ này dễ hiểu. Nho gia có câu: Thiện hữu thiện ứng, người hiền bao giờ cũng gặp việc hay. Cương quyết tu hành, tốt, nhưng cần phải kiên lao.

PHẨM XII
KIẾN VĂN LỢI ÍCH

Lúc bấy giờ, Thế Tôn, từ trên đánh đầu, phóng ra trăm ngàn muôn ức đạo hào quang gọi là bạch hào, đại bạch hào, thụy hào, đại thụy hào, ngọc hào, đại ngọc hào, tử hào, đại tử hào, thanh hào, đại thanh hào, bích hào, đại bích hào, hồng hào, đại hồng hào, lục hào, đại lục hào, kim hào, đại kim hào, khánh vân hào, đại khánh vân hào, thiên luân hào, đại thiên luân hào, bảo luân hào, đại bảo luân hào, nhật luân hào, đại nhật luân hào, nguyệt luân hào, đại nguyệt luân hào, cung điện hào, đại cung điện hào, hải vân hào, đại hải vân hào... Từ trên đánh đầu phóng các thứ hào quang ấy xong, Thế Tôn phát tiếng vi diệu, bảo các đệ tử, Thiên Long bát bộ, hàng người và chẳng phải hàng người:

- Hãy nghe ta hôm nay, nơi cung trời Đạo Lợi, ca ngợi những sự lợi ích không thể nghĩ bàn của Bồ tát Địa Tạng trong đám Trời Người. Những lợi ích ấy cao hơn nguyên nhân làm Thánh, là nguyên nhân chứng mười quả Bồ tát (Thập địa sự), là nguyên nhân chung cuộc không thoái bước trên đường Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác .

Lúc Phật nói những lời ấy, trong hội có một Bồ tát danh gọi Quán Thế Âm, từ chỗ ngồi đứng dậy, quì gối chấp tay, bạch Phật nói:

- Thế Tôn, Bồ tát Địa Tạng, lòng đầy đại từ đại bi, thương xót chúng sanh tội khổ, nơi muôn ức thế giới, hóa ngàn muôn thân với bao nhiêu công đức và oai thần mạnh mẽ không thể nghĩ bàn, tôi đã từng nghe Thế Tôn và mười phương vô lượng chư Phật khác đều một lòng khen ngợi. Vì duyên cớ nào mà chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai dường như không nói hết công đức của Bồ tát Địa Tạng vậy? Mới đây lại còn nghe Thế Tôn ngỏ với đại chúng là Thế Tôn muốn nêu cao những sự lợi ích của Bồ tát Địa Tạng nữa. Cúi xin Thế Tôn, vì tất cả chúng sanh trong hiện tại và vị lai, nêu cao những việc không thể nghĩ bàn của Bồ tát Địa Tạng, để cho Thiên Long bát bộ nghe biết mà chiêm lễ, được phước.

Phật bảo Bồ tát Quán Thế Âm:

- Ông có đại nhân duyên nơi thế giới Ta bà: dầu Trời, dầu Rồng, dầu trai, dầu gái, dầu thần, dầu quỷ, thậm chí chúng sanh tội khổ trong sáu nẻo luân hồi, ai là kẻ nghe đến tên ông, thấy hình ông mà biết mến chuộng, ca ngợi ông, thì trên đường dẫn đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ắt không thoái bước, thường sanh làm người, làm trời, hưởng thọ sự vui sướng nhiệm mầu, đến khi nhân và quả đều chín muồi, sẽ gặp Phật “thọ ký” cho. Ông nay nên đầy đủ từ bi, thương xót

chúng sanh cùng Thiên Long tám chúng, nghe ta tuyên nói sự lợi ích không thể nghĩ bàn của Bồ tát Địa Tạng. Ông hãy nghe kỹ, ta nay nói về sự ấy.

Quán Thế Âm thưa:

- Bạch Thế Tôn, tôi xin vui nghe.

Phật bảo Bồ tát Quán Thế Âm:

- Trong các thế giới của vị lai, hiện tại, hễ phước trời đã hết thì người cõi trời có hạng hiện bày năm tướng suy⁽¹⁾, có hạng rơi vào nẻo ác. Những hạng người trời ấy bất luận nam nữ, đương lúc tướng suy hiện ra, mà biết hoặc “thấy” hình tượng Bồ tát Địa Tạng, hoặc “nghe” danh Bồ tát Địa Tạng, nhất tâm chiêm ngưỡng, lễ bái, thì sửa đổi được tình trạng và làm tăng phước trời, hưởng thọ nhiều vui sướng lớn lao, vĩnh viễn không rơi vào sự báo ứng nơi ba đường ác. Hà huống thấy nghe Bồ tát Địa Tạng rồi còn dùng hương, hoa, y phục, miếng ăn thức uống, châu báu, chuỗi anh lạc mà bố thí, cúng dường, thì công đức và phước lợi hưởng được thật vô lượng, vô biên.

Lại nữa, này Quán Thế Âm, nếu chúng sanh sáu nẻo, trong các thế giới vị lai và hiện tại, ngay trong lúc

1. Năm tướng suy (Ngũ suy tướng) là: Quần áo dơ dáy, trên đầu tóc rối, thân thể hôi hám, dưới nách thường ra mồ hôi, không thích ngôi vị của mình nữa.

mạng chung, mà tai nghe lọt được một tiếng danh hiệu của Bồ tát Địa Tạng, thì vĩnh viễn chẳng trải qua bao nhiêu khổ não của ba đường ác. Huống chi, khi lúc gần chết mà cha mẹ, bà con biết đem nhà cửa, của cải, châu báu, quần áo dùng vào việc nặn vẽ hình tượng Bồ tát Địa Tạng, khiến người bệnh, lúc chưa chết, tai nghe, mắt thấy được việc bà con dùng nhà cửa, châu báu của mình để vì mình nặn vẽ hình tượng Bồ tát, thì người sắp chết ấy, nếu phải vì nghiệp báo mà bị đau nặng như thế, sẽ được bệnh lành, tuổi thọ thêm lên. Còn nếu vì nghiệp báo mà mạng hết và vì tất cả những tội lỗi và ác nghiệp đã phạm mà lẽ ra phải sa vào nẻo ác, thì người đau sẽ nhờ công đức nói trên mà sau khi chết, được sanh về cõi người, cõi trời, hưởng nhiều vui sướng nhiệm mầu, bao nhiêu tội chướng đều sẽ tiêu diệt.

Lại nữa, này Bồ tát Quán Thế Âm, nếu trong đời về sau, có kẻ nam người nữ nào, hoặc còn bú, hoặc từ ba tuổi, năm tuổi, mười tuổi trở xuống mà mất cha mất mẹ, thậm chí mất anh chị em, đến khi lớn lên rồi, nhớ tưởng cha mẹ, bà con, không biết những quyền thuộc này lạc bước nẻo nào, sanh vào thế giới nào hay về cõi trời nào, nếu những kẻ nam người nữ ấy biết đắp vẽ hình tượng Bồ tát Địa Tạng, nghe được danh hiệu Bồ tát, nhất tâm chiêm ngưỡng, lễ bái từ một ngày đến bảy ngày chẳng hề cho lòng quý trọng lúc đầu lui bước, luôn luôn nghe danh, ngó hình, chiêm lễ, cúng dường Bồ tát

Địa Tạng, thì những cha mẹ, anh em, dầu có bị nghiệp chướng đáng bị rơi vào nẻo ác trong nhiều kiếp, vẫn được nhờ công đức của con em mà giải thoát, sanh về cõi người, cõi trời, hưởng thọ vui sướng nhiệm mầu.

Còn nếu hàng quyến thuộc chết là người đã có làm việc phước đức, đã sanh về cõi người cõi trời rồi và đang hưởng vui sướng, thì nhân lành nên Thánh nên Hiền sẽ nhờ công đức của con em mà tăng thêm, hưởng vô lượng vui sướng.

Những con em, nếu lại biết suốt hai mươi một ngày, một lòng chiêm lễ hình tượng Bồ tát Địa Tạng, niệm danh hiệu Bồ tát đủ muôn lần, thì sẽ được Bồ tát hiện thân vô biên ra, báo cho biết nơi thác sanh của cha mẹ, anh em mình. Hoặc trong giấc mộng, được Bồ tát hiện đại thần lực, tự thân đi dắt những con em ấy đến các thế giới để thấy cha mẹ, anh em. Lại nếu mỗi ngày, niệm được danh hiệu Bồ tát một ngàn lần và như thế cho đến một ngàn ngày, thì được Địa Tạng Bồ tát khiến chư quỷ thần nơi đất mình ở hộ vệ trọn đời, ăn uống dư dật, khỏi các bệnh khổ, thậm chí mọi tai nạn không vào cửa, đừng nói làm hại đến thân. Chung cuộc, những người được hộ vệ như thế được Địa Tạng Bồ tát rờ đầu thọ ký cho.

Lại nữa, này Quán Thế Âm, trong đời vị lai, nếu có kẻ nam người nữ nào muốn phát tâm từ bi rộng lớn, cứu vớt tất cả chúng sanh tội khổ, muốn tu chứng Chánh

giác vô thượng, muốn xa lìa ba cõi, thì nên ngó hình tượng Bồ tát Địa Tạng, nghe danh Bồ tát, hết lòng quy y hoặc dùng hương hoa, y phục, châu báu, miếng ăn, thức uống mà cúng dường, chiêm lễ. Làm được như thế thì sở nguyện mau thành, vĩnh viễn không gặp điều trở ngại.

Lại nữa, này Bồ tát Quán Thế Âm, trong đời vị lai, nếu có trai lành gái tín nào muốn cầu trong hiện tại và vị lai cho trăm ngàn muôn ước nguyện, trăm ngàn muôn sự việc đều được như ý, thì chỉ nên quy y chiêm lễ, cúng dường, ca ngợi hình tượng Bồ tát Địa Tạng. Như thế, bao nhiêu sở nguyện, sở cầu đều được thành tựu. Nếu lại nguyện thêm: “Xin Bồ tát Địa Tạng, dấy lòng từ bi, ủng hộ tôi mãi mãi”, thì trong giấc mộng sẽ được Bồ tát rờ đầu thọ ký cho.

Lại nữa, này Bồ tát Quán Thế Âm, nếu trong đời vị lai, có trai lành gái tín nào sanh tâm quý mến thâm sâu đối với Kinh điển Đại thừa, muốn đọc, muốn tụng, phỏng gặp thầy hay, dạy chỉ cho thuộc, nhưng đọc rồi lại quên, trải qua năm tháng mà không đọc được, thì đó là nghiệp chướng đời trước chưa được tiêu trừ, cho nên đối với Kinh điển Đại thừa không có “tánh đọc tụng”. Những người như thế, hãy nghe danh Bồ tát Địa Tạng, thấy tượng Bồ tát Địa Tạng, thì nên thu góp tâm mình cho đầy đủ, cung kính kêu cầu, lại dùng hương hoa, y phục, miếng ăn, thức uống, mọi thứ mừng mền giường chiếu cúng dường Bồ tát: Lại nữa, nên lấy một chén

nước để trước bàn thờ Bồ tát một đêm một ngày, sau đó quay đầu về hướng Nam, chắp tay thỉnh nước ấy mà uống. Lúc nước vào miệng phải hết lòng trịnh trọng. Uống nước rồi, phải cử hành, he, tởi, nén, kiệu (ngũ tân), cử uống rượu, tà dâm, vọng ngữ cùng giết hại. Trong vòng bảy ngày hoặc hai mươi mốt ngày, trai lành gái tẩn ấy, trong giấc mộng, sẽ thấy Bồ tát Địa Tạng hiện thân vô biên, ngay nơi những người ấy ở, rưới nước trên đỉnh đầu họ, khiến họ khi thức tỉnh, trí huệ sáng suốt, rồi bao nhiêu Kinh điển, hễ lọt vào tai, là ghi mãi trong tâm không quên mất một câu, một kệ.

Lại nữa, này Bồ tát Quán Thế Âm, nếu trong đời vị lai, có những người y thực không đủ, cầu gì cũng trái ý, hoặc nhiều bệnh tật, hoặc gặp nhiều việc hung dữ, hao tổn, nhà cửa chẳng an, bà con phân tán, hoặc bị tai nạn làm hại đến thân, đêm ngủ chiêm bao thấy điều sợ hãi, thì những người ấy, khi nghe đến tên Bồ tát Địa Tạng, thấy hình Bồ tát Địa Tạng, nên chí tâm cung kính niệm danh hiệu Bồ tát đủ một muôn lần, thì bao nhiêu sự việc không vừa lòng đều lần lần tiêu diệt, rồi được an vui, y thực dư dật, thậm chí ngủ hết chiêm bao, cuối cùng được an lạc.

Lại nữa, này Bồ tát Quán Thế Âm, nếu trong đời vị lai có trai lành gái tẩn nào, hoặc vì kiếm ăn, hoặc vì công việc tư, hoặc vì vấn đề sanh tử, hoặc việc gấp, đi vào rừng núi, đi sông đi biển, gặp sóng to gió lớn hay

đường sá nguy hiểm, mà trước khi ra đi biết niệm danh hiệu Bồ tát Địa Tạng muôn lần, thì đi đến đâu có quỷ thần chỗ đó hộ vệ, đi, đứng, nằm, ngồi đều được an vui; thậm chí có gặp cọp, sói, sư tử, mọi thứ độc hại, cũng không bị thương tổn.

Phật bảo Bồ tát Quán Thế Âm:

- Bồ tát Địa Tạng có nhân duyên lớn với chúng sanh cõi Diêm Phù Đề; nếu đem những sự lợi ích mà chúng sanh có thể hưởng được nhờ sự “thấy, nghe” Bồ tát Địa Tạng ra mà nói, thì dầu trải qua trăm ngàn kiếp, nói cũng không hết được. Bởi vậy, này Quán Thế Âm, ông nên dùng thần lực của ông mà lưu truyền và ban bố Kinh này để cho chúng sanh cõi Ta bà trong trăm, ngàn, muôn kiếp được hưởng thọ an vui mãi mãi.

Lúc bấy giờ, Phật nói bài kệ như sau:

Ta quán thấy thần lực Địa Tạng

Hằng-hà sa kiếp nói không cùng

Thấy, nghe, chiêm lễ trong khoảnh khắc

Trời, người được lợi không thể lường.

Là nam, là nữ, là Long, Thần,

“Báo” hết, đáng rơi vào ác đạo,

Nếu biết hết lòng quy Địa Tạng

Tuổi thọ được thêm, tội chướng hết.

Trẻ con mất cha cùng mất mẹ

Chưa hay hồn thần lạc về đâu,
Anh em, chị em cùng quyến thuộc,
Từ lúc sanh ra, đều không biết,
Nếu biết đắp tượng Địa Bồ tát
Ái mộ chiêm lễ không lúc rời,
Bảy tuần liền niệm danh Bồ tát,
Bồ tát sẽ hiện Vô biên thể,
Rồi biết nơi sanh của quyến thuộc
Và người nẻo ác sẽ thoát ly.
Nếu giữ được tâm cần lúc đầu
Ắt Bồ tát xoa đầu thọ ký.
Ai muốn tu Vô thượng Bồ đề
Cùng muốn xa lìa khổ ba giới,
Hãy nên trước phát đại bi tâm
Kế đó chiêm lễ tượng Địa Tạng
Thì mọi nguyện ước sớm thành tựu
Nghiệp chướng hết còn theo cột trời.
Ai người phát tâm tụng Kinh điển
Muốn vượt sông mê lên bờ giác
Tuy đã lập nguyện như thế rồi
Mà đọc Kinh xong không nhớ được,
Nên biết là mình dày nghiệp chướng

*Khiến đọc Kinh Đại thừa không nhớ.
Vây nên dùng hương hoa, y phục,
Ấm thực, ngọc cụ cúng Địa Tạng.
Rồi nước trong đặt trước bàn thờ
Một ngày một đêm cầu thỉnh uống,
Phát tâm ân cần, cử ngũ vị,
Rượu, thịt, tà dâm và vọng ngữ,
Hai mươi mốt ngày, không sát hại
Hết lòng tưởng nhớ tên Bồ tát,
Ắt chiêm bao mộng thấy “Vô biên”.
Thức giấc, mắt tai được không rõ:
Lời kinh tiếng kệ lọt vào tai
Muôn đời ngàn đời, không hề quên.
Ấy nhờ thần lực của Bồ tát
Mà người đời mới được Huệ ấy
Chúng sanh nghèo khổ cùng tật bệnh
Nhà cửa nguy suy, thân thuộc lìa,
Chiêm bao mộng mỵ không an giấc
Cầu gì cũng gặp không vừa lòng:
Hãy hết lòng chiêm lễ Địa Tạng
Bao nhiêu việc xấu đều tiêu diệt.
Giấc ngủ trở lại được bình an,*

Dư ăn, dư mặc, thân ủng hộ.
Dầu lên núi, vào rừng, qua biển,
Thì thú dữ cũng như giặc cướp
Thần ác, quỷ ác cùng gió độc,
Tất cả tai nạn, khổ não khác,
Đều nhờ chiêm lễ cùng cúng dường
Hình tượng của Bồ tát Địa Tạng
Mà nhất nhất bị tiêu diệt hết.
Quan Âm, hãy hết lòng nghe ta
Địa Tạng vô lượng, khó nghĩ bàn
Trăm, ngàn, muôn kiếp nói không cùng
Nếu muốn rộng tuyên sức Đại sĩ
Danh hiệu Bồ tát nếu được nghe
Hình tượng Bồ tát nếu được lễ,
Lại đem hương hoa cùng ẩm thực
Y phục ngọạ cụ mà cúng dường,
Trăm ngàn đời sau được an lạc.
Nếu đem công đức ra hồi hướng
Chung cuộc thành Phật, thoát sanh tử.
Bởi có, này Quan Âm, ông nên
Phổ Cáo trong Hằng sa quốc độ.

Mật nghĩa:

Danh đề của phẩm 12 là: Kiến văn lợi ích.

Kiến là thấy, Văn là nghe.

Theo Kinh, thấy là thấy hình tượng Bồ tát Địa Tạng. Nghe là nghe danh hiệu Bồ tát Địa Tạng.

Đây là phép “dĩ huyền độ chân”, “dụng quyền chỉ thực”.

Danh hiệu, hình tượng, thuộc về “sắc chất” hay vật chất. Phải quyền dùng những phương tiện vật chất mắt thấy tai nghe ấy, hành giả chí tâm mới lần hồi nhập vào chánh định, rồi êm ái, nhẹ nhàng bước sang cảnh giới chân thực tức là cảnh giới của tâm linh không hình không tướng.

Chúng sanh quen sống với cảnh vật chất, mắt thấy tai nghe, khó mà xa lìa để đi sâu vào cảnh giới vô hình vô tướng, không nghe không thấy bằng mắt thịt tai thịt được. Do đây, Phật phải dùng “kế”, dùng “chước”, đưa ra những lợi ích để khích lệ hành giả trong những tu tập bên ngoài, dựa trên sắc tướng. Thí dụ: Nếu nhất tâm chiêm ngưỡng lễ bái hằng ngày thì sửa đổi được tình trạng của mình và tăng phước gia thọ. Làm việc ấy được bảy ngày, thì cái lợi cho mình còn giúp hương linh quyến thuộc được sanh về cõi Trời, giải thoát nghiệp chướng. Nếu làm được trong 21 ngày thì trong giấc

mộng được đến với người thân đã quá vãng và tự thân được chư Thần hộ vệ.

Lại nữa, chiêm lễ, xưng danh Bồ tát Địa Tạng còn những lợi ích khác như sau:

- Nếu muốn tu tới Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sở nguyện sẽ mau thành, không gặp điều trở ngại.

- Bao nhiêu sở nguyện, sở cầu đều được thành tựu.

- Nếu thiếu trí huệ (đọc Kinh Đại thừa không nhớ) sẽ được trí huệ đầy đủ, với điều kiện là phải thu góp tâm mình cho đầy đủ cùng giữ giới chay lạt.

- Muốn tiêu tai, được tiêu tai; muốn kiết tường, được kiết tường.

Tại sao được nhiều việc lợi ích như thế?

Vì nhất tâm chiêm lễ niệm danh tức là vì có định.

Cúng dường là bố thí, mà bố thí là trừ tham, giải thoát ngã chấp, pháp chấp. Càng giải thoát, cái định càng sâu dày.

Thêm vào đó sự giữ giới, thì cái định nhờ thanh tịnh mà thâm sâu hơn nữa.

Có Định rồi là có Huệ, cho nên bao nhiêu Kinh điển Đại thừa, hễ lọt vào tai là ghi mãi, không mất một câu.



Phật thật là Vô Thượng Y Vương, có không biết bao nhiêu phương để trị tâm bệnh cho chúng sanh.

Phương điển hình nhất là đem Lý ra dạy, kế đến Thực hành và nói trước cho biết Kết quả. Đây là cái bộ ba GIÁO, HÀNH, QUẢ, đặc điểm của lối dạy của Phật.

Trong phẩm thứ 12 Kinh Địa Tạng, đức Phật xáo trộn trật tự của ba yếu tố ấy. Ngài dạy HÀNH mà không nói tới cái Lý tại sao phải làm như thế. Hành là chiêm ngưỡng lễ bái, cúng dường hình tượng và niệm danh Bồ tát Địa Tạng, hai việc phải được thi hành với nhất tâm chí thành. Chẳng khác nào phương pháp dạy nghề cho những thanh niên tập sự.

Những anh thợ máy học nghề bằng cách tập sự (apprentissage), tức là bằng cách thực hành, có biết lý thuyết là gì. Cứ theo lời thầy mà làm, rốt rồi biết nghề và khi thạo nghề sẽ biết cái Lý tại sao phải làm như thế này mà không làm như thế nọ.

Biết nghề là việc học tập có kết quả.

Trong chỗ tu hành cũng vậy. Đối với những người căn tánh không được nhạy thông, trí tuệ thiếu kém, đem Lý ra dạy, sẽ mất nhiều thời giờ mà chưa chắc họ hiểu và tin. Không hiểu, không tin, ắt không thực hành, không tu. Bây giờ không GIÁO, không nói Lý, mà khuyên Hành dẫn dụ họ bằng cách đưa ra những lợi ích mà họ sẽ hưởng. Ham lợi và thấy dễ làm. Càng làm

càng hay, càng hay nghề càng tấn và sự hiểu biết cũng càng tăng, đồng thời những lợi ích thêm phần rõ rệt. Chừng ấy họ sẽ thấy cái LÝ trong cái HÀNH và họ sẽ biết tại sao Phật dạy làm như vậy. Vậy ra ở đây cũng có GIÁO là dạy, nhưng không dạy Lý mà dạy Hành xong là tự trung thấy LÝ.

Bảo quay vào nội giới để thấy tâm, thấy tánh (Kiến Tánh) là lý thuyết, và lý thuyết ấy phải thực hiện bằng Thanh tịnh và Chánh định. Then chốt ở đây. Bây giờ không nói Lý mà bảo nhất tâm ngó tượng Bồ tát (chiêm ngưỡng). Như thế là Định. Lại bảo cũng phải nhất tâm nghe danh hiệu của Bồ tát: một lối Định khác. Định trong cái thấy, gọi là Kiến; Định trong cái nghe, gọi là Văn.

Nội cái văn không cũng đủ giải thoát con người, hà huống còn thêm Kiến. Muốn vào Chánh định, phải lắng nghe, lắng nghe động tịnh, tiếng nói của lòng, của Tâm: “Tùng Văn, Tư, Tu, nhập Tam ma địa” là như thế.

Vậy toàn phẩm chứa đựng Tam vô lậu học: Giới, Định và Huệ, trình bày bằng những việc làm bề ngoài.

PHẨM XIII
CHÚC LŨY NHÂN THIÊN

Lúc bấy giờ, Thế Tôn cất cánh tay sắc vàng lên, xoa đánh đầu Bồ tát Địa Tạng mà nói rằng:

- Địa Tạng! Địa Tạng! Thần lực của ông không thể nghĩ bàn được; Từ bi của ông không thể nghĩ bàn được; Trí huệ của ông không thể nghĩ bàn được; Biện tài của ông không thể nghĩ bàn được. Giá phỏng chư Phật mười phương, trong ngàn muôn kiếp, ca ngợi, nói bày những việc không thể nghĩ bàn của ông, cũng không làm sao hết được.

Này Địa Tạng! Này Địa Tạng! Ông ghi nhớ rằng ta nay tại cung trời Đao Lợi, trong đại hội của trăm, ngàn, muôn ức, không thể kể xiết, không thể kể xiết chư Phật, Bồ tát, Thiên Long tám bộ, trời trăm giao phó lại cho ông loài người, loài trời, tất cả chúng sanh chưa ra khỏi ba thế giới, còn trong nhà lửa, ông đừng để những chúng sanh ấy rơi vào nẻo ác, dầu là trong một ngày một đêm, hà huống để cho họ rơi vào ngục Ngũ Vô gián cùng ngục A Tỳ, trải muôn ngàn ức kiếp, không có ngày ra.

Này Địa Tạng! Chí nguyện và tâm tánh của chúng sanh cõi Nam Diêm Phù Đề không định, vì phần đông quen thói làm ác cho nên thoảng hoặc có phát tâm lành, trong chốc lát rồi cũng thoái bước, bằng gặp duyên ác, những tư tưởng ác lại tăng thêm. Bởi lẽ ấy, ta tự phân thân ra làm trăm, ngàn, ức để hóa độ chúng sanh, tùy căn tánh mà độ thoát tất cả.

Này Địa Tạng! Ta nay ân cần giao gửi cho ông chúng sanh của cõi Người, cõi Trời. Trong đời vị lai, nếu có người cõi Trời, cõi Người, cùng trai lành gái tín, ở trong Pháp Phật, gieo những căn lành, nhỏ nhít dầu bằng sợi lông, bằng hạt bụi, bằng hạt cát, bằng giọt nước, ông hãy lấy sức mạnh của Đạo (đạo lực) mà ủng hộ những người ấy, để cho họ lần hồi tu sửa đến chỗ Vô thượng giác, đừng để họ thoái bước.

Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, dầu Trời, dầu Người, nếu vì sự báo ứng của nghiệp mà phải rơi vào nẻo ác, thì khi sắp rơi vào đường ác hoặc khi đã tới ngưỡng cửa ác mà biết niệm một danh hiệu Phật, một danh hiệu Bồ tát, một câu, một kệ Kinh điển Đại thừa, thì ông hãy lấy phương tiện của thần lực mà cứu bạt những chúng sanh ấy. Nơi chỗ họ đứng, ông hiện thân vô biên, đập nát địa ngục, làm cho họ được sanh về cõi Trời, hưởng thọ nhiều sự vui sướng mầu nhiệm.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn nhân đây mà nói bài kệ như sau:

*Hiện tại, vị lai, trời, người thầy,
Ta nay ân cần giao phó ông:
Hãy dùng thần thông phương tiện độ
Đừng để rơi vào các nẻo ác.*

Khi ấy, Bồ tát Địa Tạng quì gối, chấp tay, bạch Phật nói:

- Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn chớ lo. Trong đời vị lai, nếu có trai lành gái tín nào, trọng Pháp Phật, biết một niềm cung kính, tôi sẽ dùng trăm ngàn phương tiện độ thoát những người ấy, trong chỗ sanh tử, mau được giải thoát. Huống chi những người tai nghe việc lành, mỗi niệm đều nghĩ tới việc tu hành, thì tự nhiên trên đường Vô thượng giác, họ mãi mãi không thoái bước.

Lúc Địa Tạng nói như thế, trong Hội có một Bồ tát danh Hư Không Tạng, bạch Phật nói rằng:

- Thế Tôn! Tôi đến từ cung trời Đao Lợi, đã nghe Như Lai ca ngợi oai thần thế lực không thể nghĩ bàn của Bồ tát Địa Tạng. Nếu trong đời vị lai, có những trai lành gái tín nào, thậm chí tất cả hàng Thiên, Long, nghe được Kinh này và danh hiệu Địa Tạng, hoặc chiêm ngưỡng, lễ bái hình tượng Địa Tạng, những người ấy sẽ được bao nhiêu phước lợi? Cúi xin Thế Tôn vì tất cả chúng sanh trong vị lai, hiện tại, sơ lược nói cho nghe.

Phật bảo Bồ tát Hư Không Tạng:

- Hãy nghe kỹ, hãy nghe kỹ, ta sẽ vì người mà phân biệt nói về điều đó. Nếu trong đời vị lai, có trai lành gái tín nào thấy hình tượng Địa Tạng cùng nghe Kinh này, thậm chí đọc tụng, dùng hương hoa, ẩm thực, y phục, châu báu mà bố thí cúng dường, ca ngợi, chiêm ngưỡng, lễ bái, thì những người ấy được hai mươi tám thứ lợi ích:

- Một là Thiên, Long giữ gìn sự nhớ tưởng của mình.

- Hai là quả lành càng ngày càng thêm.

- Ba là tụ tập những hột giống hạng cao để làm Thánh.

- Bốn là không lui bước trên đường giác ngộ.

- Năm là ăn mặc đầy đủ dư dật.

- Sáu là tật bệnh không có.

- Bảy là tránh khỏi tai họa nước lửa.

- Tám là không bị ách nạn giặc cướp.

- Chín là ai thấy cũng khâm phục kính mến.

- Mười là được quỷ thần giúp đỡ giữ gìn.

- Mười một là thân gái chuyển thành thân nam.

- Mười hai (nếu phải làm thân nữ nhân) thì làm con gái của hàng vua chúa.

- Mười ba là tướng mạo tốt đẹp và đoan chánh

- Mười bốn là thường sanh về cõi Trời.
- Mười lăm là ở thế gian làm bậc Đế vương
- Mười sáu là sáng suốt biết đời trước.
- Mười bảy là cầu gì được nấy.
- Mười tám là họ hàng vui vẻ
- Mười chín là các tai họa tiêu diệt.
- Hai mươi là nghiệp ác trừ tuyệt.
- Hai mươi mốt là ở, đi, đều thông suốt.
- Hai mươi hai là đêm chiêm bao an vui.
- Hai mươi ba là bà con chết trước hết khổ.
- Hai mươi bốn là phước trước được hưởng.
- Hai mươi lăm là Hiền Thánh ca ngợi.
- Hai mươi sáu là nghe thấy sáng suốt.
- Hai mươi bảy là nhiều thương xót.
- Hai mươi tám là chung cuộc thành Phật.

Lại nữa, này Bồ tát Hư Không Tạng, nếu trong hiện tại, vị lai, Thiên, Long, quỷ, thần nào nghe danh hiệu Bồ tát Địa Tạng, lễ bái hình tượng Địa Tạng, hoặc nghe Kinh Địa Tạng Bản Nguyện, theo các điều chỉ dạy trong đó mà tu hành, ca ngợi, chiêm bái, thì sẽ được bảy thứ lợi ích:

- Một là mau lên bậc Thánh.
- Hai là nghiệp ác tiêu diệt.

- Ba là chư Phật giáng lâm hộ trì.
- Bốn là không thoái bước trên đường Giác ngộ.
- Năm là sức mình tăng trưởng.
- Sáu là thông biết đời trước.
- Bảy là rốt cuộc thành Phật.

Lúc bấy giờ, tất cả những người từ mười phương tụ tập về, đông không kể xiết, tất cả chư Phật, Bồ tát, tám nhóm Thiên Long, nghe Phật Thích Ca Mâu Ni ca tụng, khen ngợi sức mạnh oai thần không thể nghĩ bàn của Bồ tát Địa Tạng, đều thở ra nói: Thật là việc chưa từng nghe thấy.

Ngay lúc ấy, nơi cung trời Đao Lợi, vô lượng mưa hương, mưa hoa, mưa thiên y, mưa chuỗi ngọc, rưới xuống cúng dường đức Phật Thích Ca Mâu Ni cùng Bồ tát Địa Tạng xong, tất cả trong hội đều chiêm ngưỡng, lễ bái một lần nữa, rồi chấp tay lui bước.

BÀI TÁN

Lời tự thệ của Địa Tạng

Là nguyên nhân nói trong Kinh của sự trọng kính (về phước đức).

Tàn tật, câm ngọng là do nghiệp tiền sanh.

Đời nay nếu biết đọc tụng Kinh điển Đại thừa,

Thì sẽ có phước lợi vô cùng,

Và quyết định sanh vào hoa sen báu (cõi Cực lạc)

Mật Nghĩa:

Theo Kinh, thần lực, từ bi, trí huệ và biện tài của Địa Tạng không thể nghĩ bàn, nghĩa là không thể quan niệm, tưởng tượng được. Mà Địa Tạng tượng trưng cho Tâm, thì chính tâm là sức mạnh, là từ bi, là trí huệ, là tài hùng biện vô lượng vô biên đó.

Lại nữa, nếu hiểu Tâm mới là “con người thật”, mới chính là ta, thì mỗi chúng ta là một nguồn sức mạch tâm linh (forces spirituelles), một suối từ bi, một mặt trời trí huệ, một núi hùng biện, tất cả đều vô cùng vô tận, không thể kể nói cho hết được, và cũng không thể đem ra suy gẫm, bàn luận được. Tất cả những đức tướng ấy đều tuyệt đối.

Vậy con người có đầy đủ điều kiện, phương tiện để tự mình cứu vớt lấy mình (thần lực); đầy đủ thương xót để làm lành (từ bi); đầy đủ sáng suốt để phân biệt giả chân, thiện ác, chánh tà (trí huệ), đầy đủ tài biện luận để giải nghi (biện tài). Do đây Phật mới gởi gắm chúng sanh cho Địa Tạng gìn giữ, nói một cách khác, giao chúng ta cho Tâm chúng ta chăm nom, đừng để rơi vào nẻo ác.

Sở dĩ chúng ta được Tâm Địa Tạng trông nom như thế mà thường hay sa đọa, chỉ vì chí chúng ta không

định một chỗ, nay muốn tu mà mai lại thôi, hôm nay phát tâm lành quyết bỏ việc ác mà vài hôm sau lại thoái bước. Tuy nhiên, nếu chúng ta biết rằng cốt yếu ở chỗ gieo trồng, thì ngay đây gieo đi, dầu hột lành chỉ bằng đường tở, sợi tóc, hột cát, giọt nước. Vì sao? Vì có giống là sẽ có cây, có cây là sẽ có trái, nếu Địa Tạng hay Tâm của chúng ta biết ủng hộ hột giống đó đừng để nó mất. Vì vậy, lúc muốn làm việc ác (âm đọa thú trung), hoặc lúc sắp làm việc ác (hoặc chí môn thủ), thì nên dừng lại, nhớ nghĩ đến Phật (niệm đắc nhất Phật danh, nhất Bồ tát danh) hoặc nhớ Pháp (niệm nhất cú nhất kệ) thì sẽ được Địa Tạng hay Tâm phá nát địa ngục là sự mê muội, tối tăm của mình mà tránh được điều ác.

Hơn nữa, nếu tai cứ nghe việc lành, mỗi lúc đều nghĩ tới việc tu hành, lễ Phật, đọc Kinh, thì ngay đây được nhiều lợi ích phước đức, lại còn cái lợi khác là tiến bước mãi trên đường Vô thượng giác (thành Phật), không hề thối bước. Muốn được như vậy, cần phải tự thề quả quyết với mình (Bổn thệ).



KẾT LUẬN

Có lẽ đến đây không còn sự nghi ngờ về tính cách tượng trưng của Bồ tát Địa Tạng. Nhưng một thắc mắc không khỏi phát sanh trong lòng người đọc: “Địa Tạng chỉ Tâm chớ không phải chỉ một vị Bồ tát thật có, vậy có nên tiếp tục lễ bái, chiêm ngưỡng, cúng dường Bồ tát Địa Tạng không?”

Xin thưa: Chẳng những nên mà còn cần tiếp tục, nhưng với một tinh thần mới, một thái độ mới.

Trước kia, nếu chúng ta có lầm tưởng rằng lễ bái, chiêm ngưỡng, cúng dường là đủ, thì nay nên gắn ghi và thực hành mấy điều sau đây:

1. Thêm vào sự tin tưởng lễ bái, việc đọc Kinh Địa Tạng.

2. Suy gẫm cho nhiều, cho sâu, những lời vàng ngọc của Phật.

3. Thực hành những gì Kinh dạy làm.

Thâm ý của Đức Thế Tôn là đưa ra câu chuyện Bồ tát Địa Tạng để gây niềm tin nhân đó mà khuyến cáo về hậu quả tai hại của những nghiệp chẳng lành, rồi cuộc dạy bảo những phương pháp khử ác tồn thiện. Vì vậy cần lễ bái chiêm ngưỡng để khởi phát lòng tin; cần

suy giảm cho nhiều để thâm nhập giáo pháp của Phật về luật nghiệp báo nghiêm minh, chót hết cần phải thực hành những phương pháp tu sửa dạy rõ trong Kinh, nếu chúng ta thật tâm cương quyết thoát ly địa ngục và tự ban cho mình những phước lạc Phật hứa khả.

Nhất thiết do Tâm tạo, thì Thiên đường hay địa ngục cũng đều do Tâm mà ra. Những gì Tâm làm được, Tâm phá được. Bởi cứ chỉ có Địa Tạng của chúng ta mới phá ngục “thiết vi” của tham, sân, si do chúng ta tạo và trả chúng ta về với cảnh giới giải thoát tự tại.

Nguyện mười phương chư Phật, Bồ tát hộ trì cho tất cả bạn đọc đều sáng suốt nhận thức như thế để khỏi phụ lòng từ mẫn giáo hóa của Đức Thế Tôn.

Chánh Trí

MỤC LỤC

Thay lời tựa	9
Lời dẫn	23

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm I.	Đạo Lợi thiên cung thần thông (Phật hiển phát thần thông nơi cõi trời Đạo Lợi)	39
Phẩm II.	Phân thân tập hội (Các phân thân hội về một chỗ)	53
Phẩm III.	Quán chúng sanh nghiệp duyên (Xem xét nghiệp duyên của chúng sanh)	62
Phẩm IV.	Diêm phù chúng sanh nghiệp cảm (Nghiệp cảm của chúng sanh cõi Diêm Phù)	71

QUYỂN TRUNG

Phẩm V.	Danh hiệu địa ngục (Danh hiệu của các địa ngục)	87
----------------	--	----

Phẩm VI.	Như Lai tán thán (Như Lai khen ngợi Địa Tạng)	96
Phẩm VII.	Lợi Ích Tồn Vong (Sự lợi ích cho kẻ chết người sống)	110
Phẩm VIII.	Diêm La Vương chúng tán thán (Chúng vua Diêm La khen ngợi)	119
Phẩm IX.	Xưng Phật danh hiệu (Pháp môn xưng danh Phật)	132

QUYỂN HẠ

Phẩm X.	Hiệu lượng bố thí công đức (Hiệu lực và năng lượng của công đức bố thí)	139
Phẩm XI.	Địa thần hộ pháp (Thần thổ địa hộ vệ chánh pháp)	147
Phẩm XII.	Kiến, văn lợi ích (Sự lợi ích của việc thấy, nghe)	153
Phẩm XIII.	Chúc lữ nhân, thiên (Phật gửi gắm người, trời cho Địa Tạng)	170

ĐỊA TẶNG MẬT NGHĨA

Chánh Trí MAI THỌ TRUYỀN

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN CÔNG OÁNHBiên tập: **VŨ VĂN HIẾU**Sửa bản in: **TRẦN ĐỨC HẠ**Trình bày: **KHÁNH CHI**Bìa: **TÚ MINH**

Đối tác liên kết:

Thực hiện liên doanh:

**CTY TNHH VĂN HÓA
PHÁT QUANG****ĐT: 08.38.114.009 – 38.110.211****Fax: 08.62.938.562 – DD: 0903.310.145****Email: phatquangco@gmail.com**

In 1.000 bản khổ 14,5x20,5cm. Tại Công ty Cổ phần in Khuyến học phía Nam. Giấy phép số 412-2011/CXB/07-77/TG cấp ngày 21/7/2011. In xong và nộp lưu chiểu quý4 năm 2011.